

Liên Tông Bảo Giám

■ **LIÊN TÔNG BẢO GIÁM**

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Quang

Sửa bản in: Phương Hiền

Bìa: Mai Quế Vũ

In 1.000 cuốn, khổ 14x20cm

Tại Xi nghiệp in Fahasa,

74 Trường Chinh, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

15-2009/CXB/43 - 111/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 23 tháng 12 năm 2008

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2009

ĐẠI SƯ ƯU ĐÀM

Thích Minh Thành dịch

**LIÊN TÔNG
BẢO GIÁM**

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

LỜI NGỎ

Chúng sinh vốn sẵn đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì mê lầm lãng quên tánh biết sáng suốt nơi chính mình, chạy theo vọng tưởng trần lao, gây tạo các thứ nghiệp nên luân hồi trong sáu nẻo. Làm nghiệp lành thì sinh nơi cõi A-tu-la, Người, Trời; gây nghiệp ác thì đọa vào Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Rốt cuộc, chỉ là khổ thôi!

Đức Phật từ bi vô hạn, xuất hiện nơi đời, chỉ dạy vô lượng pháp môn để cứu thoát chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử mênh mông, đặt để lên bến bờ Niết-bàn an vui giải thoát.

Pháp môn tuy nhiều nhưng tìm một pháp ổn thỏa, thẳng tắt, thích hợp mọi căn cơ thì không gì hơn niệm Phật. Trên từ hàng Bồ-tát Đẳng giác, dưới đến kẻ phàm phu đầy đầy phiền não, đều tin tưởng hướng về. Pháp tu này, người trí quyết tâm niệm Phật hiện đời vào sâu Tam-muội, kẻ ngu chỉ cần mười niệm thành công về nơi chín phẩm.

Thế nên, bao đời chư vị Tổ sư, Cao tăng, Đại đức, trước tác soạn thuật, hoằng dương Tịnh độ, sách luận rất nhiều, nhằm để nối tiếp tâm nguyện Phật, dẫn dắt muôn loài đồng về cõi Tịnh. Trong đó, quyển *Liên Tông Bảo Giám* do Đại sư Ưu Đàm soạn thuật được xem là chiếc thuyền lớn của việc xiển dương Tịnh nghiệp.

Sách này là chiếc gương quý báu soi sáng cho người niệm Phật, khiến ai nấy đều thấu rõ đường lối tu hành, nhận chân được giá trị lớn lao của pháp môn Tịnh độ, phá tan mê lầm, bỏ tà về chánh, chống đỡ ngôi nhà Phật pháp trong lúc nguy nan, xua tan mây mù u ám, để mặt trời trí tuệ Phật soi sáng muôn nơi, chúng sinh đều thấm nhuần mưa pháp.

Tôi lúc mới vào đạo, đã xem qua *Mấy Điều Sen Thanh* do HT. Thiên Tâm phiên dịch nên biết được đại khái phần nào giá trị của bộ *Liên Tông Bảo Giám*.

Vả lại, nhận thấy tài liệu về Tịnh độ ở Việt Nam chưa nhiều, nơi lòng ấp ủ tâm nguyện mong muốn góp sức vào việc phiên dịch để phổ biến. Vào năm 2002, nhân lúc an cư tại trường Hạ chùa Bửu Liên (Q. Bình Thạnh), tôi gặp thầy Minh Thành, được biết thầy thông thạo về Hán cổ nên mong thầy phát tâm chuyển ngữ những bộ sách Tịnh độ trong Hán tạng sang Việt văn. Từ đó, các huynh đệ đồng lòng góp sức, những dịch phẩm lần lượt ra đời. Đến khi có được trong tay bộ *Liên Tông Bảo Giám* bằng chữ Hán, chúng tôi quyết tâm phiên dịch sang tiếng Việt nhằm đem lại lợi ích rộng sâu cho người tu Tịnh nghiệp. Thời gian trải qua 3 năm, lúc hoàn thành, tôi cầm bản thảo xem đi xem lại năm bảy lượt, nơi lòng dâng tràn niềm cảm xúc sâu xa khi đọc đến đoạn: “Đời vua Nguyên Thành Tông, xuất hiện nhóm người mạo danh Liên tông, làm điều tà vạy, bẻ cong chánh pháp, gây loạn trong nước. Triều đình ban chiếu chỉ nghiêm cấm Liên tông hoằng hóa. Đại sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật 10 quyển Liên Tông Bảo Giám, kính cẩn tự phát tâm lập nguyện, y theo số chữ trong ấy, mỗi chữ lạy ba lạy, mỗi lạy tụng tâm chú Lăng-nghiêm một lần, xưng tôn hiệu Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát ba lần. Ngài tha thiết mong chư Phật xót thương gia hộ, khiến cho tà ma ngoại đạo quy y,

chân thừa được lưu bố rộng rãi. Sau đó, Ngài đích thân lên kinh đô, vượt đường xa ngàn dặm, không ngại gian khổ, đem sách này dâng lên Hoàng đế. Nhà vua xem xong khen ngợi, bãi bỏ lệnh cũ, cho phép in ấn lưu hành rộng rãi”.

Thật tôn kính biết bao! Đại sư Ưu Đàm ý chí ngất trời, dùng mắt tuệ viết nên sách này, tâm thành cùng cực, vì pháp quên cả thân mạng, quyền uy không khiếp phục, dốc sức mở bày chánh pháp, dẫn dắt mọi người đồng về nẻo giác. Với tâm này, nên Sư mới đạt thành chí nguyện như thế!

Chúng tôi chỉ mong những ai có duyên đọc qua, hoặc thấy hoặc nghe, bao người tu tập pháp môn Tịnh độ đều là bạn sen thân thiết với chúng tôi, cùng nhau quyết tâm tu hành, dốc sức niệm Phật không thối chuyển, để đền đáp phần nào công ơn sâu nặng của Phật, Tổ.

Dịch phẩm hoàn thành dưới sự chứng minh của HT. thượng Trí hạ Tịnh (viện chủ chùa Vạn Đức), sự tận tâm giúp đỡ của ĐĐ. Thích Chân Tính (Trụ trì chùa Hoàng Pháp) cùng chư pháp hữu ĐĐ. Tâm Huệ, Phật tử Tâm Hoa, Hoàng Trang... biết bao tấm lòng vì sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh nên công việc sớm được thành tựu.

Thích Minh Thành *dịch*

Trong khi phiên dịch, không sao tránh khỏi sai lầm sơ thất, mong chư tôn đức niệm tình chỉ dạy cho. Thành kính tri ân vô lượng!

Chùa Huệ Viễn, 14/10/2008
Thích Pháp Đăng *kính ghi*

*

ĐẠI SƯ ƯU ĐÀM (? - 1330)

Đại sư Ưu Đàm, người đời Nguyên, họ Trương, quê ở Đơn Dương, gia thế thường thờ Phật.

Mười lăm tuổi, Ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Về sau, được mời trụ trì chùa Diệu Quả tại Đơn Dương.

Năm đầu thời Nam Tống (1127), ngài Từ Chiếu sùng mộ di phong Bạch Liên Xã¹ của Tổ Huệ Viễn,

¹ **Bạch Liên Xã**: nói đủ là Bạch Liên Hoa Xã, gọi tắt là Liên Xã, là đoàn thể niệm Phật do ngài Huệ Viễn đời Đông Tấn sáng lập, nay trở thành tên gọi chung cho các đoàn thể thuộc loại này. Năm Thái Nguyên thứ 9 (384), ngài Huệ Viễn đến Lô Sơn, ở chùa Đông Lâm tại Hồ Khê,

nên đề xướng thành lập một đoàn thể chuyên tu niệm Phật cho những người dân thường, gọi tên Bạch Liên Tông² (tên gọi khác của Tịnh Độ Tông). Nhưng vì đề

tăng tục từ bốn phương quy tụ về đây cầu đạo. Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu (402), vào tháng bảy, Huộ Vĩnh, Huộ Trì, Đạo Sinh, Lưu Di Dân, Tôn Bính, Lôi Thứ Tông v.v. . . gồm 123 người, tụ họp lại tại chùa Đông Lâm, trước tượng Phật Vô Lượng Thọ trên đài Bát-nhã, kiến trai lập thế, chuyên tu niệm Phật Tam-muội, nguyện cầu vãng sinh Tây Phương. Vì trong ao chùa trồng nhiều sen trắng, lại cũng vì đoàn thể nguyện cầu sinh cõi sen trắng, cho nên gọi là Bạch Liên Xã. Về sau, người đến theo tu mỗi ngày một nhiều, mở đầu sự hưng thịnh của Tịnh độ giáo, đặc biệt được thịnh hành vào cuối đời Đường, đầu đời Tống. Mỗi khi kết hợp những người cùng chí hướng để dựng đạo tràng Tịnh độ, chuyên tu Tịnh nghiệp, thì lại lấy ngài Huộ Viễn làm vị thủ tổ của Liên Xã, lấy kinh *Ban Chu Tam-muội* làm tư tưởng chủ yếu cho Liên Xã niệm Phật, lấy việc thấy Phật vãng sinh làm mục đích. Niên hiệu Chí Đại năm đầu (1308) đời Nguyên, Liên Xã bị cấm. Thời ấy, Ưu Đàm Phổ Độ (?-1330) ở chùa Đông Lâm, dâng mười quyển *Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám* kiến minh ý chỉ của Liên tông, bèn được giải tỏa, đồng thời, chịu mệnh vua, Ưu Đàm làm giáo chủ. Về sau, trải qua các đời Minh, Thanh đến nay, vẫn còn có những người kết đoàn niệm Phật.

² **Bạch Liên Tông**: một phái thuộc tông Tịnh độ của Phật giáo Trung Quốc, do Mao Tử Nguyên sáng lập vào đầu năm Thiệu Hưng đời Cao Tông triều Nam Tống. Tử Nguyên còn gọi là Tử Chiếu Tử Nguyên, lúc đầu thờ ngài Tịnh Phạm ở chùa Diên Tường, Ngô Quận làm thầy, học giáo nghĩa *Thiên Thai*, tập thiền pháp chỉ quán. Nhân hâm mộ di phong lập Bạch Liên Xã của ngài Huộ Viễn đời Đông Tấn nên khuyên nhủ sĩ dân quy y Tam Bảo, giữ năm giới, niệm Phật A-di-đà năm tiếng để chứng năm giới, biên thành *Liên Tông Thân Triều Sám Nghi* (nghi thức sám hối buổi sớm mai), thay cho pháp giới chúng sinh lễ Phật sám hối, cầu nguyện chúng sinh vãng sinh Tịnh độ. Sau đến Hồ Điển Sơn ở Bình

Thích Minh Thành dịch

tử Ngài là Xà-lê Tiểu Mao bóp méo giáo lý, khiến cho cuối đời Tống, tông này bị cho là tà đạo.

Đến đời Nguyên, lại có một hội tên Bạch Liên do Đỗ Vạn Nhất ở huyện Đô Ấp, tỉnh Giang Nam thành lập, bị triều đình xem là loạn tặc nên đàn áp, đồng thời ngăn cấm không cho gọi tên Bạch Liên Hội và tất cả việc tà đạo làm rối loạn nước nhà. Đứng trước tình thế này, năm đầu niên hiệu Đại Đức (1305), đời vua Nguyên Thành Tông, Đại sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật mười quyển *Liên Tông Bảo Giám*, làm rõ giáo nghĩa chân thật của Liên tông do

Giang (nay ở phía Tây huyện Thanh Phố, tỉnh Giang Tô, phía Nam huyện Côn Sơn) sáng lập Bạch Liên Sám Đường, tự xưng là Bạch Liên Đạo Sư, tu Tịnh nghiệp, soạn *Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ*, đề xướng nghĩa mới bền thành lập một phái. Thời đó, có người chê bai cho là Sư thờ ma, Sư mới dời đến Châu Giang (huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây), song vẫn khuyến hóa xa gần, không hề mệt mỏi. Năm Kiến Đạo thứ hai (1166) đời Hiếu Tông nhà Nam Tống, Sư vận mệnh vua, vào điện Đức Thọ diễn thuyết về pháp môn Tịnh độ, được ban hiệu là từ Chiếu Tông Chủ. Không bao lâu, Sư lại về Bình Giang, lấy Phổ Giác Diệu Đạo làm nên tông, chủ trương Thiền Tịnh nhất trí, Di-dà tức là bản tánh của chúng sinh, Tịnh độ tức ở trong tâm chúng sinh, chỉ cần Tín, Nguyện niệm Phật thì dù chẳng dứt được phiền não, chưa bỏ duyên đời, không tu thiền định, sau khi mệnh chung cũng có thể được vãng sinh Tịnh độ. Trước tác có: *Di-dà tiết yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Kệ Ca Tử Cú, Phật Niệm Ngã Thanh, Chứng Đạo Ca, Phong Nguyệt Tập*... một thời tông phong đại thịnh.

ngài Từ Chiêu đề xướng, đồng thời phá dẹp tà thuyết, tà hạnh của Bạch Liên Hội đương thời.

Năm đầu niên hiệu Chí Đại (1308), do Bạch Liên Đạo Nhân thuộc Bạch Liên Đường ở tỉnh Phước Kiến làm việc sai quấy, vua lại xuống chiếu bãi bỏ Liên tông. Đại sư Ưu Đàm đích thân đến kinh đô dâng sách này lên Hoàng Đế Nhân Tôn, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh độ. Vua xem xong bèn chuẩn y và cho phép in ấn lưu hành, dạy Ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu Hổ Khê Tôn Giả.

Năm đầu niên hiệu Thuận Hóa (1330), Đại sư an tường ngời niệm Phật vãng sinh.

*Theo Máy Diệu Sen Thanh,
Phật Quang Đại Từ Điển*

*

LỜI TỰA

Trong pháp giới tánh chân thật, chúng sinh và chư Phật bình đẳng, không đồng không khác. Nơi tâm sáng suốt nhiệm mầu, ô nhiễm và thanh tịnh dung nhau, chẳng phải một, chẳng phải hai. Thế nên, mỗi hạt bụi đều là Tịnh độ, phương khác và cõi này đồng là thế giới Cực Lạc; mỗi niệm đều là Di-đà, bò, bay, máy, cựa đồng là Pháp thân chư Phật. Nhưng vì tình cảm phát sinh nên trí tuệ bị ngăn cách, tư tưởng vừa biến hiện thì bản thể đã sai khác. Tâm theo sự dời đổi sinh trụ dị diệt, nên cảnh có cao thấp, hầm hố, gò nổng. Thế nên, cõi nước thanh tịnh hay thế giới cấu uế, đau khổ và an vui có khác biệt. Chúng sinh và chư Phật, phàm Thánh không

đồng, nên dẫn đến sáu nẻo mịt mù, trôi lăn trong chín cõi. Bốn loài lũ lượt thẳng trầm nơi ba đường, từ mê vào mê, từ khổ đến khổ, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi cũng không có ngày giải thoát.

Do vậy, đức Phật mở môn phương tiện dạy về Niệm Phật Tam-muội³, chỉ rõ Tịnh độ làm nơi trở về. Bảo rằng Niệm Phật Tam-muội, Phật nghĩa là bậc Giác ngộ. Tự mình giác ngộ, lại giác ngộ cho người, thực hành hạnh giác ngộ viên mãn, nên gọi là Phật, ví như người ngủ tỉnh giấc, như hoa sen nở.

Vì muốn cho chúng sinh tự soi sáng lại mình, được tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày thuần thực dứt trừ hết mọi mê lầm và nghiệp chướng. Một niệm không sinh thì đoạn dứt mé trước sau. Tổ ngộ tánh giác này, thì bên trong không có tâm hay niệm, bên ngoài

³ **Niệm Phật Tam-muội:** Tam-muội quán niệm đức của Phật hoặc xưng danh hiệu Phật, tức là loại thiền định lấy niệm Phật làm nội dung quán tưởng.

Niệm Phật Tam-muội được chia làm hai loại:

1. Nhân hành niệm Phật Tam-muội: nhất tâm quán tưởng tướng hảo của Phật, hoặc nhất tâm quán tưởng thật tướng của pháp thân Phật, cả hai đều là quán tưởng niệm Phật. Trái lại, nhất tâm xưng niệm danh hiệu của Phật thì gọi là xưng danh niệm Phật.
2. Quả thành niệm Phật Tam-muội: ba loại nhân hành nói trên được thành tựu, như trong thiền định được thấy thân Phật hiện tiền. Nhân hành niệm Phật Tam-muội là "tu", quả thành niệm Phật Tam-muội là "phát được".

không có cảnh được niệm; năng sở đều quên, chúng sinh với Phật không hai, cho nên gọi là niệm Phật.

Tiếng Phạn Tam-muội, nghĩa là chánh định, là nhớ chuyên, tưởng lặng, thần trí sáng suốt nhiệm mầu.

Trong kinh nói: *“Nếu có người niệm Phật, nên biết đó là hoa sen trắng trong loài người”*. Tổ sư Huệ Viễn thời Đông Tấn, nhân nghe Pháp sư Đạo An giảng kinh *Bát-nhã* mà hoát nhiên đại ngộ, vào trong vô lượng Tam-muội thâm sâu. Ngài đến Lô Sơn đạo cảnh và về sau ở lại đó, cùng với các cao tăng, triều sĩ kết duyên tu hành. Ngài từng nói: *“Những tên gọi của Tam-muội trong giáo pháp có rất nhiều, nhưng công đức cao để tiến tu, niệm Phật đứng đầu”*. Nhân đó, đặt tên cho xã là Bạch Liên. Ngài Huệ Viễn bèn trước tác lời tựa của quyển *Niệm Phật Tam-muội*. Đây vốn là để xiển dương nghĩa lý này.

Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai phân định giáo pháp, bảo rằng: *“Kinh Quán Vô Lượng Thọ là giáo lý chân thật sau cùng của Đại thừa, dùng ba pháp quán lóng lặng tâm tư”*. Đây vốn là để hiển bày yếu chỉ của niệm Phật.

Tôn giả Pháp Chiếu lễ Bồ-tát Văn-thù cầu chỉ dạy, vốn là để chỉ dạy pháp này.

Thiền sư Tĩnh Thường kết duyên tịnh hạnh. Tế tướng, công khanh quy hướng cùng tu hành, vốn là tu về đạo này.

Thiền sư Trường Lô Sách kết Liên Hoa Thắng Hội, cảm ứng hai vị Bồ-tát Phổ Hiền và Phổ Tuệ vào hội. Đây vốn là để chứng minh đạo này.

Tông chủ Từ Chiếu do sức bản nguyện thị hiện nơi thế gian, phát tâm hóa độ rộng lớn, dẫn chúng sinh từ nơi quyền biến đi đến chỗ chân thật, tùy cơ giáo hóa. Đây vốn là muốn khiến cho các hạng căn cơ bén nhạy và chậm lụt đều tỏ ngộ đạo này. Ngài biên tập *Bach Liên Sám*, mở ra họa đồ bốn cõi, lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tư lương, lấy Giới, Định, Tuệ làm chính yếu. Đây vốn là để thiết lập Chánh tông của pháp niệm Phật này.

Vua Tống Cao Tông đích thân đề xướng hai chữ Liên Xã. Đây vốn là tôn sùng pháp môn này.

Thiền sư Viên Ứng Nhật ở Đông Nham Thiền Tự được Hoàng Đế ban Thánh chỉ: “Trụ trì đạo tràng, sửa sang chùa chiền, biên tập truyện của các bậc Hiền, noi theo gương xưa chấn chỉnh lại giếng mối, bắc chiếc cầu đại pháp, gọi là Tông Viên (noi theo Tổ sư Huệ Viễn), khai mở đạo Tổ”. Mười tám năm ngoài việc đề xướng kinh pháp thiền, Ngài thường

lấy pháp Niệm Phật Tam-muội chỉ dạy Người, Trời. Đến mùa thu, năm Nhâm Thìn (1292), niên hiệu Chí Nguyên đời Nguyên, nhận lời mời của Quảng Lợi Thiền Tự ở núi Dục Vương, phủ Khánh Nguyên, nhường đạo tràng Khai Tiên lại cho Thiền sư Duyệt Đường Ngân tiếp nối trụ trì.

Tháng giêng năm đầu niên hiệu Nguyên Trinh, lại có Thánh chỉ ra lệnh hộ trì giáo pháp ở Liên Tông Thiện Pháp Đường. Tháng giêng năm thứ hai (1295), niên hiệu Nguyên Trinh (1295) đời Nguyên, được nhà vua ban hiệu là Đại sư Thông Tuệ Chánh Tông Liên Xã, lại còn được ban tặng ca-sa kim tuyến. Vào tháng mười, năm thứ năm, niên hiệu Đại Đức (1301) đời Nguyên, khâm phụng Thánh triều. Nhà vua ban ngự hương, phan vàng đến chùa.

Từ đời Tấn đến nay gần một ngàn năm, cảm ân đức này, phương xa cõi khác, hoặc hiền hoặc ngu đều theo sự giáo hóa, mọi người đồng lòng niệm Phật.

Ngưỡng chúc Hoàng Đế thánh thọ vạn an, thiên hạ thái bình, pháp luân thường chuyển, đất nước an lạc tợ thời vua Nghiêu, vua Thuấn. Ngay nơi cõi này trở thành thế giới Cực Lạc.

Ưu Đàm này lạm dự vào dòng họ Thích, mà

không lợi ích cho Phật pháp. Từng thấy những người tu học theo Liên tông⁴, nhưng chưa am tường tông chỉ của pháp niệm Phật, bỏ gốc theo ngọn, chấp tướng tu hành. Chánh nhân Tịnh nghiệp dường như mất hết, đều là những người ôm bấu vật quên mất cố hương, trái với chân thật, hướng theo giả dối. Những người tu theo pháp này rất nhiều, người đủ chánh kiến chẳng có mấy ai, đến nỗi khiến cho những kẻ thượng mạn xem thường đạo Phật.

Thật đáng buồn thay! Cách xưa đã xa, người tu trong giáo pháp lâu dần sinh tệ. Chánh đạo càng suy yếu, tà pháp ngày thêm mạnh mẽ. Mọi người phần nhiều hiểu biết sai lầm, đi vào đường tà. Họ chẳng suy xét một môn Tịnh độ chính là đường tắt ra khỏi luân hồi. Pháp môn này thẳng như dây đàn, sáng tỏ

⁴ **Liên tông**: cũng gọi là Liên môn, tức là tông Tịnh độ. Tông này bắt nguồn từ Bạch Liên Xã (hội sen trắng) do ngài Huệ Viễn sáng lập ở chùa Đông Lâm, Lô Sơn, Trung Quốc.

Bài tựa trong *Liên Tông Bảo Giám* của ngài Ưu Đàm Phổ Độ nói: “*Tổ Huệ Viễn đời Đông Tấn đến Lô Sơn, kết duyên tu hành cùng với các vị cao tăng và danh sĩ triều đình. Ngài nói rằng có rất nhiều tên của Tam-muội trong các pháp môn, nhưng công hạnh cao mà dễ tiến thì chỉ có pháp môn niệm Phật là đúng đắn, vì thế, Ngài lập ra Bạch Liên Xã, chuyên niệm Phật cầu vãng sinh*”.

Hoa sen tượng trưng cho y bấu của cõi Cực Lạc Tịnh độ, vì thế, tông Tịnh độ cũng còn có tên là Liên tông.

vàng nhật. Yếu chỉ ở nơi kinh sám, nếu không gặp minh sư chỉ dạy thì giống như đám người mù sờ voi. Ai nấy đều nói sai khác, từ tối vào nơi tối, mãi bị tà kiến ràng buộc. Thật đáng tiếc thay!

Hôm nay, may mắn gặp được nhà vua có tâm Phật, dùng chánh pháp sửa trị đời. Kịp lúc vua tôi gặp gỡ, Phật pháp được lưu thông. Đâu không dùng pháp môn Niệm Phật Tam-muội của Tổ sư chỉ bảo Người, Trời, làm mất sáng cho tương lai, khiến cho mọi người đồng ngộ nhập Tri kiến Phật. Tôi bèn chuyên tâm nơi Tịnh độ, tìm xét chỗ sâu xa của giáo nghĩa Liên tông thuở trước, biên tập những lời thiết yếu gọi là *Bảo Giám* (chiếc gương quý báu), để soi sáng chân ngụy, gồm 10 thiên:

01. Chánh nhân niệm Phật: nghĩa là vào nhà ắt từ nơi cánh cửa.

02. Chánh giáo: chỉ bảo pháp môn niệm Phật có tiêm, thiên, đốn, viên, khiến người tiến tu tùy theo căn cơ về nơi chí đạo.

03. Chánh tông: khai thị về đạo lý chánh tâm Niệm Phật Tam-muội, khiến cho người tu tập hiểu rõ tông chỉ, thấu suốt cội gốc.

04. Chánh phái: vốn nói rõ chỗ gốc ngọn đắc

đạo của Phật Tổ cùng các bậc tông sư, muốn giúp cho hàng hậu học biết có cội nguồn.

05. Chánh tín.

06. Chánh hạnh.

07. Chánh nguyện: khiến cho mọi người tin chánh pháp, tu chánh hạnh, phát chánh nguyện cầu sinh về Tây Phương.

08. Chánh quyết vãng sinh: vốn nói rõ con đường vãng sinh Tịnh độ lúc lâm chung.

09. Chánh báo: trình bày rõ công đức trang nghiêm của Y báo, Chánh báo nơi Tịnh độ do tu hành đạt được.

10. Chánh luận: dẫn những lời chân thành của chư Phật để phá dẹp sự chấp trước sai lầm tà vạy, khiến cho mọi người sửa ác làm lành.

Ở đây chẳng dám nói hỗ trợ tông phong, chỉ là giúp ích cho người chưa nghe mà thôi. Mong muốn người có tâm cong vạy trở nên ngay thẳng, đổi tà thành chánh, dứt trừ nghi ngờ, người mê được ngộ. Mọi người khắp trên thế gian trong một niệm đều được Niệm Phật Tam-muội, cùng chứng ngộ Bồ-đề. Như thế, chẳng phải là lợi ích rộng lớn lắm sao!

Thích Minh Thành dịch

Xin người tu Tịnh nghiệp mở lòng từ bi xem thử một lần, thấy nghe tùy hỉ, tán thán phụ giúp lưu thông. Còn như một câu: “*Khi Phật Tổ chưa ra đời*” thì xin để mắt nhìn cao hơn!

Ngày Phật Di-đà đản sinh.

Năm Ất Ty, niên hiệu Đại Đức thứ 9 (1305), ở Liên Tông Thiện Pháp Đường, Đông Lâm Thiền Tự tại Lô Sơn, Giang Châu.

Ưu Đàm kính ghi

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỂN MỘT

Thiên thứ nhất

CHÁNH NHÂN NIỆM PHẬT

Từng nghe: trong hàng hà sa số các đức Như Lai, thì Di-đà là bậc nhất. Mười phương vi trần cõi Phật, thế giới Cực Lạc chính là chốn trở về. Lý cùng tột vốn chỉ nơi tâm, nhưng môn ban đầu phải từ nơi nhân địa. Nên biết, cội cây to lớn phát sinh từ mầm chồi nhỏ bé, hành trình ngàn dặm bắt đầu từ một bước ban sơ. Nếu muốn vượt qua sinh tử, nên lấy Tịnh độ làm phương hướng trở về; muốn chứng Niết-bàn, phải lấy niệm Phật làm trọng yếu để tâm trở nên chân chánh. Xét kỹ thì tin sâu Cực Lạc thật là cánh cửa nhiệm mầu

của sự giải thoát, Phật Di-đà thật là bậc cha lành của chúng sinh. Trước nói rõ về chỗ cứu cánh nên nhìn về quả để tu nhân; đi dần trên con đường diệu huyền là từ nhân đến quả. Thế nên biết, việc hội tụ các bậc Hiền để kết Liên Xã là có ý chỉ. Chuyên niệm Phật để khuyên người cốt làm hưng thịnh giáo pháp. Nhân trùm biển quả, quả suốt nguồn nhân; hình thẳng tắt bóng ngay, âm thanh hòa tự nhiên tiếng vang thuận.

Bồ-tát Thế Chí trình bày chỗ cốt yếu của sự chứng ngộ Viên thông. Đức Thế Tôn thì nói về nhân tu Tịnh nghiệp từ nơi nghe, tư duy, tu tập mà vào chánh định; nhờ nơi lòng tin, thực hành, phát nguyện mà vào cửa pháp giới. Do đó, một niệm hưng khởi muôn loài đều biết, lòng tin phát sinh thì chư Phật hiện tiền. Vừa xưng Hồng danh, tức đã gieo giống nơi thai sen; mới phát tâm Bồ-đề, liền nêu danh nơi Kim địa. Có duyên gặp gỡ, nên tự ngộ tự tu, còn như tin cạn chẳng thọ trì thì thật là sai lầm rất lớn! Thế nên nói, cùng tột của Nhất thừa là đạt đến Lạc bang; tu vạn hạnh vẹn toàn, chỉ có xưng niệm Phật hiệu là hơn hết. Nghiệp nặng nề trong tám mươi ức kiếp, rỗng thênh tan thành mây khói; phương trời xa xăm cả mười muôn ức cõi, trong khoảng chớp mắt đến ngay. Tưởng niệm chuyên chú, ngay nơi tâm quán tưởng thấy thân Phật, tâm cảnh dung thông, ngay nơi

nhân thành tựu quả thù thắng.

Cõi Tịnh Uế trong mười phương, mở ra và cuốn lại đồng ở nơi đầu sợi lông. Một tánh bao dung mênh mông trùm khắp cả pháp giới. Thế nên, chư Phật và chúng sinh thông suốt lẫn nhau; Tịnh độ và Uế độ thâm dung hội, kia đây đều tu, Sự Lý vô ngại. Giống như thần châu hàm chứa mọi báu vật, giống như mạng lưới của Đế Thích phản chiếu qua lại muôn ngàn tia sáng. Tâm ta đã vậy, tâm chúng sinh cùng chư Phật cũng thế.

Nên biết, thần thức dạo nơi muôn ức cõi nước, nhưng thật ra sinh trong tâm của chính mình; tuy gởi chất nơi chín phẩm sen, mà đâu ra khỏi sát-na khoảnh khắc. Do đó, bậc hiền Nhị thừa vừa xoay tâm trở lại, được đến Liên trì; phạm phu tạo tội Ngũ nghịch⁵, chỉ trong mười niệm liền lên Bảo địa.

⁵ Ngũ nghịch: cũng gọi là ngũ nghịch tội, chỉ cho năm tội cực ác trái với đạo lý.

Theo thuyết của Tiểu thừa thì năm tội nghịch là:

1. Hại mẹ: cũng gọi là giết mẹ.
2. Hại cha: cũng gọi là giết cha.
3. Hại A-la-hán: cũng gọi là giết A-la-hán.
4. Ác tâm làm thân Phật ra máu: cũng gọi là làm thân Phật ra máu.
5. Phá tăng: cũng gọi là phá hòa hợp tăng, đấu loạn chúng tăng.

Than ôi! Chúng sinh tâm thức mờ mịt, nghiệp chướng nặng nề, tin ít nghi nhiều, chê Tịnh nghiệp là Quyền thừa, cười trì tụng là thô hạnh. Như thế, há chẳng phải là tham đắm trong nhà lửa, tự cam chịu muôn kiếp đắm chìm trong mê muội, trái nghịch Từ thân. Thật đau đớn xót xa, cả đời trôi sông vô ích!

Cần phải tin, nếu chẳng nhờ vào tha lực thì không sao dứt trừ nghiệp chướng mê lầm, không gặp tông này thì chẳng có đường vượt ra sinh tử. Thệ nguyện đồng như chư Phật, noi theo các bậc tiền nhân, khuyến tấn người sau, tôn sùng quý kính đạo này. Đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, mỗi việc như thế đều hướng về đức Phật A-di-đà. Hoặc sinh, nay sinh, hay đang sinh, trong từng niệm như thế đều quy hướng về nơi Tịnh độ. Nếu muốn một đời xong việc thì hãy lưu tâm ở nơi đây. Trong tất cả thời, nghìn xe hợp lối; nơi bốn oai nghi, muôn việc lành đồng về, đều lên cánh cửa nhiệm mầu Cực Lạc, nhanh chóng thành tựu Niệm Phật Tam-muội.

Trong năm tội trên đây, hai tội trước là bỏ ruộng ân nghĩa, ba tội sau là hủy hoại ruộng đức, vì thế gọi là năm tội nghịch, năm tội nặng. Vì hành vi của năm tội là nguyên nhân làm cho người vi phạm phải rơi vào địa ngục Vô Giám nên cũng gọi là năm nghiệp Vô Giám, gọi tắt là năm vô giám, hoặc năm tội không cứu được.

*Một bước ban đầu cần tỏ rõ
Đến thẳng Tây Phương không đường khác.*

*

Chương 1 **NHÂN ĐỊA CỦA PHẬT A-DI-ĐÀ**

Kinh Cổ Âm Vương nói: “Trong kiếp quá khứ, có cõi nước tên là Diệu Hỷ, vua tên Kiền-thi-ca. Ông nội là quốc vương Thanh Thái, cha là Chuyển Luân Vương Nguyệt Thượng, mẹ là Thủ Thắng Diệu Nhan, sinh ra ba người con. Con trưởng tên Minh Nguyệt, người thứ hai tên Kiền-thi-ca, người thứ ba tên Đế Chúng. Lúc ấy, có đức Phật ra đời hiệu là Thế Tụ Tại Vương, Kiền-thi-ca phát đạo tâm, xả bỏ ngôi vua, theo đức Phật xuất gia, hiệu là Tỷ-kheo Pháp Tạng”.

Trong kinh Vô Lượng Thọ lại nói: “Tỷ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Phật Thế Tụ Tại Vương phát tâm cầu đạo Vô Thượng, tất cả người trong thế gian không ai sánh bằng. Lúc ấy, đức Phật hiển bày hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật, xứng theo tâm nguyện của Tỷ-kheo

Pháp Tạng. Pháp Tạng cúi đầu lễ Phật, phát 48 nguyện rộng lớn, nếu không được như thế, thế chẳng thành Phật. Bấy giờ, quả đất chấn động, trời mưa diêu hoa, trong hư không đồng thính tán thán rằng: “Ngài chắc chắn sẽ thành Phật”.

*

48 ĐẠI NGUYỆN CỦA PHẬT A-DI-ĐÀ

Hán dịch: Pháp sư Khương Tăng Khải

Việt dịch: Ty-kheo Thích Trí Tịnh

01. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước của tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

02. Giả sử khi tôi được thành Phật, mà hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung còn đọa vào ba ác đạo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

03. Giả sử khi tôi được thành Phật, tất cả thân thể của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, chẳng thuần sắc vàng ròng cả, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

04. Giả sử khi tôi được thành Phật, mà hình sắc

của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi có tốt xấu không đồng nhau, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

05. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời Người trong nước tôi chẳng biết Túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

06. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thiên nhãn, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

07. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời nói khắp của trăm ngàn ức vô số đức Phật mà chẳng thọ trì trọn vẹn được, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

08. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sinh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

09. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thần túc thông,

trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

10. Giả sử khi tôi được thành Phật, nếu hàng Trời, Người trong cõi nước tôi còn sinh lòng tham chấp nơi thân mình, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

11. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

12. Giả sử khi tôi được thành Phật, ánh sáng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

13. Giả sử khi tôi được thành Phật, thọ mạng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

14. Giả sử khi tôi được thành Phật, có người tính đếm biết được số của hàng Thanh văn trong cõi nước tôi, hoặc giả nhãn đến tất cả chúng sinh trong cõi Tam thiên Đại thiên đều thành bậc Duyên giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết

được số Thanh văn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

15. Giả sử khi tôi được thành Phật, thọ mạng của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn, nếu không được vậy, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

16. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi hẳn đến nghe có tên bất thiện, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

17. Giả sử khi tôi được thành Phật, các đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu tôi, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

18. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tín nhạo muốn sinh về cõi nước tôi, hẳn đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sinh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.

19. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát Bồ-đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về cõi nước tôi, đến lúc người đó mạng chung, nếu tôi chẳng cùng với đại

chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

20. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, để tâm nơi nước của tôi, vun trồng cội công đức chí tâm hồi hướng muốn sinh về cõi nước của tôi, nếu không được quả toại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

21. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đều thành tựu đầy đủ 32 tướng đại nhân, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

22. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ-tát ở cõi Phật phương khác sinh về cõi nước tôi, rốt ráo chắc đến bậc Nhất sinh Bỏ xứ, trừ những vị có bốn nguyện, muốn tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoằng thệ, chứa nhóm cội công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ-tát, cúng dường các đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sinh làm cho trụ vào đạo Vô thượng Chánh nhân, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

23. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong

cõi nước tôi nương thân lực của Phật mà đi cúng dường các đức Như Lai, chừng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số vô lượng ức Na-do-tha cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác

24. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước tôi, ở trước chư Phật hiện cội công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật, nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

25. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước tôi không thể diễn nói Nhất thiết trí, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

26. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước tôi không được thân Kim Cang bền chắc, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

27. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi những hàng Trời, Người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ trong sạch sáng rõ, hình sắc lạ thường, rất nhiệm, rất mâu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sinh kia hẳn đến người được Thiên nhãn mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

28. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ-tát trong cõi nước tôi hẳn đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

29. Giả sử khi tôi được thành Phật, nếu Bồ-tát trong cõi nước tôi đọc kinh pháp, phúng tụng pháp, phúng tụng thọ trì, giảng thuyết mà không được trí huệ biện tài, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

30. Giả sử khi tôi được thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ-tát trong cõi nước tôi nếu có người hạn lượng được đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

31. Giả sử khi tôi được thành Phật, cõi nước của tôi thanh tịnh, thủy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật mười phương, dường như gương sáng soi thấy rõ bóng mặt, nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng quả Chánh Giác.

32. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... Tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ,

hơn hẳn hàng Trời. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương, Bồ-tát nào ngửi được hơi hương ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

33. Giả sử khi tôi được thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghì cõi nước của chư Phật ở mười phương, được ánh sáng của tôi chiếu đến thân, thời thân tâm của chúng sinh ấy hòa diệu hơn hẳn hàng Trời, Người. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

34. Giả sử khi tôi được thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghì cõi nước chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà chẳng được các món tổng trì⁶ sâu mầu cùng Vô sinh Pháp nhẫn⁷ của Bồ-tát, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

35. Giả sử khi tôi được thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghì cõi nước của chư

⁶ **Tổng trì:** sức niệm tuệ có khả năng thu tóm, ghi nhớ vô lượng Phật pháp, không để quên mất.

⁷ **Vô sinh pháp nhẫn:** một trong ba nhẫn, nhẫn thứ tư trong năm nhẫn nói trong kinh *Nhân Vương*, tức là quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà vui mừng tin mến phát Bồ-đề tâm nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

36. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ-tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, thời sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

37. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Trời, Người nhân dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ-tát thời các hàng Trời, Người đều kính trọng đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

38. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi muốn được y phục, thời những y phục tốt đẹp đúng pháp như đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may, vá, đập, nhuộm... tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

39. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời,

Người trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không bằng bậc Lưu Tận Tử-kheo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

40. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thời ở trong cây báu thủy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

41. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

42. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thủy đều chứng được “Chánh định thanh tịnh giải thoát”. Trụ trong chánh định đó, trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị của đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không sao mất tâm chánh định. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

43. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi,

sau khi mạng chung sinh vào nhà tôn quý. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

44. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, vui mừng hơn hở, tu hạnh Bồ-tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

45. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng được “Chánh định Phổ đẳng”. Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các đức Phật. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

46. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn nghe pháp chi, thời tự nhiên liền được nghe pháp đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

47. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, chẳng liền được bậc Bất thối chuyển⁸, tôi nguyện không

⁸ **Bất thối chuyển:** không thối chuyển, chỉ cho sự tu hành không lui sụt cho tới khi thành Phật. Còn thối chuyển là chỉ cho sự lui sụt, rơi vào đường ác hoặc Nhị thừa địa (hàng Thanh văn, Duyên giác).

chứng lấy quả Chánh Giác.

48. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng liền chứng được bậc Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sinh Pháp nhẫn, cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liền được bậc Bất thối chuyển, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

*

Chương 2

NHÂN ĐỊA, BẢN NGUYỆN CỦA PHẬT THÍCH-CÁ VÀ PHẬT A-DI-ĐÀ

Kinh *Bi Hoa* nói: “Trong kiếp thuở xưa có vua *Chuyển Luân* tên là *Vô Trách Niệm* và vị đại thần là *Bảo Hải* làm thiện tri thức, cùng ở chỗ Phật *Bảo Tạng* phát tâm *Bồ-đề*. Vua *Vô Trách Niệm* phát nguyện rằng: “Tôi tu Đại thừa cầu lấy *Tịnh độ*, chung quy chẳng nguyện ở nơi *Uế độ*

Bất thối vị còn gọi là Bất thối chuyển địa. Trong giai vị Tứ thiện căn của Hữu bộ, đến Nhẫn vị thì không còn rơi vào đường ác, được xếp vào Bất thối vị.

thành tựu đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng. Trong thế giới tôi, chúng sinh không có những điều khổ não, nếu tôi không được cỡi Phật như thế thì chẳng thành Chánh Giác”.

Nay quả đã viên mãn, thành Phật hiệu là A-di-đà, cho nên hiện bày ra cõi Tịnh độ.

Còn đại thần Bảo Hải nguyện ở nơi Uế độ giáo hóa thuần thực mọi chúng sinh, nay quả đã viên mãn, thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, ở trong thế giới ác trước này thành tựu quả vị giác ngộ của Phật.

*

Chương 3

DỨC PHẬT NÓI VỀ CHÁNH NHÂN TỊNH NGHIỆP CHO THÁNH HẬU VI-ĐỀ-HY

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Bấy giờ, bà Vi-đề-hy kêu khóc hướng về đức Phật bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Cúi mong Ngài nói rộng những cõi nào không còn lo buồn cho con nghe, con sẽ

Thích Minh Thành dịch

*sinh qua đó. Con không ưa thích cõi Diêm-phù-đề⁹ ác
trược này nữa!*

*Bấy giờ, đức Thế Tôn phóng ánh sáng giữa
chặng mây, chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười
phương, các cõi nước của chư Phật đều hiện trong đó.
Lúc ấy, bà Vi-đề-hy thấy rồi liền bạch Phật rằng:*

*- Các cõi Phật ấy tuy là thanh tịnh đều có ánh
sáng, nhưng nay con chỉ ưa thích sinh về thế giới Cực
Lạc, chỗ của Phật A-di-đà. Cúi mong đức Thế Tôn
dạy con tư duy, dạy con chánh định!*

Đức Phật bảo bà Vi-đề-hy:

⁹ **Diêm-phù-đề:** cõi nước có trồng nhiều cây Diêm-phù và sản xuất ra vàng Diêm-phù-đàn.

Theo phẩm *Diêm-phù-đề* trong *Trường A-hàm 18*, kinh *Đại Lôu Thán 1*, kinh *Khởi Thế 1*, kinh *Khởi Thế Nhân Bản 1*, cõi này phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, chu vi khoảng 14.000 km, khuôn mặt người cũng giống như địa hình ở đây. Lại phía Đông ao A-nâu-đạt (S: Anavatapta) có sông Hằng (S: Ganga), từ miệng bò sinh ra, theo 500 sông chảy vào biển Đông; phía Nam có sông Sindhu, từ miệng sư tử sinh ra, theo 500 nhánh sông chảy vào biển Nam; phía Tây có sông Vaksu Bà-xoa, từ miệng ngựa sinh ra, theo 500 nhánh sông chảy vào biển Tây; phía Bắc có sông Tư Ký (S: Sita), từ miệng voi sinh ra, theo 500 nhánh sông chảy vào biển Bắc.

Theo *Luận Câu Xá 11*, trong bốn đại châu lớn, chỉ châu này có toàn kim cương, tất cả Bồ-tát sắp thành Chánh Giác đều ngồi tòa này.

Theo trên thì có thể biết Diêm-phù-đề vốn chỉ cho Ấn Độ, về sau chỉ chung cho thế giới nhân gian.

- *Phật A-di-đà cách đây không xa. Bà nên nghĩ nhớ suy xét kỹ, quán tưởng về cõi ấy. Nay Ta nói rộng rãi cho bà nghe, cũng để khiến cho những kẻ phàm phu đời vị lai tu tập Tịnh nghiệp được sinh về Tây Phương cõi nước Cực Lạc.*

Người muốn sinh về nước ấy, nên tu ba việc phước:

- *Một: Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tâm từ bi không sát hại, tu mười điều lành.*

- *Hai: Thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.*

- *Ba: Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.*

Ba việc như thế, gọi là chánh nhân của Tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy lắng nghe:

- *Các vị hãy khéo nhớ nghĩ những điều ấy!”.*

1. Hiếu dưỡng cha mẹ

Niệm Phật là chỗ cốt yếu của các pháp, hiếu dưỡng là hạnh đứng đầu trong trăm hạnh. Tâm hiếu tức là tâm Phật, hạnh hiếu tức là hạnh Phật. Muốn được đạo đồng với chư Phật, trước phải hiếu dưỡng

song thân. Thế nên, Thiền sư Sách nói: “*Một chữ hiếu là cánh cửa của mọi sự huyền diệu. Những lời Phật dạy lấy hiếu làm tông chỉ, kinh Phật nói lấy hiếu làm giới. Trong lời nói không mờ tối thì miệng phát ra ánh sáng giới, ngay đó rõ ràng nhanh chóng khai mở tâm địa*”.

Nói về hiếu, có hiếu của tại gia, có hiếu của xuất gia.

Hiếu tại gia là được cha mẹ thương yêu, vui mừng mà không lãng quên bốn phận làm con; bị cha mẹ ghét bỏ, phải sống lao nhọc mà không hề oán hận. Luôn thuận theo sắc diện của song thân để làm tròn việc phụng dưỡng.

Đạo hiếu của người xuất gia là cắt đứt ân ái, từ già song thân để cứu xét đạo huyền vi phù hợp bản tánh, thâm nhập lý vô vi, trên đền đáp ân cùng cực, tiến bước trên con đường giải thoát. Đây là lối tắt báo đáp ân đức của mẹ cha, chẳng những đời vị lai được lợi ích mà ngay trong hiện tại cũng được thành công.

Thế nên, đức Như Lai nửa đêm vượt thành, đạp quả viên mãn trên non Tuyết. Ngài Huệ Năng dùng bạch kim gởi gắm mẹ mà nói pháp ở Huỳnh Mai. Nhưng vì pháp mà đoạn dứt thâm ân, ắt cần phải nghĩ suy báo đức. Do đó, đức Thế Tôn về thăm Phụ vương

ở thành Ca-tỳ-la-vệ, lên trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẫu thân.

Còn như cha mẹ nghèo thiếu không nơi nương tựa, theo lý phải nên tự mình hầu hạ. Vì thế, ngài Tất-lăng-già-bà-ta hàng ngày đi khát thực để phụng dưỡng mẹ già. Đại sư Hoàng Nhãn dựng lập Dưỡng Mẫu Đường. Ngài Trần Mục Châu đan hải nuôi mẹ. Pháp sư Lãng gánh cha mẹ mà đi du học khắp nơi.

Vậy thì, người xuất gia lấy pháp vị làm thức ăn ngon ngọt, nhưng cũng không quên đem dâng hiến cho song thân; lấy Phật sự làm việc chuyên cần, nhưng không bỏ sót lễ nghi của nhân thế. Không chỉ cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời đều báo đáp được. Không chỉ cha mẹ một thân này, mà cha mẹ khắp trong pháp giới đều được độ thoát, đồng lên bờ giác. Đạo hiếu người xuất gia lợi ích rộng lớn thay!

Nếu như nhân duyên chưa đủ, cha mẹ không cho phép thì nên ở tại nhà làm tròn đạo hiếu, siêng năng tu tập nhân xuất thế. Nếu có thể ở ngay nơi thế tục mà thực hành đạo chân thật thì vẫn có con đường để thành Phật. Chỉ mong được trở lại như lúc trẻ thơ, để khi cha mẹ nghiêm khắc, được quỳ dưới gối nhằm báo đáp sự nhọc nhằn chăm sóc của song thân.

Do đạo hiếu mà dẫn đến chỗ Nhất thừa viên

mãn, liền khiến cho Bồ-tát tại gia đạt được sự hiểu biết và tu hành không nghi ngờ. Hàng Cao nhân xuất tục, nhân ở đây có thể soi xét.

Nếu có người chỉ hạn cuộc ở việc phụng sự Phật pháp, không thể làm tròn việc phụng sự song thân, xem nơi đây ắt sẽ cảm xúc trong lòng, có thể khắc phục để vẹn toàn đạo hiếu.

Than ôi! Thời gian dễ trôi qua, cha mẹ khó quên lãng. Còn song thân ở nhà cũng như chư Phật tại thế; dùng hạnh hiếu để báo đáp ân đức của song thân, hoàn thành trọn vẹn công phu niệm Phật. Thế nên biết, cha mẹ vui vẻ thì chư Phật vui vẻ, tâm này thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Vẻ quê không núi non cách trở
Ánh trăng xuyên nước đẹp vô ngần.*

2. Phụng sự sư trưởng

Bậc Cao đức ngày xưa nói: “*Sinh ra ta là cha mẹ, làm thành tựu cho ta là thầy bạn*”. Thế nên, thầy là bậc Đạo sư sáng suốt trong đường mê, là ngọn đèn trí tuệ trong căn nhà tăm tối, là thuyền từ trong biển khổ, là mắt sáng của Trời, người. Ân sâu hơn cả cha mẹ, đức nặng sánh tựa đất trời. Cho nên, đệ tử thờ

thầy chẳng dám xem thường. Đâu chẳng thấy: đức Phật bỏ thân mạng để cầu nửa bài kệ; Tổ Huệ Khả chặt cánh tay để hỏi pháp an tâm, lấy thân làm tòa để thờ thầy; Lục Tổ buộc đá vào hông để giã gạo, vác gạo nuôi chúng mà tiếp nối Tổ vị; Bồ-tát Thường Đề bán tim gan học Bát-nhã, gieo mình vào lửa để chứng Bồ-đề. Vậy mà người xưa rất lấy làm vui mừng, vì cảm thấy may mắn. Như thế, sao lại có thể không cố gắng thờ thầy để học đạo hay sao?

Nên biết, tìm thầy để thoát sinh tử phải cầu chánh kiến, tham thiền hỏi đạo chớ nương tà tông. Cần phải hiểu rõ nguyên do tội phước, phân biệt kỹ sự lợi hại của chánh tà. Chánh thì thành Phật, tà thì thành ma. Ban đầu chẳng gặp bậc tác gia, đến già chỉ thành vô dụng. Bởi thế, đức Như Lai biết thầy sai lầm mà bỏ đi; ngài Phu Tử chọn người lành để theo. Xem các bậc Thánh xưa đã thế, tại sao người nay lại chẳng làm theo như vậy?

Hướng chi, hiện nay là thời mạt pháp, có nhiều thầy tà, phàm muốn tu hành nhất định chớ nên gần gũi. Chỉ giữ chánh niệm, rút cuộc sẽ gặp minh sư. Muốn tỏ ngộ việc lớn, phải nên thận trọng đừng cho là dễ dàng.

Vì thế, đệ tử phụng sự thầy tức đồng với phụng

sự Phật. Điều này có thể gọi là:

*Tứ sự cúng dường chẳng nhọc lao
Vạn lượng vàng ròng cũng tiêu được.*

3. Tâm từ bi không sát hại

Bốn loài chúng sinh: noãn (sinh ra từ trứng), thai (bào thai), thấp (ẩm thấp), hóa (biến hóa), chim muôn, cá, trùng... đều là chư Phật ở vị lai, hoặc là cha mẹ nhiều đời trong quá khứ của chúng ta. Chúng đều biết kêu gào sợ chết, tha thiết tham sống, tránh khổ tìm vui, thì tâm ấy đều như nhau; biết tìm nơi an ổn mà dưỡng thân mạng, thì lý này muôn loài vốn chung đồng. Tại sao nghe tiếng kêu thương của chúng mà nỡ lôi lên dao bén? Thấy chúng mất đảm lẹ mà vẫn kéo lôi đến chỗ mất mạng tan thân? Hoặc giăng lưới trên núi rừng, hay đốt lửa cháy khắp nơi khói bay mù mịt, làm chim ưng bay nhanh như điện xẹt để tranh nhau tìm lối thoát thân, ngựa giồi lẫn chen phóng nhanh sợ hãi. Vượn nhìn mũi tên kinh hồn; nhận thấy chiếc cung khiếp vía. Nỗi đau đớn vỡ đầu rơi óc khó mà chống cự, sự thống khổ thấu tận tim gan biết làm sao để cấm ngăn? Huống chi, chúng cùng bẩm thọ Ngũ hành¹⁰, đều bao hàm Tứ tượng¹¹, đồng thấm

¹⁰ Ngũ hành: trong triết học cổ Trung Hoa, tất cả vạn vật đều phát sinh từ năm nguyên tố cơ bản và luôn luôn trải qua năm trạng thái được gọi

nhuần tánh Phật, cùng có tâm thần sáng suốt. Tại sao lại giết hại chúng, chất thịt như núi, nấu nướng để cung cấp cho miệng và bụng của mình?

Nung đốt tim gan của chúng mà đâu biết rằng đoạn mạng chúng sinh cũng là làm cho thân Phật chảy máu; ăn thịt súc vật chính là nhai nuốt thân thể của cha mẹ mình! Ấy là gây tạo lỗi lầm sát hại thâm sâu, đoạn dứt chủng tánh từ bi. Hiện đời phước thọ âm thầm tiêu giảm, sau khi chết trầm luân nơi núi đao, rừng kiếm, trở lại làm gà, heo, cá, thỏ lần lượt hoàn trả nợ cũ. Đến như giết hại, cắt xẻo, nấu nướng... nhân quả cũng giống như nhau.

Xét kỹ việc ăn thịt thật đáng rùng rợn, dù bán hay đổi ở lò sát sinh, cũng khó tránh khỏi trọng tội.

là: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim và Thủy (木, 火, 土, 金, 水). Năm trạng thái này, gọi là Ngũ hành (五行).

¹¹ **Tứ tượng:** Tứ tượng hay tứ thánh thú, là một khái niệm hình tượng bộ bốn trong khoa học thiên văn, triết học, phong thủy,... phương Đông. Tứ tượng là bốn thánh thú trong các chòm sao Trung Hoa cổ đại:

- a. Thanh Long của phương Đông.
- b. Chu Tước của phương Nam.
- c. Bạch Hổ của phương Tây.
- d. Huyền Vũ của phương Bắc.

Mỗi thánh thú cai quản một phương và tượng trưng cho một mùa, chúng có những đặc điểm và nguồn gốc riêng. Chúng được miêu tả đầy sinh động trong thần thoại và trí tưởng tượng của người Trung Hoa, và cả trong Manga và Anime của Nhật.

Bồ-tát thà tan xương quyết không ăn thịt chúng sinh. Thế nên, thỏ trắng thiêu thân mà tiên nhân chẳng đoái hoài. Đối với cỏ cây còn không nhỏ, thì thịt lẽ nào lại cho nếm. Rời xa nhà bếp, vì có lời dạy không nữ nghe tiếng kêu than. Nuôi lớn súc vật rồi đem đi bán cũng đồng với tội lỗi miệng giết tâm ăn. Cho nên, Đại Thánh từ bi mới chế giới dứt hẳn sát sinh. Ân của đức Phật thật là to lớn! Người tu Tịnh độ cần phải giữ gìn!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Không tham đắm hương vị,
Mới là rồng trong xanh.*

4. Tu mười điều lành

Chỗ cốt yếu huyền diệu của Đại thừa, vốn không rời Nhất tâm. Muốn được chánh nhân của Tịnh nghiệp, cần phải tu mười điều lành trước tiên. Đoạn dứt bảy tội nặng của thân và miệng, thì bảy hạnh được thành tựu; diệt trừ hết gốc rễ Tam độc (tham, sân, si) của ý thức, thì Tam học (Giới, Định, Huệ) tự nhiên đầy đủ.

Theo kinh *Di-đà*, người cầu sinh Tịnh độ cần phải tu tập mười điều lành này. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chỉ có hàng Bồ-tát Ly cấu địa mới có thể tự

thân chứng đắc. Còn từ cõi Người, Trời cho đến cõi Hữu Đảnh đều lấy mười điều lành này làm duyên để thọ sinh. Hàng Thanh văn cho đến Phật thừa cũng lấy mười điều lành làm căn bản vào đạo. Nếu không tuân theo sự chế định của đức Phật, sẽ dễ rơi vào ba đường ác tối tăm, dù cho được thân người cũng bị hai loại quả báo ác. Không tu thì là mười điều bất thiện, vâng giữ tức là pháp môn mười giới. Đây quả thật là nền tảng của Tịnh độ.

Khuyên khắp cả mọi người thường tu tập hạnh này, đây chính là vườn pháp của Bồ-tát. Hãy nên an trụ nơi đây, thì có thể đến đại thành vô úy, có thể lên bậc Bất thối chuyển, công đức chẳng thể suy lường. Thế nên, các Phật tử cần phải tu học!

5. Thọ trì Tam quy

Đức Phật là bậc Đạo sư của ba cõi, giáo pháp là mắt sáng của muôn loài. Tăng là Thượng sĩ lục hòa, đều là ruộng phước chân thật thanh tịnh. Trái ngược với đây thì trở thành tà vạy, thuận theo đó thì trở thành chân chánh. Công đức thần thông chẳng ai sánh bằng, sức mạnh Thánh nhân khó mà suy xét. Giải trừ khổ não như cái trống có thoa thuốc thì các mũi tên bắn vào đều rơi xuống; vượt thoát tai nạn như song kiếm đột phá vòng vây. Biến khổ làm vui

trong khoảng sát-na, đổi phàm thành Thánh chỉ trong khoảnh khắc. Thế nên, thấy tướng xe lửa hiện ra, nếu biết quy y liền được trong mát; sắp đến Địa ngục, nếu xưng niệm danh hiệu Phật thấy đều là khổ. Ngài Phổ Minh và chư vương tránh khỏi tai nạn là bởi do công phu của định Không. Đế Thích đánh lui oai thế của Đảnh Sinh là từ sức mạnh của Bát-nhã.

Thế nên, Phật tử có lòng tin quy y Tam Bảo chân thật từ bi, dùng hương hoa cúng dường nơi Phật và tăng, đọc tụng lưu thông pháp bảo. Tập hợp những điều thiện lợi này mà hướng về Bồ-đề, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đồng sinh Tịnh độ. Đâu không nghe nói: Tần-già, Anh vũ xưng niệm danh hiệu Phật được về Tây Phương; chư Thiên, Đế Vương quy kính Tam Bảo thệ cầu Thánh đạo. Mọi chúng sinh đều có thể trên cầu quả vị Phật, dưới thoát khỏi nỗi khổ luân hồi.

Như thế, thật đáng gọi là:

Thiên là Đại Quy, thơ là Phát

Thiên tử Đại Đường chỉ ba người.

6. Đây đủ các giới

Đã phát được tâm Bồ-đề, nên tu hạnh Bồ-tát. Ban đầu thọ Tam quy, kế giữ năm giới, dần dần tu

mười pháp lành, viên mãn Tam tụ luật nghi¹². Căn cơ

¹² **Tam tụ luật nghi:** ba tụ giới pháp của Đại thừa Bồ-tát. Tụ nghĩa là chung loại. Vì ba tụ pháp giới này vô cấu thanh tịnh, hàm nhiếp các giới Đại thừa, viên dung vô ngại nên gọi là Tam tụ tịnh giới, Tam tụ viên giới. Tam tụ tịnh giới gồm:

1. Nhiếp luật nghi giới: pháp môn chỉ ác, đoạn dứt tất cả điều ác, hàm nhiếp các luật nghi, là giới của 7 chúng thọ trì, tùy theo tại gia xuất gia khác nhau mà có chia ra các giới điều như: 5 giới, 8 giới, 10 giới, cụ túc giới... cũng có thể quy thành ba loại chung là biệt giải thoát giới, định cộng giới và đạo cộng giới. Giới này là nhân của pháp thân. Pháp thân vốn tự thanh tịnh nhưng bị các điều xấu ác che đậy nên không hiển được, nay lià các đường ác thì công đức thành tựu hiện tiền.

2. Nhiếp thiện pháp giới: nghĩa là tu tập tất cả các pháp lành. Đây là pháp môn tu thiện, là luật nghi giới mà Bồ-tát tu hành, hồi hướng các điều thiện do tu thân, khẩu, ý về Vô Thượng Bồ-đề, như thường siêng năng tinh tấn, cúng dường Tam Bảo, tâm không buông lung, giữ gìn các giác quan và thực hành 6 Ba-la-mật... nếu phạm tội thì như pháp sám hối, nuôi lớn các pháp lành. Đây là nhân của báo thân, có công năng dứt ác tu thiện, cho nên trở thành duyên của báo thân Phật.

3. Nhiếp chúng sinh giới: tức dùng từ tâm nhiếp thọ, làm lợi ích tất cả chúng sinh, đây là pháp môn lợi sinh. Kinh *Bồ-tát Địa Trì 4* nêu 11 loại như sau:

- Cùng làm bạn với những việc nhiều ích mà chúng sinh đã thực hành.
- Cùng làm bạn với các khổ bệnh đã sinh hoặc chưa sinh của chúng sinh và những người sẵn sóc bệnh.
- Nói pháp thế gian, xuất thế gian cho các chúng sinh nghe hoặc dùng các phương tiện khiến họ được trí huệ.
- Biết ân báo ân.
- Có khả năng cứu giúp các sự sợ hãi của chúng sinh. Nếu họ bị tai nạn như người thân qua đời, mất mát tài vật thì Bồ-tát khai giải khiến họ hết lo buồn.

thuần thực thì giữ gìn trọn vẹn, nếu căn cơ chưa thuần thì thọ trì từng phần. Mỗi năm có Tam thiện, mỗi tháng có Lục trai¹³, nếu như thấy năm giới khó thực hành thì hãy trừ bỏ rượu thịt. Mười điều ác¹⁴ dễ

- Thấy có chúng sinh nghèo nàn khốn khổ thì cấp cho những vật cần dùng

- Đức hạnh đầy đủ, nhận y chỉ đúng pháp, nuôi chúng đúng pháp.

- Trước nói lời an ủi, thường tới lui thăm nom, cấp cho thức ăn uống, nói lời lành của thế gian, làm mọi việc chẳng vì mình mà vì chúng sinh.

- Xưng dương khen ngợi người có thật đức.

- Dùng từ tâm quở trách người có lỗi xấu, chiết phục đũa phạt khiến họ hối cải.

- Dùng năng lực thần thông thị hiện ác đạo, khiến các chúng sinh ấy chán sợ điều ác, vâng tu theo Phật pháp, hoan hỷ tin ưa, sinh tâm hy hữu.

Ba tụ tịnh giới này là giới chung của tăng, tục Đại thừa nhưng tăng chúng Đại thừa ban đầu thọ nhiếp luật nghi giới (thọ 250 giới) gọi là biệt thọ; sau lại tổng thọ 3 tụ tịnh giới, gọi là thông thọ.

¹³ **Lục trai:** sáu ngày trai giới thanh tịnh trong mỗi tháng: mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30.

Vào 6 ngày này, chúng tăng phải nhóm họp một chỗ để Bồ-tát thuyết giới, còn hai chúng tại gia thọ trì bát quan trai giới một ngày một đêm. Tương truyền ngày xưa tại Ấn Độ, quỷ thần thường hãm hại người vào 6 ngày này, cho nên ở dân gian có phong tục tắm gội, nhịn ăn vào những ngày này. Về sau, Phật giáo cũng tiếp tục theo phong tục đó, đồng thời cho rằng vào 6 ngày này có Tứ Thiên vương xuống thế gian xem xét việc thiện ác.

¹⁴ **Mười điều ác:** Sát sinh, Trộm cắp, Tà dâm, Vọng ngữ, Lưỡng thiệt (nói lời gây ly gián, lời phá hoại), Ác khẩu (nói lời thô ác), Ý ngữ (là lời nói vô nghĩa, lời nói do tâm nhiễm phát ra), Tham dục (tham ái, tham thủ, xan tham), Sân khú, Tà kiến (tức ngu si).

phạm, nên giữ một giới không sát sinh. Bụi nhỏ tích lũy thành núi non, sương rơi cũng thêm cho dòng nước. Một giọt rơi xuống vực, rớt cuộc cũng trở về biển cả mệnh mông.

Thế nên, kinh *Niết-bàn* nói: “*Lúc đức Phật còn ở đời thì lấy Phật làm thầy, sau khi đức Phật diệt độ thì lấy giới làm thầy*”. Kinh *Phạm Võng* nói: “*Giới như trăng trong sáng, cũng như châu anh lạc. Chúng Bồ-tát nhiều như cát bụi đều do giới này thành tựu đạo giác ngộ chân chánh*”. Vì thế, rồng không có tâm phạm sát; sói còn có ý trì trai. Tỷ-kheo khổ hạnh tiết tháo đến nỗi bị buộc cổ mà chẳng dám đi; bảo hộ con ngỗng mà phải đổ máu hồng; Cư sĩ bị bệnh duyên mà hoàn toàn không uống rượu ăn thịt. Thế nên biết, nói về cội gốc của các điều lành, thì năm giới đứng đầu. Bậc vương giả theo đó để trị quốc, người quân tử phụng hành để lập thân; không thể rời xa lúc vội vàng, không thể phứt bỏ dù trong khoảnh khắc.

Đạo Phật gọi là Ngũ giới, Nho giáo gọi là Ngũ thường¹⁵. Ở nơi trời là Ngũ tinh¹⁶, ở nơi đất là Ngũ

¹⁵ **Ngũ thường**: năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- a. Nhân: lòng yêu thương đối với muôn loài vạn vật.
- b. Nghĩa: cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.
- c. Lễ: sự tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.

nhạc¹⁷, ở nơi người là Ngũ tạng¹⁸, ở nơi xứ sở là Ngũ phương¹⁹. Nói rộng ra thì không chỗ nào mà chẳng thấu nhiếp; quán xét cả trên dưới không gì có thể thêm vào. Do đó, trong *Pháp Uyển Châu Lâm* nói: “Điều thế tục ưa chuộng là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; chỗ ý thức tham lam nung vào là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu”.

Đạo và đời tuy trái ngược nhau, nhưng về mặt Tiệm giáo (tu hành) thì chung đồng không khác. Trong chánh pháp dạy, bắt đầu ở nơi nhân. Đó tức là

d. Trí: sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.

e. Tín: giữ đúng lời, đáng tin cậy.

¹⁶ **Ngũ tinh**: Sao Thủy, sao Kim, sao Hỏa, sao Thổ và sao Mộc.

¹⁷ **Ngũ nhạc**: theo thần thoại Trung Quốc, ngũ nhạc có nguồn gốc từ thân thể và đầu của Bàn Cổ, vị thần đầu tiên sáng tạo ra thế giới. Do vị trí ở phía Đông của mình nên Thái sơn được gắn liền với mặt trời mọc, là biểu tượng cho sự ra đời và sự hồi sinh. Cũng vì cách diễn giải này, nó thông thường được nhắc đến như là ngọn núi linh thiêng nhất.

Ngũ nhạc được sắp xếp theo bốn hướng chính và trung tâm của vùng đất Trung Hoa cổ đại. Các rặng núi trong nhóm này bao gồm:

a. Hướng bắc: Hằng sơn (恒山) thuộc tỉnh Sơn Tây.

b. Hướng nam: Hành sơn (衡山) thuộc tỉnh Hồ Nam.

c. Hướng đông: Thái sơn (泰山) thuộc tỉnh Sơn Đông.

d. Hướng tây: Hoa sơn (华山) thuộc tỉnh Thiểm Tây.

e. Trung tâm: Tung sơn (嵩山) thuộc tỉnh Hà Nam.

¹⁸ **Ngũ tạng**: tâm, can, tì, phế, thận.

¹⁹ **Ngũ phương**: chỉ cho năm phương Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương.

ở nơi pháp thật chỉ sự việc nói thẳng, không nhờ vào ngôn từ hoa mỹ, nương vào danh tự mà biểu hiện ý nghĩa. Tu nhân như thế, không mong quả mà chứng quả; từ chỗ này vào đạo, không muốn vui mà được vui. Hiện nay, thấy người trì giới không sát hại, chẳng cầu nhân mà nhân tỏa sáng; giữ giới không trộm cắp, chẳng hân hoan nghĩa mà nghĩa phô bày. Người không tà dâm, chẳng mong lễ mà lễ được lập. Người không nói dối, chẳng mộ tín mà tín tự vang xa. Người không uống rượu, chẳng thực hành trí mà trí sáng tỏ. Năm giới này không chỉ tự kềm chế mình, ngăn ngừa sai quấy, mà còn trợ giúp nước nhà phát triển sự giáo hóa. Muốn tu thành tựu tịnh hạnh, cần phải nghiêm túc giữ gìn giới luật.

Như thế, thật đáng gọi là:

Vạn thiện hòa dung đồng cội Phật

Vui tươi hơn hờ thuở thái bình.

7. Phát tâm Bồ-đề

Quả Phật Vô Thượng gọi là Bồ-đề, nếu phát tâm này, chắc chắn thành Phật. Pháp môn Tịnh Hạnh nói: “*Người tu Tịnh độ, cần phải khéo phát tâm. Nếu vì mình chán nản Ngũ trước*²⁰, *ưa thích Cửu phẩm*²¹

²⁰ Ngũ trước: năm thứ cận đục khởi lên trong Kiếp giảm. Theo thuyết của kinh *Bi Hoa*, q. 5. *Pháp Uyển Châu Lâm*, q. 98, Ngũ trước chỉ cho:

thì trái với tâm Bồ-đề. Đó là hạnh Thanh văn không nên phát khởi. Nếu vì chúng sinh mà phát tâm đại bi cầu vãng sinh Cực Lạc, mong nhanh chóng thành tựu đạo lực thần thông để trải qua mười phương cứu độ tất cả chúng sinh, khiến họ cùng thành Phật thì thuận với tâm Bồ-đề. Đó là hạnh Bồ-tát cần nên phát khởi".

Nay, khuyên hàng cao lưu tu hành Tịnh nghiệp, phàm muốn lợi mình, lợi người cần phải phát tâm lập chí.

-
1. Kiếp trước: vào thời Kiếp giảm, lúc tuổi thọ con người rút ngắn còn 30 tuổi thì nạn đói kém xảy ra, lúc giảm còn 20 tuổi thì nạn bệnh tật xảy ra, lúc giảm còn 10 tuổi thì nạn chiến tranh xảy ra, tất cả chúng sinh trong thế giới đều bị hại.
 2. Kiến trước: chánh pháp đã diệt, tượng pháp dần dần khởi, tà pháp bắt đầu sinh, tà kiến tăng mạnh, làm cho con người không tu tập pháp lành.
 3. Phiền não trước: chúng sinh nhiều ách nạn, tham lam bôn sển, thích đấu tranh đua nịnh, dối trá, tiếp nhận tà pháp, nên tâm thần bị não loạn.
 4. Chúng sinh trước: chúng sinh phần nhiều độc ác, không hiếu kính cha mẹ, người lớn tuổi, không sợ quả báo ác, không tạo công đức, không tu huệ thí, không giữ gìn trai giới.
 5. Mạng trước: thời xưa con người thọ tám vạn tuổi, đời nay do ác nghiệp tăng trưởng nên tuổi thọ giảm dần, người trăm tuổi rất hiếm. Trong năm trước thì Kiếp trước là Tổng, bốn trước còn lại là Biệt. Trong bốn trước thì Kiếp trước và Phiền não trước làm tự thể mà tạo thành Chúng sinh trước và Mạng trước.

²¹ **Cửu phẩm:** chín bậc: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ và Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ. Thuật ngữ thường dùng là Cửu phẩm vãng sinh, Cửu phẩm Tịnh độ, Cửu phẩm đại y, Cửu phẩm hoặc.

Nên ở trước Tam Bảo dâng hương hiến hoa, chí tâm phát nguyện:

Nam mô Phật

Nam mô Pháp

Nam mô Tăng

Đệ tử là..... hôm nay phát tâm rộng lớn này, chẳng vì mong cầu phước báo Trời, Người, Thanh văn, Duyên giác; cho đến chư vị Bồ-tát hàng Quyền thừa, chỉ y theo tối thượng thừa mà phát tâm Bồ-đề.

Cúi mong cho con cùng với cha mẹ hiện đời, cha mẹ nhiều đời, cùng chúng sinh khắp trong pháp giới, tất cả kẻ oán người thân đồng sinh về Tịnh độ, đều được Bất thối chuyển nơi đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng.

Nói ba lần như trên. Luôn luôn phát khởi tâm này, mỗi ngày nên thường thực hành như thế.

Thuở xưa, đồng tử Thiện Tài do phát tâm Bồ-đề nên chứng quả trong một đời; Long nữ tám tuổi mà được thành Phật. Ở nơi Địa ngục phát tâm này, liền nhanh chóng vượt lên hàng Thập địa²². Sa-di²³ biết phát tâm thì đã hơn hẳn hàng Nhị thừa²⁴.

²² **Thập địa**: cũng gọi là Thập trụ, chỉ cho mười địa vị.

Thập địa chung cho Tam thừa: thuyết này có xuất xứ từ kinh *Đại Phẩm Bát-nhã*, quyển 6, 17. Vì Thập địa này chung cho cả Tam thừa, nên gọi là Tam thừa công Thập địa, hoặc Cộng Thập địa, Cộng địa. Tông Thiên Thai gọi là Thông giáo Thập địa. Trong *Pháp Hoa Huyền Nghĩa*, quyển 4 Hạ, và *Ma-ha Chỉ Quán*, quyển 6 Thượng, ngài Trí Khải giải thích ý nghĩa của Thập địa này như sau:

1. Can Tuệ địa: cũng gọi là Quá diệt Tịnh địa, Tịch nhiên tạp kiến hiện nhập địa, Siêu tịnh quán địa, Kiến tịnh địa, Tịnh quán địa, nghĩa là địa vị này chỉ có tuệ chứ chưa có định, tương đương với giai vị của Tam hiền của Thanh văn và giai vị của Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến trước khi được thuận nhãn.
2. Tánh địa: cũng gọi là Chung tánh địa, Chung địa, tức địa vị tương đương với giai vị Tứ thiện căn của Thanh văn và giai vị Thuận nhãn của Bồ-tát, tuy đấm trước thật tướng các pháp, nhưng không sinh tà kiến, đầy đủ trí tuệ và thiền định.
3. Bát nhân địa: cũng gọi là Đệ bát địa, Bát địa. Nhân nghĩa là nhân, tương đương với 15 tâm kiến đạo của Thanh văn và Vô sinh Pháp nhãn của Bồ-tát.
4. Kiến địa: cũng gọi là Cụ kiến địa, tương đương với quả Tu-đà-hoàn của Thanh văn và địa vị A-bê-bạt-trí (Bất thối chuyển) của Bồ-tát.
5. Bạc địa: cũng gọi là Nhu nhuyển địa, Vi dục địa, tức giai vị đã đoạn trừ một phẩm trong chín phẩm tu hoặc (phiền não) ở cõi Dục, tức quả Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm: cũng chỉ cho địa vị Bồ-tát đã đoạn trừ phiền não, nhưng vẫn còn các tập khí mỏng (bạc), tức địa vị từ A-bê-bạt-trí trở lên cho đến trước quả Phật.
6. Ly dục địa: cũng gọi là Ly tham địa, Diệt dâm nộ si địa, tức giai vị Thanh văn diệt hết phiền não ở cõi Dục, được quả A-na-hàm và địa vị Bồ-tát lia dục, được năm thần thông.
7. Dĩ tác địa: cũng gọi là Sở tác biện địa, Dĩ biện địa, tức địa vị Thanh văn được Tận trí, Vô sinh trí, chức đắc A-la-hán quả, hoặc Bồ-tát thành tựu Phật địa.
8. Bích chi Phật địa: Duyên giác quán xét 12 nhân duyên mà thành đạo.

9. Bồ-tát địa: chỉ cho các địa vị từ Can tuệ địa cho đến Ly dục địa đã nói ở trên, hoặc chỉ cho Hoan hỷ địa cho đến Pháp vân địa (từ sơ phát tâm cho đến Kim cang Tam-muội) sẽ nói ở sau, tức địa vị Bồ-tát từ sơ phát tâm đến khi thành đạo).

10. Phật địa: chỉ cho địa vị hoàn toàn đầy đủ các pháp của chư Phật như Nhất thiết chủng trí...

Theo *Luận Đại Trí Độ*, quyển 75 thì hàng Bồ-tát Tam thừa cộng vị này nương vào trí vô lậu, đoạn trừ hết nghi hoặc mà khai ngộ; như ngọn đèn tâm được thắp lên không nhất định là ngọn lửa đầu tiên hay ngọn lửa sau cùng, sự đoạn hoặc của hàng Thập địa cũng thế, không cố định ở bất cứ một địa nào, mà là mỗi địa đều đưa đến quả Phật, vì thế mà ví dụ Thập địa như việc đốt đèn.

²³ **Sa-di**: người nam xuất gia trong tăng đoàn Phật giáo, đã thọ 10 giới, chưa thọ cụ túc giới.

Sa-di, cựu dịch là “tức tử”. “Tức” là chấm dứt, quyết tâm chấm dứt kiếp số hệ lụy và khổ đau. “Tử” là thương yêu mọi người và mọi loài bằng trái tim của một vị Bồ-tát, không vướng mắc, không phân biệt. Tân dịch là “cần sách”, nghĩa là chuyên cần và luôn luôn được nhắc nhở. Sa-di cũng có nghĩa là “cầu tịch” (theo ngài Nghĩa Tịnh), nghĩa là mong cầu đạt đến quả vị Niết-bàn, chấm dứt mọi vọng tưởng phiền não.

Theo luật *Ma-ha-tăng-kỳ* 29, căn cứ vào tuổi tác thì Sa-di được chia làm 3 loại:

1. Khu ô Sa-di: từ 7 tuổi đến 13 tuổi, đã có thể đuổi chim quạ trên sân khi phơi lúa gạo.
2. Ứng pháp Sa-di: từ 14 đến 19 tuổi, có khả năng làm những việc khó nhọc, hầu thấy và có khả năng tu tập, ngồi thiền, tụng kinh.
3. Danh tự Sa-di: tuổi đã quá 20 nhưng chưa thọ cụ túc giới, vẫn còn là Sa-di.

Trong tăng đoàn Phật giáo, vị Sa-di đầu tiên là La-hầu-la. Đến đời sau, gọi Sa-di thọ trì 10 giới là Pháp đồng Sa-di, còn người cạo tóc nhưng chưa thọ 10 giới gọi là Hình đồng Sa-di. Ngoài ra, Nhật Bản có danh từ “Tại gia Sa-di”, là chỉ cho người tu hành xuất gia mà có vợ con.

Như thế, thật đáng gọi là:

Một khí hồi nguyên vận,

Vạn vật thấm nhuần ân.

*

VĂN KHUYÊN PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Đại sư Thật Hiền soạn

(Phần bổ sung)

Thật Hiền tôi, một sư tăng phàm phu, hư hèn ngu muội, dập đầu lay khóc, rớm máu quanh mi, van xin đại chúng hiện tiền, cùng tín hữu nam nữ mai hậu, cúi xin quý vị xót thương, ghé tai nghe xét.

²⁴ **Nhị thừa:** hai cỗ xe, ví dụ giáo pháp của đức Phật có công năng vận chuyển chúng sinh đến quả vị giác ngộ giải thoát. Giáo pháp có hai loại nên gọi là Nhị thừa.

1. Đại thừa và Tiểu thừa: giáo pháp đức Phật nói trong một đời được chia thành Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. Tiểu thừa là giáo pháp Phật nói cho hàng Thanh văn, Duyên giác; còn Đại thừa là giáo pháp Phật nói cho hàng Bồ-tát.

2. Thanh văn thừa và Duyên giác thừa:

- Thanh văn thừa: trực tiếp nghe đức Phật nói pháp, nương vào lý Tứ đế mà giác ngộ.

- Duyên giác thừa: không trực tiếp nghe đức Phật nói pháp, chỉ tự mình quán xét lý mười hai nhân duyên mà được giác ngộ.

Từng nghe: cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm làm đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm trước. Nguyện có lập thì chúng sinh mới độ nổi, tâm có phát thì đạo mới tựu thành. Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, dù trải qua trăm kiếp ngàn đời, vẫn cứ quanh quẩn trong vòng luân hồi mãi mãi. Dù có gia công tu hành, cũng chỉ nhọc công vô ích, đắng cay vẫn hoàn đắng cay.

Cho nên, kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Quên mất tâm Bồ-đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là việc làm của ma*”. Quên mất còn như thế, huống nữa là chưa phát? Cho nên biết rằng, muốn học đạo Như Lai, trước hết phải phát nguyện Bồ-đề, không thể trì hoãn, chần chờ được.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không trình bày biết đâu mà hướng tới? Nay vì đại chúng, xin nói tóm lược. Tướng trạng của tâm nguyện có tám, đó là: tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên.

Ở đời, có người sau khi vào chùa tu, nhưng chẳng xét tâm mình, chỉ chuyên lo những việc bên ngoài: hoặc cầu sướng thân, hoặc ham nổi tiếng, hoặc ưa thích dục lạc thế gian, hoặc cầu mong quả vui mai hậu. Phát tâm như thế, đích thật là tà.

Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo Bồ-đề. Phát tâm như thế, được gọi là chánh.

Niệm niệm liên tục, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Nghe Phật đạo cao siêu, không sinh sầu lo thoái chí; thấy chúng sinh khó độ, không sinh mệt mỏi sờn lòng. Như trèo núi cao muôn trượng, quyết lên thấu đỉnh; như leo tháp lớn chín tầng, phải leo tận nóc. Phát tâm như thế, được gọi là chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ. Ngoài sạch trong dơ, trước siêng sau trễ. Tâm tuy tốt đấy, nhưng phần lớn bị danh lợi xen lẫn. Pháp tuy hay đấy, nhưng oan uổng vì bị vọng nghiệp nhuộm bẩn. Phát tâm như thế, đích thị là ngụy.

Cõi chúng sinh hết, nguyện tôi mới hết; đạo Bồ-đề thành, nguyện tôi mới mãn. Phát tâm như thế, được gọi là đại.

Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sinh tử tựa oan gia, chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế, chính là tiểu.

Ngoài tâm nếu thấy có chúng sinh cần độ, có Phật đạo mong thành, công phu không xả, thấy biết không tan. Phát tâm như thế, chính là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sinh, nên nguyện độ thoát. Tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành. Không có pháp nào ngoài tâm riêng có. Đem tâm hư không mà phát nguyện hư không, tu hạnh hư không, chứng quả hư không. Cũng không có tướng hư không, có thể đắc chứng. Phát tâm như thế, được gọi là viên.

Biết được tám tướng khác nhau trên đây là biết cứu xét. Biết cứu xét là biết lấy bỏ. Biết lấy bỏ là biết phát tâm. Cứu xét như thế nào? Đem tâm mình ra để cứu xét, so với tám tướng nói trên để biết tâm mình là chánh, là tà, là chân, là ngụy, là đại, là tiểu, là thiên hay viên. Lấy bỏ thế nào? Bỏ tà, bỏ ngụy, bỏ tiểu, bỏ thiên. Lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như thế mới gọi chân chánh phát tâm Bồ-đề.

Tâm Bồ-đề này là pháp lành hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được tâm ấy hẳn phải có nhân duyên. Tóm gọn có mười nhân duyên phát khởi.

1. Nhớ nghĩ ơn nặng của Phật.
2. Nhớ nghĩ công ơn cha mẹ.
3. Nhớ nghĩ công ơn sư trưởng.
4. Nhớ nghĩ công ơn thí chủ.
5. Nhớ nghĩ công ơn chúng sinh.

6. Nhớ nghĩ khổ đau sinh tử.
7. Tôn trọng tánh linh của mình.
8. Sám hối nghiệp chướng đã gây.
9. Nguyên cầu vãng sinh Tịnh độ.
10. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

*

1. Thế nào là nhớ nghĩ ơn nặng của Phật?

Đức Thế Tôn Thích-ca Như Lai chúng ta khi mới phát tâm, vì tất cả chúng sinh tu Bồ-tát đạo, trải vô lượng kiếp, nếm đủ mọi điều cay đắng gian lao. Khi ta tạo nghiệp, đức Phật rất xót thương, tìm cách giáo hóa, nhưng ta ngu si, chẳng chịu nghe theo. Ta đọa Địa ngục, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ, nhưng ta nghiệp nặng, không phương cứu vớt. Ta sinh cõi Người, Phật dùng phương tiện, giúp trồng căn lành. Đời đời kiếp kiếp, Ngài luôn theo dõi từng tâm niệm, cứu vớt chúng sinh không lúc nào bỏ sót. Khi Phật xuất thế, ta còn chìm đắm, nay được làm người thì Phật đã diệt. Tội lỗi chi khiến ta sinh vào thời mạt pháp, phước đức nào mà ta được dự vào hàng ngũ xuất gia? Nghiệp chướng chi khiến ta không được

thấy thân vàng của Phật, may mắn nào xui ta được thấy xá-lợi như vậy? Suy nghĩ như thế thì mới rõ lẽ: giả sử quá khứ không trồng thiện căn, làm sao hôm nay có thể được nghe Phật pháp? Không nghe Phật pháp, làm sao biết mình thường thọ nhận ân của Phật? Ân đức ấy non sâu khó sánh. Trừ phi tự mình phát tâm rộng lớn, hành đạo Bồ-tát, xây dựng đạo tràng, cứu độ chúng sinh; còn không thì dù cho thịt nát xương tan, cũng khó mà đền đáp xứng đáng. Đó là nhân duyên thứ nhất của sự phát tâm Bồ-đề.

2. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn cha mẹ?

Thương thay cha mẹ, sinh ta nhọc nhằn! Mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm. Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn; ngậm đắng nuốt cay, ngọt bùi chẳng tưởng. Khổ công nhường ấy, ta mới thành người. Hy vọng về sau, tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Vậy mà, nay ta lại đi xuất gia, lạm xưng Thích tử, nhục hiệu Sa-môn. Ngọt bùi không cung cấp, giỗ chạp chẳng lo toan. Lúc còn sống ta đã không chu toàn được miếng cơm manh áo, khi chết rồi ta lại chẳng đủ sức tiếp dẫn giác linh. Đối với thế gian là kẻ sống thừa, về mặt xuất thế cũng chẳng ích chi. Hai đường đều mất, tội nặng khó thoát. Suy nghĩ như thế, chỉ còn một cách là thường hành Phật đạo trong trăm

kiếp ngàn đời, để cha mẹ nhiều kiếp đều được siêu thăng, không những cha mẹ một người mà cha mẹ của tất cả đều được cứu vớt. Đó là nhân duyên thứ hai của sự phát tâm Bồ-đề.

3. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn sư trưởng?

Cha mẹ tuy sinh ta, nuôi ta khôn lớn, nhưng nếu không có sư trưởng thế gian thì lễ nghĩa không biết; không có sư trưởng xuất thế gian thì Phật pháp không hay. Không biết lễ nghĩa thì có khác chi cầm thú, không tin Phật pháp ắt đồng với người phàm. Ngày nay, chúng ta có biết sơ qua ít nhiều về Phật pháp, lễ nghĩa cũng biết tạm đủ. Thân phủ ca-sa, mình đượm giới phẩm. Công ơn lớn ấy chính nhờ sư trưởng mà có.

Nếu câu quả nhỏ, chỉ được lợi mình. Nay theo Đại thừa, nguyện đem lợi lạc đến khắp quần sinh, thì sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế, cả hai đều được lợi ích, do ta cúng hiến. Đó là nhân duyên thứ ba của sự phát tâm Bồ-đề.

4. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn thí chủ?

Chúng ta ngày nay, đồ vật dùng hằng ngày chẳng phải do ta tự cấp. Cháo cơm ba bữa, quần áo bốn mùa, thuốc men trị bệnh, chi phí linh tinh... hết thảy đều do sức lực của kẻ khác làm ra, mang đến

cho ta chi dùng. Họ thì dốc sức cày cấy, bụng chẳng đủ no; ta thì ngồi không an hưởng, mà lòng vẫn còn chưa thỏa. Họ thì đan dệt không ngừng tay, suốt đời gian khổ; ta thì may mặc đến thừa mứa, đâu biết tiếc thương. Họ thì nhà tranh vách lá, nghèo khó suốt đời; ta thì sân rộng nhà dài, thông thả quanh năm. Đem sức lao nhọc của họ để cung cấp cho sự sống an nhàn của ta, lòng sao yên được? Lấy cái lợi của người để bồi dưỡng thân ta sung sướng, như vậy xét theo lý, thì có thuận không? Nếu chẳng phải mình vận dụng hai đức bi trí, trang nghiêm hai quả phước tuệ để tín thí nường nhờ ơn đức, chúng sinh thọ nhận ân sủng, thì dù gạo chỉ một hạt, vải chỉ một ô, mà mình đã thọ cúng trước kia, đến nay đều phải trả đủ, không thì ác báo khó trốn. Đó là nhân duyên thứ tư của sự phát tâm Bồ-đề.

5. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn chúng sinh?

Ta với chúng sinh, từ bao kiếp trước, hết đời nợ qua đời kia, từng làm cha mẹ của nhau. Ôn nghĩa qua lại, nhiều lớp nhiều tầng. Nay vì cách đời, cho nên hôn mê không nhận ra nhau. Cứ lý ấy mà suy, thì sao không biết đền đáp! Nay là loài mang lông đội sừng, biết đâu xưa kia không là con ta? Nay là loài bò, bay, máy, cựa, biết đâu xưa kia chẳng phải là cha mẹ ta?

Thường thấy bao người, khi trẻ lìa xa gia đình, lúc lớn trở về dung mạo đổi khác không thể nhận ra. Huống nữa cha mẹ đời trước của ta, ngày nay kể thì họ Trương, người thì họ Vương, làm sao nhớ được? Họ đang gào thét trong Địa ngục, hoặc đang ngất ngư trong chốn Ngạ quỷ. Khổ đau ai biết, đói khát kêu ai? Ta tuy không thấy không nghe, nhưng họ thì luôn cầu xin cứu vớt. Nếu chẳng phải kinh điển thì không chỗ nào có thể nói rành việc ấy, nếu chẳng phải đức Phật thì không ai tả rõ cảnh này. Hạng người tà kiến không sao biết nổi! Bồ-tát nhìn sâu kiến, thấy toàn là cha mẹ quá khứ và chư Phật vị lai, cho nên thường nhớ cách giúp đỡ để báo đền ơn chúng. Đó là nhân duyên thứ năm của sự phát tâm Bồ-đề.

6. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn chúng sinh?

Ta cùng chúng sinh từ bao kiếp trước, sinh tử quẩn quanh, chưa hề thoát khỏi. Khi ở cõi Trời, lúc sinh cõi Người. Nơi kia chốn nọ, ra vào muôn lối, lên xuống nửa giây. Thoáng chốc làm Trời, thoáng chốc làm Người, thoáng chốc chui vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Cổng đen sáng ra chiều vào, hang sắt mới khép đã mở. Leo lên núi đao thì không còn mảnh da nguyên vẹn; vịn vào kiếm bén thì da thịt đều bị rách tan. Hoàn sắt nóng không trừ được đói, nuốt vào rồi

gan ruột nát tan; nước đồng sôi không giải được khát, uống vào rồi xương thịt chín như. Cửa bên xả thây, đứt xong liền nối; gió nghiệp thổi vào mặt, chết rồi lại sinh. Trong thành rục lửa, thảm thê tiếng thét rú lên; trên bàn xào nướng, tê tái tiếng gào vang vọng. Băng giá đông lại thì thân hình xanh như sen xanh kết nhụy, máu thịt rửa ra thì mình mẩy đỏ tựa sen hồng trở hoa. Trong chốn Địa ngục, một đêm chết sống kể vạn lần; một buổi thọ hình chốn U minh so với nhân gian thì lâu tròn thế kỷ. Bao phen lính ngục ra tay nhọc mệt, nào ai chịu tin lời Diêm chúa răn khuyển. Lúc thọ hình mới kêu van khổ, nhưng dù hối cũng chẳng kịp nữa. Khi thoát rồi thì vội quên ngay, vẫn nghiệp cũ lại gây như trước. Xua heo vào lò mổ, nào ngờ cha mình sắp rã thây. Ăn thịt con mà không biết, ăn thịt cha mà chẳng hay, vua Văn Vương còn như thế thì phàm phu cũng thế thôi. Năm xưa ân ái, nay thành oan gia; thuở trước oán cừu, nay thành ruột thịt. Đời trước là mẹ, mà nay là vợ; thuở xưa là cha, nay lại là chồng. Lấy Trí tức mạng mà soi, thật đáng hổ thẹn biết mấy; dùng Thiên nhãn mà nhìn, thấy đáng chán, đáng cười biết bao! Trong bụng đầy phẫn, mười tháng rúc chui, hết còn chịu nổi; qua đường ngấp máu, một phen lộn ngược sinh ra, đáng thương biết mấy! Nhỏ đại biết chi, kia đây chẳng rõ, lớn

khôn dần hiểu, tham dục bèn sinh. Loáng thoáng mới đó, già đau đã tới, chẳng mấy chốc cơn vô thường lại đến tìm. Gió lửa trong lúc giao tranh, thần thức rơi rời rối loạn. Khí huyết bên trong với cạn, xương thịt bên ngoài teo khô. Không một kẽ chân lông nào không bị kim đâm, không một nơi khiếu huyết nào không bị dao cắt. Rùa già đem nấu, lột được vỏ ra, e rằng còn dễ; thần thức sắp đi, phải lìa khỏi xác, khó gấp bội phần! Tâm không thường làm chủ, giống kẻ lái buôn khắp nơi rong ruổi; thân không hình cố định, khác nào phòng ốc nay đổi mai thay. Chỉ như mảy bụi ở trong ba ngàn cõi, thân nọ quay cuồng, nhấp nhô như sóng bốn biển, qua lại vô tận vô cùng, nước mắt ly biệt trào dâng kể sao cho xiết! Xương chông chất vượt quá núi cao, thịt chứa nhóm nhiều hơn đất dày. Giả sử không được nghe lời Phật dạy, việc như thế ai thấy ai nghe. Không được xem kinh Phật, thì lý đó ai hay ai biết? Vậy mà có kẻ vẫn tham luyến như xưa, si mê không bỏ. Chỉ e ngàn đời muôn kiếp, một lần trăm lần, dây dưa trăm kiếp. Thân người khó được mà dễ mất, vận may dễ qua mà khó tìm. Âm cảnh mờ昧, ly biệt dài lâu. Ác báo ba đường, rồi phải tự chịu. Khổ không thể nói, ai chịu thay cho? Nhân nói đến đây, thật cảm thấy trong lòng lạnh lùng đau xót. Cho nên, phải dứt dòng sinh tử, thoát biển ái

dục, mình người cùng thoát, bờ giác cùng lên. Công lao muôn kiếp, chính được bắt đầu từ buổi hôm nay. Đó là nhân duyên thứ sáu của sự phát tâm Bồ-đề.

7. Thế nào là tôn trọng tánh linh của mình?

Tâm của chúng ta trong hiện tiền, so với đức Thế Tôn Thích-ca không hai không khác. Thế thì, vì sao Thế Tôn đã thành Chánh Giác từ vô lượng kiếp, còn chúng ta thì vẫn điên đảo hôn mê làm phàm phu? Lại nữa, Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí tuệ, công đức trang nghiêm; còn chúng ta chỉ có vô lượng phiền não, nghiệp chướng, sinh tử buộc chặt? Tâm tánh chỉ một, do mê ngộ nên cách xa như trời vực. Cứ im lặng mà suy ngẫm lại xem, há chẳng thấy đáng xấu hổ sao? Ví như ngọc báu vô giá rơi xuống bùn nhơ, thì cũng xem giống như là ngói gạch, chẳng còn quý báu. Cho nên, phải dùng vô lượng thiện pháp để đối trị vô lượng phiền não. Có gia công tu đức, thì tánh đức mới sáng ra. Như ngọc báu được lau chùi, đem treo lên phướn cao thì tỏa ánh sáng rực chiếu, soi khắp tất cả. Thế mới đáng gọi là không phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ tánh linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của sự phát tâm Bồ-đề.

8. Thế nào là sám hối nghiệp chướng?

Kinh dạy: “*Phạm một giới nhỏ, bị đoạ Địa ngục*

lâu bằng năm trăm tuổi thọ của cõi trời Tứ thiên vương". Cát-la tội nhỏ mà còn như thế, huống nữa tội nặng thì quả báo lớn thật là khó nói? Trong nếp sống hàng ngày, một cử chỉ, một hành động của chúng ta thường trái với luật Phật! Khi ăn, lúc uống phạm giới bao phen! Kể cả các điều vi phạm, chỉ trong một ngày cũng đã vô lượng, huống nữa trọn đời nhiều kiếp, tội lỗi gây ra thì khó mà nói hết! Chỉ lấy riêng Ngũ giới mà nói, cứ mười người giữ đã hết chín người phạm. Phát lộ thì ít, che dấu thì nhiều. Ngũ giới là giới tại gia còn không giữ nổi; huống nữa các giới Sa-di, Tỷ-kheo, Bồ-tát, thôi khỏi bàn đến! Hỏi đến danh nghĩa thì tự xưng ta là Tỷ-kheo; nhưng xét về thực chất, thì chưa xứng để làm một Phật tử! Há chẳng đáng hổ thẹn sao? Nên biết rằng, giới Phật không thọ thì thôi, đã thọ rồi thì không được hủy phạm; không phạm thì thôi, đã phạm rồi thì khó tránh sa đọa. Nếu không vì xót thương mình, thương người, mà lệ rơi theo tiếng thiết tha, thân quý lạy thảm thiết, cùng với chúng sinh cầu xin sám hối, thì dù ngàn đời muôn kiếp ác báo khó bề tránh khỏi. Đó là nhân duyên thứ tám của sự phát tâm Bồ-đề.

9. Thế nào là cầu sinh Tịnh độ?

Tu hành ở cõi này rất khó tiến đạo, nhưng được vãng sinh cõi kia thì việc thành Phật lại dễ dàng. Vì

đễ dàng nên một đời có thể đạt được; vì quá khó cho nên muôn kiếp chưa chắc tựu thành. Vì vậy, Thánh Hiền đời trước, các vị đều thú hưởng về đây; ngàn kinh muôn luận, chỗ nào cũng giải bày nghĩa này. Việc tu hành trong đời mạt pháp không còn pháp nào hơn được pháp ấy. Song, kinh nói rằng: “*Ít căn lành khó được vãng sinh, nhiều phước đức mới về cõi Tịnh*”. Nói phước đức dày, không chi bằng chấp trì danh hiệu; nói điều lành nhiều, phát tâm rộng lớn chiếm ưu tiên. Cho nên, chấp trì danh hiệu trong chốc lát, hơn hẳn công đức bố thí cả trăm năm; vừa phát được tâm Bồ-đề rộng lớn, liền vượt trội công đức tu hành trong nhiều kiếp. Bởi vậy, niệm Phật là mong ước làm Phật, nếu tâm lớn không phát thì niệm cũng chẳng ích chi. Phát tâm là nhằm mục đích tu hành, nếu Tịnh độ không sinh thì tuy có phát tâm, nhưng cũng dễ thoái chuyển. Thế thì gieo giống Bồ-đề, phải cày bằng lưỡi cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng trưởng. Cõi thuyề đại nguyện, vào được biển lớn Tịnh độ, quyết định vãng sinh Tây Phương. Đó là nhân duyên thứ chín của sự phát tâm Bồ-đề.

10. Thế nào là làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài?

Thế Tôn từ vô lượng kiếp, vì tất cả chúng ta mà tu đạo Bồ-đề. Ngài làm được việc khó làm, nhấn

được điều khó nhận. Cho nên, khi nhân quả tròn đủ, Ngài mới thành Phật. Sau khi thành Phật, giáo hóa hoàn tất, Ngài vào Niết-bàn. Nay thời chánh pháp đã qua, thời tượng pháp đã hết; dù Phật và pháp vẫn còn đó, mà không có người tu hành. Tà chánh chẳng phân, phải trái lẫn lộn. Tranh đua nhân ngã, toàn phường lợi danh. Ngược mắt nhìn quanh, mọi người đều như vậy, chẳng ai thoát khỏi. Mịt mù chẳng biết Phật là ai? Pháp là gì? Tăng nghia ra sao? Suy tàn đến thế, không thốt nên lời! Nhưng mỗi khi nghĩ đến những việc ấy, thì bất giác lệ tuôn. Ta là Phật tử mà không thể đền đáp công ơn Phật? Trong vô ích cho mình, ngoài chẳng lợi cho người. Sống vô ích cho đời, chết vô ích cho hậu thế. Trời tuy cao không che nổi ta, đất tuy dày không chở nổi ta. Người mang tội nặng, không phải ta thì là ai? Do đó, lòng đau không thể chịu nổi, toan tính cũng chẳng đề xuất được kế gì. Bỗng nhiên, vụt quên rằng mình quê mùa, chột phát tâm trí rộng lớn. Tuy chưa thể kéo mặt vận trở lại ngay trong lúc này, nhưng quyết định phải hộ trì được chánh pháp mai sau. Cho nên, cùng các Thiện hữu dắt nhau đến đạo tràng, soạn thuật sám pháp, lập pháp hội này. Phát bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng nhằm hóa độ chúng sinh, cầu trăm ngàn kiếp thâm tâm, tâm nào cũng hướng đến chỗ làm

Phật. Kể từ hôm nay cho đến tận cùng đời vị lai, thể hết thân này, thể quyết phải sinh về An Dưỡng. Sau khi lên xong chín phẩm, trở lại Ta-bà²⁵, khiến cho mặt trời Phật pháp sẽ được sáng lại, cửa vào chánh pháp phải được mở toang. Tăng chúng thanh tịnh ở cõi này, nhân dân được độ khắp tất cả. Kiếp vận nhờ đó kéo dài, chánh pháp do đây bền vững. Đây là tâm nguyện chân thành, từng được thiết tha ấp ủ! Đó là nhân duyên thứ mười của sự phát tâm Bồ-đề.

Như vậy, mười duyên đã biết, tám tướng đã rõ. Thú hưởng có lối, khai phát có nơi. Chúng ta đã được làm người, được ở đất có văn hóa, sáu căn không thiếu, cơ thể mạnh khỏe, đầy đủ tín tâm, may mắn không gặp ma chướng. Huống nữa còn được xuất gia, thọ giới Cụ túc, được gặp đạo tràng, được nghe Phật

²⁵ **Ta-bà**: chỉ cho thế giới Ta-bà, tức là thế giới hiện thực do đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáo hóa. Chúng sinh trong thế giới này làm mười điều ác, chịu đựng các phiền não mà không muốn lìa bỏ, vì thế gọi là nhân. Lại khi chư Phật, Bồ-tát làm việc lợi lạc ở thế gian này, các Ngài phải chịu mọi thứ phiền não, để biểu thị lòng vô úy và từ bi của các Ngài, cũng gọi là nhân. Ta-bà còn được dịch là tạp ác, tạp hội, nghĩa là cõi Ta-bà là chỗ Tam ác, Ngũ thú tụ hội phức tạp.

Ngoài ra, danh từ Ta-bà chỉ cho cõi Diêm-phù-đề, nơi cư trú của chúng sinh. Đời sau, Ta-bà trở thành một thế giới Tam thiên đại thiên do đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáo hóa, cho nên gọi chung thế giới có trăm ức núi Tu-di là Ta-bà.

pháp, được tu sám pháp, được gặp bạn lành, được đủ duyên may. Như thế, nếu hôm nay không chịu phát tâm rộng lớn thì đợi đến bao giờ?

Cúi xin đại chúng xót thương cho tấm lòng thành ngu muội của tôi, thương tiếc xét cho cái chí nguyện khổ sở của tôi, để cùng nhau cùng lập nguyện ấy, cùng phát tâm này. Ai chưa phát thì nay phát, ai phát rồi thì nên tăng trưởng, ai tăng trưởng rồi thì nay cứ tiếp tục. Đừng thấy khó mà sợ hãi lùi bước, đừng cho dễ mà khinh thường, đừng ham mau mà không giữ được bền lâu, đừng lười nhác mà mất lòng dũng mãnh, đừng rụt rè mà giảm khí thế đang lên, đừng vì chần chừ mà hẹn nay, hẹn mai. Đừng tự cho mình ngu mà buông thả tất cả, đừng vì căn cơ chậm lụt mà mặc cảm rằng mình không được dự phần. Ví như trồng cây, trồng lâu thì rễ lần càng ăn sâu. Lại ví như mài dao, mài hoài thì dao cùn cũng phải bén. Đâu nên vì cùn mà không trồng, để mặc cho cây khô héo; hay vì cùn mà không mài, để mặc cho dao sét rỉ, thành vật vô dụng. Lại nữa, nếu bảo tu là khổ, đâu biết lười biếng lại khổ hơn. Tu chỉ nhọc nhất thời mà an vui vĩnh viễn, lười biếng thì tạm thông thả một đời mà chịu khổ muôn kiếp. Huống nữa, lấy pháp môn Tịnh độ làm tàu thuyền, thì lo gì thối chuyển; lại

thêm có trí tuệ vô sinh làm sức đẩy, thì ngại gì gian nan. Nên biết, tội nhân ở Địa ngục còn phát tâm Bồ-đề từ kiếp trước; nay được làm người lại là Phật tử, sao không lập đại nguyện ngay trong đời này?

Vì hôn mê từ bao kiếp trước, nên những gì qua rồi không thể cản ngăn. Nhưng ngày nay đã tỉnh ngộ, thì những gì sắp đến còn có thể đón bắt. Còn nếu mê mà chưa tỉnh đương nhiên là việc đáng thương, nhưng biết mà không làm mới thật là điều đáng tiếc. Nếu sợ cái khổ Địa ngục thì tự sinh khởi tinh tấn, nếu nghĩ cái chết gần kề thì sẽ không còn lười nhác.

Lại nữa, phải lấy Phật pháp làm roi giục, lấy bạn lành làm tay dắt. Vội mấy cũng không rời, trọn đời luôn bám chặt. Như vậy, không còn lo gì thối chuyển nữa. Chớ bảo rằng một niệm chẳng đi đến đâu, đừng cho rằng nguyện suông chẳng ích gì. Tâm chân thì việc thật, nguyện rộng lớn thì tâm hạnh sâu xa. Hư không chẳng có rộng lớn, tâm vương mới là rộng lớn; kim cương chẳng bền chắc, chỉ nguyện lực mới bền chắc.

Nếu đại chúng thật tâm, không vứt bỏ lời tôi, thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc Bồ-đề, bạn lành Tịnh độ. Nguyện cùng sinh Tịnh độ, cùng thấy Di-đà, cùng độ chúng sinh, cùng thành Chánh Giác.

Biết đâu, ba mươi hai tướng tốt và trăm phước trang nghiêm sau này, chẳng phải bắt đầu từ buổi phát tâm lập nguyện hôm nay! Nguyện cùng đại chúng cùng nhau gắng sức!

Rất mong lắm thay! Rất mong lắm thay!

8. Tin sâu nhân quả

Đã quyết định bước đi trên con đường huyền diệu, phải nên tẩy rửa tâm tư nơi đạo lớn, tin sâu nhân quả thế gian, xét rõ cội nguồn xuất thế. Muốn xét tận cùng nguồn cội, thì phải xét ở chỗ chính yếu; mà chỗ chính yếu phải từ nơi dụng, dụng ấy có lẽ lại từ nơi tâm chăng? Tâm bao gồm cả vạn hạnh, hội thông nơi muôn loài. Bởi lẽ, tâm không phải là pháp thường hằng, nên nương nơi thiện và ác mà thay đổi tác dụng. Vì tội và phước như bóng với hình nên nhân quả không trái nhau. Thế nên biết, đi vào cảnh mà động gọi đó là nhân; động mà sinh khởi ý thức gọi đó là duyên, duyên khởi thì nghiệp theo nhau, có nghiệp thì nhất định có quả báo. Do đó, những hành vi thiện ác là nhân của thế gian; còn Tam giới²⁶, Lục đạo²⁷,

²⁶ **Tam giới:** chỉ cho Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

1. Dục giới: thế giới của loài hữu tình có tính dâm dục, tình dục, sắc dục và thực dục cư trú. Trên từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại thứ sáu, giữa gồm

Cửu hữu²⁸, Tứ sinh²⁹ là quả của thế gian. Pháp môn niệm Phật là nhân xuất thế gian; cửu phẩm hóa sinh, thành Phật nơi Tịnh độ là quả của xuất thế gian.

bốn đại châu cõi người, dưới đến Địa ngục Vô gián. Vì nam, nữ ở lẫn lộn, nhiều thứ dục nhiễm nên gọi là Dục giới.

2. Sắc giới: sắc có nghĩa là biến ngại hoặc thị hiện, là thế giới cư trú của loài hữu tình đã xa lìa dâm dục và thực dục của cõi Dục, nhưng vẫn còn có sắc chất thanh tịnh. Cõi này ở phía trên cõi Dục, không có các thứ dục nhiễm, cũng không có thân nữ. Chúng sinh ở cõi này đều do hóa sinh, cung điện cao lớn, là do sự hóa sinh của sắc, tất cả đều thù hăng đẹp đẽ. Vì cõi vẫn còn sắc chất, nên gọi là Sắc giới. Cõi này tùy theo thiền định sâu cạn, thô diệu mà được chia làm bốn bậc, từ Sơ thiền Phạm thiên cho đến A-ca-nị-tra thiên, tất cả có mười tám tầng trời.

3. Vô sắc giới: thế giới cư trú của loài hữu tình chỉ có thọ, tưởng, hành, thức, không có một vật gì là vật chất, cũng không có thân thể, cung điện, quốc độ, chỉ có tâm thức trụ trong thiền định sâu xa mẫu nhiệm, nên gọi là Vô sắc giới. Thế giới này ở phía trên cõi Sắc, có tất cả bốn tầng trời (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Phi Tưởng Xứ), cũng gọi là Tứ vô sắc, Tứ không xứ.

²⁷ **Lục đạo**: chỉ cho sáu đường thọ sinh tùy theo nghiệp lực của chúng sinh: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh; 4. Tu-la; 5. Người; 6. Trời. Trong đó, ba đường trước gọi là ba ác đạo, ba đường sau gọi là ba thiện đạo.

²⁸ **Cửu hữu**: chín chỗ cư trú của chúng hữu tình, tức trời và người nơi cõi Dục, trời Phạm Chúng, trời Cực Quang Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Tưởng, trời Không Vô Biên, trời Thức Vô Biên, trời Vô Sở Hữu, trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.

²⁹ **Tứ sinh**: chỉ cho bốn loài hữu tình trong sáu đường thuộc ba cõi, gồm: 1. Noãn sinh (Andajayoni): loài sinh ra từ trứng, như ngỗng, khổng tước, gà, rần, cá, kiến...

Trong lòng hiểu rõ nhân quả như ở trên, do đó không ưa thích pháp thế gian. Đối với pháp xuất thế thì tâm hạnh không trái ngược, niệm niệm không quên Tịnh độ, tâm tâm chẳng rời Di-đà. Làm sao biết được như thế? Vì hiện nay là nhân, lúc lâm chung là quả. Nên biết, nhân chân thật thì quả không hư dối.

Hai con đường thiện ác, hai quả báo khổ vui đều từ nơi ba nghiệp³⁰ tạo nên, bốn duyên³¹ sinh ra, sáu nhân³² làm thành, năm quả³³ thâm nhiếp. Nếu một

2. Thai sinh (Jalabuja, còn gọi Phúc sinh): loài sinh ra từ thai mẹ, như người, voi, ngựa, trâu, bò, heo, dê, lừa...

3. Thấp sinh (Samsedaja, còn gọi Nhân duyên, Hàn nhiệt hòa hợp sinh): loài sinh ra từ khí ẩm ướt ở những nơi ẩm thấp, như các loài thiếu thân, muỗi, sâu, mối mòng, sâu mè...

4. Hóa sinh (Opapatika): loài không chỗ nương tựa bỗng nhiên sinh ra gọi là Hóa sinh, như các loài hữu tình: chư thiên, địa ngục, trung hữu, đều do nghiệp lực đời quá khứ mà hóa sinh.

Trong Tứ sinh nói trên thì chúng sinh hóa sinh là nhiều nhất.

³⁰ **Ba nghiệp:** thân, miệng, ý.

³¹ **Bốn duyên:**

a. Nhân duyên: tự thể sinh tự quả là nhân, lấy nhân làm duyên.

b. Đẳng vô gián duyên: tâm và tâm sở lần lượt không gián đoạn tiếp nối sinh khởi.

c. Sở duyên duyên: tâm và tâm sở theo duyên mà sinh, hay là chỗ mà tự tâm duyên lự (nghĩ ngợi).

d. Tăng thượng duyên: sáu căn hay soi cảnh vật phát khởi thức, có lực dụng tăng thượng, khi các pháp sinh, chẳng sinh chướng ngại.

³² **Sáu nhân:** luận về thể của nhân, có sáu thứ: năng tác nhân, cấu hữu nhân, đồng loại nhân, tương ứng nhân, biến hành nhân và dị thực nhân.

tâm niệm sân hận hoặc tà dâm là nghiệp Địa ngục; xan tham không chân thật là nghiệp Nga quý; ngu si tăm tối là nghiệp Súc sinh; ngã mạn cống cao tức là nghiệp A-tu-la; giữ vững năm giới là nghiệp Người; tinh chuyên tu mười điều lành là nghiệp Trời; chứng ngộ nhân không là nghiệp Thanh văn; rõ lý duyên khởi là nghiệp Duyên giác; tu hành Lục độ³⁴ là

³³ **Năm quả**: là quả hữu vi, vô vi do sáu nhân sinh ra và từ đạo lực mà chứng được.

- a. Đẳng lưu quả, còn gọi là Tập quả.
- b. Dị thực quả, còn gọi là Báo quả.
- c. Ly hệ quả, còn gọi là Giải thoát quả.
- d. Sĩ phu quả, còn gọi là Công dụng quả.
- e. Tăng thượng quả.

Trong đó, Ly hệ quả thuộc về quả vô vi, bốn quả còn lại đều thuộc về hữu vi.

³⁴ **Lục độ**: sáu hạnh rốt ráo mà Bồ-tát Đại thừa cần phải thực hiện để đạt đến Phật quả. Sáu hạnh là:

1. Bố thí Ba-la-mật (Thí Ba-la-mật, Đàn-na Ba-la-mật, bố thí độ vô cực): nghĩa là bố thí một cách rốt ráo viên mãn, gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Hạnh này dùng để đối trị với tham lam bôn xén, tiêu trừ được bần cùng.
2. Trì giới Ba-la-mật (Giới Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, giới độ vô cực): giữ gìn giới luật một cách trọn vẹn để đối trị với nghiệp ác, khiến cho thân tâm được an lạc.
3. Nhẫn nhục ba-la-mật (Nhẫn Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật, nhẫn nhục độ vô cực): nhẫn nhục mà không trụ tướng để đối trị với sân hận, khiến cho tâm được an trụ.

ngiệp Bồ-tát; chân thật, từ bi, bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh thì hóa sinh nơi cõi Tịnh, đài hương cây báu; tâm cấu uế thì thọ thân nơi thế giới như xấu, gò nổi, hầm hố. Đó đều là quả báo ngang nhau, vì hay đồng cảm nên nhân duyên tăng trưởng mãi. Vì vậy, rời tự tâm, không có thể tánh nào khác. Kinh *Duy-ma* nói: “*Muốn được Tịnh độ, chỉ cần thanh tịnh tâm mình*”. Thế nên biết, tất cả đều trở về tâm, muôn pháp đều do nơi mình. Muốn thành tựu quả thanh tịnh, chỉ cần thực hành nhân thanh tịnh.

4. Tinh tấn Ba-la-mật (Tấn ba-la-mật, Tì-lê-da Ba-la-mật, tinh tấn độ vô cực): tự khuyến thân tâm thực hành không gián đoạn năm Ba-la-mật kia, để đối trị với lười biếng, làm tăng trưởng pháp lành.

5. Thiền định Ba-la-mật (Thiền Ba-la-mật, Thiền-na Ba-la-mật, thiền độ vô cực): thiền định thù thắng nhất. Bồ-tát tu thiền định này có thể đến cảnh giới cứu cánh.

6. Trí huệ Ba-la-mật (Huệ Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, minh độ vô cực): trí huệ vô phân biệt. Nương vào trí huệ này có thể thành tựu năm Ba-la-mật kia.

Nếu phối hợp sáu Ba-la-mật này với tam học là giới, định, huệ, thì thí, giới, nhẫn thuộc về Tăng thượng giới học, thiền Ba-la-mật về Tăng thượng tâm học, Bát-nhã Ba-la-mật thuộc về Tăng thượng huệ học, còn tinh tấn Ba-la-mật thì thông cả tam học.

Tổng pháp tướng lại chia trí huệ Ba-la-mật thành bốn loại: phương tiện, nguyện, lực, trí cùng với sáu Ba-la-mật thành mười Ba-la-mật cũng là thắng hạnh của Bồ-tát.

Hơn nữa, hạng Xiển-đề³⁵ do tà kiến sâu dày nên nhất định phải rơi vào Địa ngục ngàn kiếp; vì chê bai bài bác rằng không có nhân quả, đó chính là quyến thuộc của ma. Nếu quán xét sự báo ứng giống như hình với bóng, tin có nhân quả rõ ràng, thì mới thấy thật là đáng kinh sợ!

Như thế, thật đáng gọi là:

Khổ qua đắng tới gốc

Dưa ngọt, ngọt tận rễ.

9. Đọc tụng kinh điển Đại thừa

Đã có lòng hâm mộ cõi Tây Phương, thì phải nên tìm cầu nghĩa lý rốt ráo để tu hành. Tuy trong chỗ tối tăm có báu vật, nhưng nếu không có đèn soi rọi cuộc cũng không thể tìm thấy được. Gương xưa chôn vùi trong cát bụi, nếu chẳng chùi lau thì làm sao ánh sáng hiển bày. Thế nên, cần phải điều phục ba nghiệp, cứu xét một tâm; chân thật tôn kính văn kinh,

³⁵ **Xiển-đề**: chỉ cho những chúng sinh ưa thích sinh tử, không mong cầu xuất ly. Cho nên, các kinh chú *Lãng-già*... phần nhiều cho rằng Xiển-đề rớt cuộc không thể thành Phật. Xiển-đề thành Phật là thuyết của kinh *Đại Bát Niết-bàn*. Tư tưởng căn bản của kinh này là chủ trương tánh Phật thường trụ và hết thảy đều có, do đó cho rằng Nhất Xiển-đề cũng có tánh Phật, cho dù có dứt mất căn lành thì tánh Phật vẫn thường trụ không thay đổi, cuối cùng cũng có thể thành Phật.

nghiền ngẫm ý nghĩa huyền diệu của bậc Thánh; vào sâu cội nguồn giáo pháp, thấu rõ cơ dụng của chư Phật. Đường nghĩa lý đã thông suốt, thì tự nhiên thấy rõ hoa tâm. Đâu chẳng nghe nói: “*Dây leo nương nơi từng bách mà bò lên cao ngàn trượng, nương nhờ nhân thù thắng mới có được lợi ích rộng lớn*”. Như cây quế mọc ở non cao, nhờ mây sương mới được trở hoa tươi thắm; sen mọc trên sóng biếc, bụi bay chẳng thể ô nhiễm lá xanh. Tuy tính chất của sen tự thanh khiết, quế vốn kiên trinh, nhưng bởi vì nương tựa chỗ cao thì vật nhỏ không thể làm lụy, nương dựa vào nơi thanh tịnh thì vật uest trước chẳng thể làm nhiễm ô. Cây cối vô tri còn nhờ chỗ tốt mà trở thành tốt đẹp vẹn toàn như thế, thì con người có tâm thức, đâu thể không nhân nơi tâm mình mà chứng ngộ tâm Phật. Há chẳng nghe Đại sư Trí Giả tụng *Pháp Hoa* thấy Linh Sơn chưa tan pháp hội. Thiền sư Khuê Phong đọc *Viên Giác* bỗng nhiên tâm địa khai thông. Phổ Am khế hội ý chỉ kinh *Hoa Nghiêm*, đạt đến cội gốc quên hết tình chấp. Lục Tổ nhân câu kinh: “*Nên không trụ vào đâu*” (ưng vô sở trụ), mà tỏ ngộ tông chỉ *Bát-nhã*. Xét thấy các bậc Cao đức thuở xưa còn tuân theo như vậy, lẽ nào người đời nay lại không lấy đó để học tập?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Qua sông phải dùng thuyền
Đến bờ thuyền bỏ lại.*

10. Khuyên bảo mọi người tiến tu

Từ bi rộng lớn là môn học Phật đầu tiên, là con đường chính của Bồ-tát. Khuyên bảo tiến tu là hạnh chủ yếu làm lợi ích mọi người, là nhân thù thắng của Tịnh nghiệp.

Các bậc Hiền trong Liên Xã thời Tấn, đều nguyện sinh về An Dưỡng. Hải chúng khắp mười phương, đều ưa thích ra khỏi Ta-bà. Than ôi! Sinh tử khó thoát ra, vô thường thật mau chóng. Như thế, có thể không noi theo các bậc Hiền triết, vui thích thực hành và dẫn dắt lớp người đi sau chăng?

Khuyên một người, hai người, cho đến nhiều người, đó là sự bố thí pháp trong nhà Phật. Niệm một đức Phật, hai đức Phật, cho đến muôn đức Phật, nhằm để tiến đến đạo diệu huyền Cực Lạc. Định khóa mỗi ngày niệm ngàn câu Phật, tích lũy từ tháng đến năm thì có ba mươi sáu vạn câu Phật. Tích lũy không lười biếng, thì cũng gần với địa vị Phật. Mỗi ngày làm một việc thiện nhỏ, tích lũy từ tháng đến năm thì có ba trăm sáu mươi việc lành. Siêng năng tích lũy, thì

cũng gần với bậc quân tử.

Là kẻ ngu, là tiểu nhân mà không biết sám hối ắt đồng với cầm thú, bởi vì họ không học, cũng không có người khuyên bảo. Kinh nói: “*Nếu người đem bảy loại báu khắp bốn thiên hạ để cúng dường Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn được phước rất nhiều, nhưng chẳng bằng khuyên người niệm Phật một câu, phước đức này còn hơn phước đức của người kia*”. Đó là lời khuyên bảo của đức Thế Tôn. Luận ngữ nói: “*Mình muốn thành lập nên giúp người thành lập; mình muốn thành đạt nên giúp người thành đạt*”. Đó là lời khuyên bảo của Khổng Tử³⁶.

³⁶ **Khổng Tử**: tên là Khâu, tự Trọng Ni 仲尼, sinh ngày 27 tháng 8 năm 551 trước Công nguyên, vào thời Xuân Thu trong lịch sử Trung Quốc, tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ (nay là huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc). Nhiều sử sách ghi rằng ông sinh trong một gia cảnh nghèo, nhưng thực tế gia đình ông có ông tổ ba đời vốn thuộc dòng quý tộc sa sút từ nước Tống dời đến nước Lỗ. Cha của Khổng Khâu, Thúc Lương Ngột (cháu 13 đời của Vi Tử Diễn, anh của vua Trụ nhà Thương) là quan võ thuộc ấp Trâu, đến 70 tuổi mới lấy Nhan thị mà sinh ra ông. Năm lên ba, Khâu mồ côi cha, lớn lên, phải làm lụng vất vả để nuôi mẹ, nhưng rất ham học. Năm 19 tuổi, ông lấy vợ và làm một chức quan nhỏ coi kho. Năm 22 tuổi, ông mở lớp dạy học. Học trò gọi ông là *Khổng Phu Tử* 孔夫子, hay gọi gọn hơn là *Khổng Tử* 孔子. “Tử” ngoài ý nghĩa là “con” ra, còn có nghĩa là “thầy”. Do vậy *Khổng Tử* 孔子 là Thầy Khổng.

Thế nên, cần phải khuyến khích đồng bạn tu tập Tịnh hạnh. Hoặc tháng giêng, tháng năm, tháng chín cùng nhau họp mặt một lần; hoặc lấy thời gian nửa năm, một năm, ba năm làm một kỳ hạn để gặp nhau, trông sâu căn lành đều hồi hướng khắp tất cả chúng sinh. Thường vì bạn đạo giúp đỡ lẫn nhau, một người thối lui biếng nhác thì chung sức nắm tay dẫn dắt tiến lên. Một người bỏ tu tập theo phàm tục, thì bạn bè lần lượt quan tâm, giúp đỡ. Tuy không thể truyền bá giáo pháp lợi ích rộng khắp mọi loài, nhưng cũng có thể ôn cũ để biết mới. Đâu chẳng thấy cho người một đồng tiền, mà người còn gọi là nhận ân huệ; giúp người một lời có ích, lẽ nào họ lại không hay biết? Bồ thí tiền của chỉ cứu giúp nghèo khó trong một đời, bố thí thức ăn chỉ cứu giúp sinh mạng trong một ngày, nhưng bồ thí giáo pháp có thể khiến người ra khỏi thế gian, công đức này đâu thể so sánh được! Bồ thí tiền

Trong suốt gần 20 năm, từ năm 34 tuổi, Khổng Tử dẫn học trò đi khắp các nước trong vùng để truyền bá các tư tưởng và tìm người dùng các tư tưởng đó. Có nơi ông được trọng dụng nhưng cũng có nơi ông bị coi thường. Năm 51 tuổi, ông quay lại nước Lỗ và được giao coi thành Trung Đô, năm sau được thăng chức Đại tư khấu (coi việc hình pháp), kiêm quyền tể tướng. Sau ba tháng, nước Lỗ trở nên thịnh trị. Nhưng rồi bị ly gián, dèm pha, ông bèn từ chức và lại ra đi một lần nữa.

Năm 68 tuổi, Khổng Tử trở về nước Lỗ, tiếp tục dạy học và bắt tay vào soạn sách. Trong những năm cuối cùng này, ông đã soạn ra bộ *Ngũ Kinh*. Ông mất tháng 4 năm 479 TCN, thọ 73 tuổi.

Thích Minh Thành *dịch*

của như ngọn đèn chỉ soi sáng một căn nhà, bố thí pháp như mặt trời soi khắp cả đại thiên thế giới. Lỗi tiếm giáo pháp không khuyên người tu tập, thì nhiều kiếp chìm trong Địa ngục tối tăm. Suy xét nơi tâm mình mà thực hành hóa đạo, thì ngay hiện đời tức là A-di-đà.

Dám mong mọi người vận dụng lòng từ của mình mà khuyến khích lẫn nhau, dùng bi nguyện kết duyên thanh tịnh, cứu vớt những kẻ đắm chìm trong vòng sinh tử. Đây là lối tắt thoát khỏi nẻo luân hồi, cùng nhau lên Tịnh độ, để mong báo đáp ân đức Phật.

Như thế, đáng gọi là: *“Người chưa hóa độ, nay được độ”*.

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN HAI

Thiên thứ hai

CHÁNH GIÁO NIỆM PHẬT

Pháp giới vốn không có chúng sinh, thấy có chúng sinh là do có vọng kiến (*cái nhìn phân biệt, chấp trước*). Như Lai vốn không lời dạy, có lời dạy là vì muốn độ thoát loài hữu tình. Vọng kiến là bệnh của chúng sinh, lời dạy là thuốc của chúng sinh. Lấy thuốc trị bệnh thì bệnh đều được lành, lấy lời nói để thức tỉnh sự mê vọng thì mê vọng đều trở thành giác ngộ. Tất cả đều ở trong sinh hoạt hàng ngày của phàm phu mà họ chẳng hay biết, nên đạo của Như Lai hiếm người nhận được. Do đó, bậc Đại Giác Năng Nhân thương xót mọi loài

chưa tỏ ngộ, nên phát khởi lòng từ bi rộng lớn chỉ dạy khuôn phép khéo léo. Thời *Hoa Nghiêm* khai thị một cách viên đốn, hàng Thanh văn còn như kẻ điếc, người mù; thời *A-hàm* thì phương tiện tùy thuận căn cơ, nên Bồ-tát chưa được lợi ích; thời *Phương Đẳng* thì tán thán Đại thừa; thời *Bát-nhã* lại quét sạch không còn; đến thời *Niết-bàn* thì mọi đường khác nhau cùng trở về một lối, và thời *Pháp Hoa* thì đều thọ ký cho tất cả. Thế nên, bao nhiêu kinh điển đều khen ngợi Tây Phương, bởi lẽ Phật A-di-đà có nguyện rộng lớn, duyên sâu dày. Giáo pháp tôn quý, nghĩa lý đầy đủ nên được như thế. Giáo thì chỉ cho cõi Phật, là chỗ trở về. Ao hoa, đất báu trang nghiêm thắng diệu, khiến người ưa thích cõi ấy mà chán nản thế giới này. Lý thì chỉ rõ Di-đà là tánh thật của chính mình, mỗi niệm tròn sáng, tâm tâm đều là thật tướng, như biển cả dung nạp trăm dòng. Hạnh thì mở ra mười sáu pháp quán³⁷, thu nhiếp tâm nơi cảnh mẫu

³⁷ **Mười sáu pháp quán:** 16 pháp quán ghi trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* giúp cho hành giả niệm Phật được vãng sinh Tây Phương, đó là:

1. Nhật tưởng quán: ngồi xoay mặt về hướng Tây, quán kỹ mặt trời sắp lặn, hình dáng như cái trống treo, tâm an trụ vững chắc, chuyên tưởng không dời. Đã thấy mặt trời rồi thì mở mắt, nhắm mắt đều thấy rõ ràng.
2. Thủy tưởng quán: ban đầu thấy Tây Phương đều là nước, lại khởi tưởng là băng, thấy băng trong suốt, tưởng như lưu ly.

3. Địa quán tướng: quán tướng phía dưới có kim tràng 7 báu, nâng mặt đất lưu ly, trên đất lưu ly có dây vàng ròng đan khít nhau, mỗi thứ báu đều có 500 tia sáng nhiều màu sắc.
4. Bảo thụ quán: quán cõi nước Cực Lạc có 7 lớp hàng cây, hoa lá bảy báu đều đầy đủ, mỗi hoa mỗi lá đều có 7 báu khác nhau, phía trên các cây có giăng 7 lớp lưới.
5. Bảo trì quán: quán tướng cõi nước Cực Lạc có ao nước tám công đức, trong mỗi ao nước có 60 ức hoa sen bảy báu, nước ma-ni trôi chảy trong ấy diễn nói diệu pháp, lại có chim màu sắc trăm báu, thường khen ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
6. Bảo lâu quán: quán lầu gác báu. Thực hành quán tướng này thì tức khắc thành tựu 5 pháp quán ở trên, nên còn gọi là tổng quán. Tổng quán tướng, tổng tướng quán. Quán tướng trên mỗi mỗi cõi có 500 lầu báu, trong lầu báu có vô lượng chư thiên đang thổi kị nhạc.
7. Hoa tọa quán: quán tòa sen mà Phật và hai vị Bồ-tát ngồi.
8. Tượng quán: quán tướng tượng Phật sắc vàng Diêm-phù-đàn ngồi trên hoa sen, lại quán tướng hai Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên, cả ba vị đều phóng kim quan.
9. Chân thân quán: quán tướng chân thân Phật Vô Lượng Thọ. Thực hành pháp quán tướng này sẽ thấy được tất cả các chư Phật.
10. Quán Âm quán: tức quán tướng Bồ-tát Quán Thế Âm đang đứng hầu Phật A-di-đà.
11. Thế Chí quán: tức quán tướng Bồ-tát Đại Thế Chí đang đứng hầu Phật A-di-đà.
12. Phổ quán: quán tự thân về thế giới Cực Lạc, ngồi kiết già trong hoa sen. Khi hoa sen nở có 500 tia sáng màu sắc đến chiếu khắp thân, cho đến Phật, Bồ-tát đầy khắp hư không.
13. Tọa tướng quán: quán tướng thân Phật cao tượng sáu đứng trên ao sen hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, tức tọa quán chân Phật, hóa Phật thân lớn, thân nhỏ.
14. Thượng bối quán: người vãng sinh Tịnh độ tùy theo nhân tu mà có ba bậc vãng sinh thượng, trung, hạ; ba bậc này lại chia làm ba phẩm thượng, trung, hạ, cộng chung thành chín phẩm. Thượng bối quán là

nhệm, thấu rõ tánh tướng đều rỗng không, như gương sáng thấy rõ mặt mình. Quả thì chín phẩm hóa sinh theo thứ bậc, thu nhiếp cả căn cơ lợi鈍, đồng lên bậc Bất thối, tiến đến đạo giác ngộ tột cùng.

Thế nên, chúng sinh trong chín pháp giới³⁸, dùng tâm thấu rõ đạo lý không có được gì cả để tu hạnh vi

quán bậc chúng bậc thượng, tự phát tam tâm, tu từ tâm, không sát sinh... lâm chung được Thánh chúng đón rước, sau khi vãng sinh được các tướng lợi ích thù thắng.

15. Trung bối quán: tức quán đồ chúng bậc trung, thọ trì ngũ giới, bát giới, tu hạnh hiếu dưỡng cha mẹ... và cảm được tướng Thánh chúng đón rước vãng sinh.

16. Hạ bối quán: tức quán đồ chúng bậc hạ, tuy tạo tác ác nghiệp nhưng khi sắp lâm chung, nhờ gặp được thiện tri thức chỉ dạy, nên biết niệm danh hiệu A-di-đà, nhân đó được vãng sinh, được các tướng lợi ích thù thắng.

Theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, phần đầu, ngài Huệ Viễn chia 16 pháp quán này thành hai loại, 7 môn trước là quán y báo, 9 môn sau là quán chánh báo. Trong 10 pháp quán sau thì 5 môn trước nói về quán Phật, Bồ-tát, môn thứ 6 nói về tự vãng sinh quán, môn thứ 7 nói về quán Phật, Bồ-tát; 3 môn cuối nói về vãng sinh quán. *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, hạ của ngài Trí Khải chia 16 quán thành 3 loại: 6 pháp quán đầu là quán y quả, 7 quán kế là quán chánh báo, 3 pháp quán cuối nói về việc vãng sinh cửu phẩm của ba hạng chúng sinh. Các vị như Huệ Viễn... đều cho rằng 16 pháp quán này là pháp quán Định Thiện, ngài Thiện Đạo thì cho rằng chỉ có 13 pháp quán trước là Định Thiện, 3 pháp quán sau là Tấn Thiện. Trong Định Thiện thì 7 pháp quán trước là y báo quán, 6 pháp kế là chánh báo quán.

³⁸ **Chín pháp giới**: chín cõi của loài hữu tình cư trú.

diệu Tịnh độ. Việc ấy chẳng phải là điều nên làm hay sao? Hoài bão xuất thế của Như Lai ở trọn nơi đây. Những lời nói nghiêng về tán dương Tịnh độ đích thực có ý chỉ.

Pháp môn này thật là cửa chính yếu của trăm ngàn Tam-muội, là con đường thẳng đạt đến cảnh giới chân thật. Luận về sự nghi thì sám hối sáu căn

-
1. Dục giới ngũ địa: còn gọi là ngũ thú tạp cư địa (hoặc tạp trụ địa), cõi của năm loài hữu tình ở chung lẫn nhau: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Người, Trời.
 2. Ly sinh hỷ lạc địa: thuộc trời sơ thiên của cõi Sắc. Sự hỷ lạc có được do lìa các pháp dục, ác ở cõi Dục.
 3. Định sinh hỷ lạc địa: thuộc trời đệ nhị thiên của cõi Sắc. Cảnh giới do định mà phát sinh hỷ lạc thù thắng.
 4. Ly hỷ diệu lạc địa: thuộc trời đệ tam thiên của cõi Sắc. Cảnh giới an lạc thù thắng vì diệu do lìa trạng thái hỷ thô trọng ở nhị thiên của cõi Sắc mà được diệu lạc ở tam thiên.
 5. Xả niệm thanh tịnh địa: thuộc trời đệ tứ thiên của cõi Sắc. Cảnh giới thanh tịnh do lìa bỏ trạng thái hỷ lạc của các địa trên.
 6. Không vô biên xứ địa: thuộc tầng trời thứ nhất của cõi Vô sắc. Cảnh giới chứng đắc tính hư không vô biên tự tại, do lìa tính vật chất của cõi sắc.
 7. Thức vô biên xứ: thuộc tầng trời thứ hai của cõi Vô sắc, cảnh giới mà thức đạt được rộng rãi không ngần mé.
 8. Vô sở hữu xứ địa: thuộc tầng trời thứ ba của cõi Vô sắc. Cảnh giới tư tưởng dứt bật do lìa tính động của không vô biên xứ địa và thức vô biên xứ địa.
 9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa: thuộc tầng trời thứ tư (tức trời hữu đánh) của cõi Vô sắc. Cảnh giới vắng lặng do lìa tướng và vô tướng, lìa cả chấp có lẫn không.

sạch trong ba nghiệp; cứu xét tông chỉ thì vạn pháp rỗng không, thấu rõ nhất tâm. Đó gọi là chiếc thuyền kiên cố vượt qua biển khổ, là thuốc hay cứu chữa bệnh cấp bách. Người tin đạo này thì khai mở tâm sáng suốt vốn sẵn có, thoát khỏi nỗi khổ trong cõi đời Ngũ trước, đạt được Tịnh độ chân thật, tỏ ngộ bản tánh Di-đà. Giống như trăng sáng giữa trời không, ví tựa hoa sen ra khỏi nước, cho nên giáo pháp này được gọi tên là Liên tông.

Dương Vô Vi nói: *“Liên là ra khỏi bùn lầy mà chẳng bỏ thế giới chúng sinh. Hoa sen ở trong hư không vô nhiễm hiển lộ thể tánh thanh tịnh. Hoa có hạt, chẳng phải là cảnh giới ma. Hoa, hạt đồng thời, nhân quả như một. Hoa nở hạt sen hiện là bày tỏ quyền biến và chân thật. Hoa rụng, hiển lộ hạt sen là phế bỏ quyền biến lập chân thật. Một hạt sen sinh ra vô lượng hoa là dựng lập tất cả pháp. Mười phương đồng một hoa tạng là biểu thị cảnh Phật không khác biệt. Ý nghĩa của giáo pháp Liên tông đâu chẳng phải như thế sao?”*.

Thế nên, vận dụng lòng từ bi, dạo chơi nơi cõi Thường Tịch Quang³⁹; giới hạnh trong sáng thấu suốt

³⁹ **Thường Tịch Quang**: Tịnh độ mà pháp thân của chư Phật, Như Lai an trú; một trong bốn độ do tông Thiên Thai chủ trương. Thế giới mà

giáo nghĩa rộng lớn sâu xa, bơi lội trong bể cả giải thoát. Do đó, được Thiên Long hộ trì, vua quan tôn kính. Xưa nay, sự giáo hóa này chẳng suy vi, sĩ dân đồng ngưỡng mộ đạo phong. Nếu chẳng phải do sức mạnh của tâm từ bi rộng lớn, thương xót an ủi chúng sinh tu tập trong thời mạt pháp, thì ai có thể làm được như thế? Vì vậy, Bồ-tát Long Thọ dùng luận để chứng minh; các bậc Hiền ở Liên Xã thời Đông Tấn cùng nhau tu hành; ngài Thiên Thai phân định giáo pháp và giải thích; ngài Từ Ân soạn *Thông Tán*, ngài

Phật an trụ thuộc về chân như bản tánh, không có sự sinh diệt biến hóa (Thường) và sự nhiễu loạn của phiền não (Tịch), đồng thời có ánh sáng trí huệ (Quang) nên gọi là Thường Tịch Quang độ. Quốc độ này là cõi nước tối cực bí tạng do Phật tự chứng, lấy pháp thân, giải thoát, Bát-nhã làm Thể, đầy đủ 4 đức thường, lạc, ngã, tịnh.

Kinh *Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp* (Đại 9, 392 hạ) ghi: “*Phật Thích-ca Mâu-ni được gọi là Tỳ-lô giá-na biến nhất thiết xứ, trụ xứ của đức Phật này gọi là Thường Tịch Quang, Thường Ba-la-mật Sơ Nhiếp Thành Xứ, Ngũ ba-la-mật Sở An Lập Xứ, Tịnh Ba-la-mật Diệt Hữu Tướng Xứ, Lạc Ba-la-mật Bất Trụ Thân Tâm Tướng Xứ*”.

Quốc độ này có chia ra phần chứng và cứu cánh khác nhau, chia làm ba phẩm: thượng, trung, hạ. Theo thuyết của *Duy-ma Kinh lược Sớ 1* thì quốc độ mà pháp thân bậc Diệu giác an trụ là Thượng phẩm Tịch Quang độ, quốc độ mà bậc một đời nữa là bước lên địa vị Đẳng Giác an trụ là Trung phẩm Tịch Quang độ, còn quốc độ mà bậc sơ trụ trở lên của viên giáo an trụ là Hạ phẩm Tịch Quang độ. Vị tăng đời Bắc Tống là ngài Từ Minh Tri Lễ lại phối hợp Thất Báo độ và Tịch Quang độ với thi giác và bản giác, để xưng thuyết *Tịch Quang Hữu Tướng*, còn vị tăng đời Bắc Tống là ngài Tịnh Giác thì để xưng thuyết *Tịch Quang Vô Tướng*.

Từ Chiếu biên tập *sám nghi*; ngài Tông Đản làm số giải. Cao tăng, danh Nho phụng trì tôn kính như nhóm họp châu báu; cao Hiền, đạt sĩ tu tập, sử sách còn ghi.

Than ôi! Phật pháp dần suy, cách Thánh càng xa. Kẻ thờ Phật thì nhiều, người vì đạo lại ít, chỉ lấy việc cạnh tranh tiếng tăm, lợi dưỡng làm tài năng của mình, xem sự truyền bá chánh pháp là trò của trẻ con. Vì thế, khiến cho pháp môn suy tàn, cương lĩnh giáo pháp bị nghiêng đổ. Thật phải nhờ người Hiền đời sau khắc phục gánh vác đạo này. Mong khắp tất cả mọi người hãy quên thân vì pháp, suy xét lại chính mình để nương tựa theo bậc thầy sáng suốt.

Muốn đạt được Chân thừa, trước hết cần phải nghiên cứu giáo điển; tiếp thu giáo pháp mới có thể hiểu rõ nghĩa lý, hiểu rõ nghĩa lý sau đó mới tu hành. Hạnh nguyện không thiếu thì có thể chứng đắc đạo quả. Thế nên biết, khi tai nghe mắt thấy phải y theo bốn pháp để suy tư tu tập. Miệng tụng mà tâm trái ngược, dù hiểu biết ngàn chương nào có ích gì. Đó chính là: đối với tâm thì lấy giáo pháp để soi sáng, đối với Phật thì lấy việc xưng niệm để giữ gìn; đối với sai quấy thì lấy giới luật để ngăn ngừa; đối với tội lỗi thì lấy sám hối làm cho trong sạch. Đối với người tu đạo cần phải thực hành chân thật, việc làm nên

phù hợp với lễ nghi; gần thì mong lập thân vang danh, xa thì mong chuyển phàm thành Thánh. Phát huy đạo của Phật Tổ, ngoài chúng ta ra thì còn ai thực hiện điều đó?

Nắm chặt thanh gươm trí tuệ, chém nát mạng lưới ma quân; uống cam lồ chánh pháp, phá tan rừng rậm tà kiến. Tránh bạn ác như tránh hổ lang, thờ bạn lành như thờ cha mẹ. Cẩn thận giữ gìn ý chí, chớ nên thối thất đại tâm. Noi theo bậc Chánh Giác, chớ làm các việc trái với đạo; có lỗi cần phải mau sửa đổi, có điều hay chớ nên khoe khoang. Nếu làm được như vậy thì tự nhiên tai họa tiêu trừ, phước lành hội tụ, tuy hiện đang ở trần thế mà mọi người kính trọng, chư Thiên trợ giúp. Ngày sau ở nơi cõi Tịnh có thể thành tựu quả Thánh, đạt đến đại đạo. Lẽ nào lại ở nơi việc xem đoán số mạng trên hình tướng, hoặc nịnh hót để mong cầu vinh hiển thành đạt? Đâu cần nhìn xem hình dáng để xét đoán ngày lâm chung? Những điều đó chẳng phải sự thấy biết của người tu chân chính, chỉ là vọng tình của kẻ phàm tục.

Chớ theo kẻ khác để tìm cầu, chỉ nên y nơi bốn phận của mình. Gặp việc nhân từ chớ bỏ qua, thấy người hiền nên suy nghĩ làm sao để được bằng họ. Danh lợi không làm dao động tinh thần, sinh tử chẳng

thể làm nhọc nhằn lo lắng. Muốn công thành chí toại, phải từ chỗ gần mà đến nơi xa; nên xét kỹ quả để biết được nhân, tin có làm thì có quả báo.

Trí tuệ đủ để chiếu phá mê lầm, sáng suốt đủ để soi tỏ chỗ tối tăm. Lời nói thì có thể làm khuôn phép, việc làm thì có thể an vui. Đạo đức, nhân nghĩa đáng để noi theo, tiến thoái có thể đo lường; phân biệt giả dối thấu rõ chân thật, rõ chân như đá đẹp thử vàng, xua tối tăm soi sáng vạn vật, giống như ngọn đèn chân thật chiếu sáng thế gian. Nếu được như thế, đó là bậc Đại Đạo sư, là người bạn không cần đợi mời mới đến. Lấy ra Bảo tạng ở Long cung, bố thí rộng rãi cho mọi loài; mở toan quan ải của Tổ sư, đón tất cả mọi người đến học tập. Dẹp trừ bệnh tà, chỉ dẫn chúng sinh trở về nguồn cội nhiệm mầu, khiến cho gương mờ được lau chùi sáng lại, như áo nhơ nhờ giặt giũ mà được sạch trắng sạch. Tông phong chân thật chấn hưng trở lại, phước đức phổ cập thế giới đại thiên, mặt trời trí tuệ thêm sáng tỏ, ánh sáng chói chang muôn thuở. Như thế, thật đáng gọi là người con chân thật của đáng Pháp Vương, đáng gọi là bậc Đại tượng phu. Dem những điều ấy mà phụng sự giáo pháp cho đức Phật ở Tây Phương, nào có hổ thẹn gì?

*

Chương 1

ĐỨC PHẬT NÓI PHÁP NIỆM PHẬT CHO PHỤ VƯƠNG

Kinh Bảo Tích nói: “Phụ vương Tịnh Phạn
đảnh lễ dưới chân Phật, một lòng chấp
tay bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, làm sao tu hành để được đạo
của chư Phật?

Đức Phật đáp:

- Tất cả chúng sinh đều là Phật. Nay Phụ vương
nên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây Phương, thường
siêng năng tinh tấn thì sẽ được đạo của chư Phật.

Phụ vương hỏi:

- Bạch Thế Tôn, tại sao tất cả chúng sinh đều là
Phật?

Đức Phật đáp:

- Tất cả pháp không sinh, không dao động, không
lấy bỏ, không tướng mạo, không tự tánh. Phụ vương
nên ở trong pháp Phật ấy mà an trụ tâm mình, đừng
tin nơi người khác!

Khi ấy, vua Tịnh Phạn và bảy vạn người dòng họ Thích nghe nói về pháp này, ai nấy đều tin hiểu hoan hỷ, tổ ngộ Vô sinh nhẫn”.

Đức Phật mỉm cười nói bài kệ rằng:

*Dòng Thích trí quyết định
Thế nên trong Phật pháp
Tâm quyết tin an trụ
Sau khi mạng chung rồi
Được sinh cõi An Lạc
Gặp Phật A-di-đà
Vô úy thành Bồ-đề.*

*

Chương 2

THIỆN TÀI THAM VẤN 53 VỊ THIỆN TRI THỨC, BAN ĐẦU GẶP TỶ-KHEO ĐỨC VÂN NÓI VỀ MÔN NIỆM PHẬT

Phẩm *Nhập Pháp Giới* trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Tỷ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng:*

- *Thiện nam tử! Tôi được sức mạnh hiểu biết, quyết định tự tại, lòng tin thanh tịnh, ánh sáng trí tuệ tỏ rạng, quán xét khắp cả cảnh giới, rời tất cả chướng ngại, đầy đủ hạnh thanh tịnh, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật. Thường niệm tất cả chư Phật Như Lai, giữ gìn chánh pháp của tất cả chư Phật và thường thấy tất cả chư Phật, tùy theo nơi các thứ tâm ưa thích của chúng sinh, thị hiện đủ mọi môn thành tựu Chánh Giác. Ở trong đại chúng, gầm lên tiếng Sư tử.*

- *Thiện nam tử! Tôi chỉ được pháp môn: “Nghĩ nhớ tất cả cảnh giới chư Phật. Trí tuệ sáng suốt thấy khắp cả” này. Gọi là môn niệm Phật trí sáng soi khắp, môn niệm Phật khiến cho tất cả chúng sinh niệm Phật, môn niệm Phật khiến cho an trụ lực, môn niệm Phật khiến cho an trụ pháp, môn niệm Phật chiếu soi các phương, môn niệm Phật vào chỗ không thể thấy, môn niệm Phật trụ nơi các kiếp, môn niệm Phật an trụ trong tất cả thời, môn niệm Phật an trụ trong tất cả cõi, môn an trụ tất cả đời niệm Phật, môn an trụ tất cả cảnh niệm Phật, môn an trụ nơi lặn lẽ niệm Phật, môn an trụ nơi xa lìa niệm Phật, môn an trụ nơi rộng lớn niệm Phật, môn an trụ vi tế niệm Phật, môn niệm Phật an trụ trang nghiêm, môn an trụ nơi làm được mọi việc niệm Phật, môn an trụ nơi tâm tự tại niệm Phật, môn an trụ nơi làm việc của chính mình niệm*

*Phật, môn an trụ nơi thân thông biến hóa niệm Phật,
môn an trụ nơi hư không niệm Phật”.*

*

Chương 3
BỒ-TÁT TRÍ THỦ NÓI VỀ NIỆM PHẬT

Kinh Hoa Nghiêm nói:
Trong tất cả oai nghi
Thường niệm công đức Phật
Ngày đêm không tạm ngừng
Việc như thế nên làm.

*

Chương 4

ĐẠI SĨ LONG THỌ KHUYÊN NIỆM PHẬT

Luận Đại Trí Độ⁴⁰ nói: “Đức Phật là bậc Pháp vương Vô thượng, chư đại Bồ-tát là đại thần trong chánh pháp. Các vị đại thần trong chánh pháp chỉ tôn trọng bậc Pháp Vương, do đó Bồ-tát phải nên niệm Phật”. Lại bảo rằng: “Có các vị Bồ-tát, tự nghĩ nhớ về thuở xưa, phỉ báng pháp Bát-nhã, đọa vào đường ác. Dù trải qua vô lượng kiếp

⁴⁰ **Luận Đại Trí Độ**: gồm 100 quyển, do Bồ-tát Long Thọ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, thu vào Đại chánh tạng tập 25, cũng gọi *Đại Trí Độ Kinh Luận*, *Ma-ha Bát-nhã Thích Luận*, *Đại Trí Thích Luận*, *Thích Luận*, *Trí Độ Luận*, *Trí Luận*, *Đại Luận*.

Nội dung luận này là giải thích kinh *Đại Phẩm Bát-nhã*. Đại Trí Độ là dịch ý của từ Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật (trí tuệ lớn vượt qua đến bờ bên kia).

Tương truyền, nguyên văn của bộ luận này có hơn mười vạn bài tụng. Như vậy, bản 100 quyển hiện nay là ngài Cưu-ma-la-thập đã dịch rút gọn lại, nếu dịch toàn bộ thì số quyển sẽ tới hơn 1000. Bài tựa đầu sách là do sư Tăng Tuệ soạn. Luận này viện dẫn rất nhiều kinh điển, là bộ luận rất quan trọng để lý giải Phật giáo Đại thừa.

Luận này giảng giải rõ ràng về học thuyết, tư tưởng, dụng lệ, truyền thuyết, lịch sử, địa lý, quy định thực tiễn và tăng già. Những kinh luận được dẫn dụng bao gồm Thánh điển nguyên thủy, các bộ luận của Phật giáo bộ phái và các kinh điển của Phật giáo Đại thừa của thời kỳ đầu, như: *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*... Luận cũng đề cập đến học phái Thắng luận và các hệ tư tưởng khác của Ấn Độ thời bấy giờ, có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư của Phật giáo thời bấy giờ.

tu các hạnh lành khác, nhưng chưa được thoát khỏi. Về sau, gặp thiện tri thức chỉ dạy thực hành Niệm Phật Tam-muội, liền diệt trừ tội chướng, mới được giải thoát”.

Bài kệ còn nói:

*Nếu người nguyện thành Phật
Tâm niệm A-di-đà
Tức thời Ngài hiện thân
Nên con quy mạng lễ.*

*

Chương 5

GÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT CÓ BẢY ĐIỀU THÙ THẮNG

Trong *Cam Lộ Sớ* nói:

1. Từ ngữ ít nên dễ thực hành: vì chỉ xưng một câu A-di-đà Phật nên tất cả mọi người đều có thể niệm.

2. Niệm duyên theo cảnh Phật: vì nhất tâm niệm duyên nơi tướng hảo của thân Phật, lấy cõi thanh tịnh làm cảnh giới.

3. *Lìa tai nạn được an vui: vì được chư Phật và Bồ-tát gia hộ nên người niệm Phật không có các hoạn nạn, vui vẻ tốt lành.*

4. *Xưng danh diệt tội: vì niệm Phật một tiếng, diệt trừ được tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp.*

5. *Trì niệm được phước: vì xưng một câu Phật hiệu được phước hơn đem bảy loại báu trong tứ thiên hạ cúng dường Phật và La-hán.*

6. *Quả báo cảm được thấy Phật: vì chúng sinh niệm Phật, nên nhất định thấy Phật.*

7. *Đích thân Phật đón rước vãng sinh: Hóa Phật và Bồ-tát phóng quang tiếp đón hành giả vãng sinh cõi Phật.*

*

Chương 6

PHÁP MÔN TU TRÌ

Cảnh giới vô vi vượt khỏi ngữ ngôn, sắc tâm hữu lậu phải nhờ tu chứng. Chân như gồm đủ mọi đức, vì lập phương tiện

nên có nhiều môn. Trên từ lìa tướng bình đẳng, dưới đến xưng danh mười niệm. Nói chung, chẳng rời ba thừa⁴¹, vãng sinh thâm hợp chín phẩm; hữu niệm rốt cuộc trở về vô niệm, có sinh tiến thẳng đến chỗ không sinh. Thật đáng gọi là:

Một câu A-di-đà

Muôn cơ đều thích ứng.

*

Chương 7

PHÁP MÔN VÔ TRỤ LÌA TƯỚNG NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Tông chủ Từ Chiếu nói: “*Lìa Tướng Niệm Phật Tam-muội là người trí căn cơ bậc thượng*”. Tổ ngộ lý thâm sâu này, thường

⁴¹ **Ba thừa:** 1. Thanh Văn thừa; 2. Duyên Giác thừa; 3. Bồ Tát thừa. Ba xe du cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt qua sinh tử đến bờ Niết-bàn. Ba thừa là y cứ vào căn cơ chúng sinh có độn căn, trung căn và lợi căn khác nhau nên đức Phật nói.

vận dụng tâm bình đẳng như hư không, không có tướng ngã nhân, chúng sinh, thọ giả. Kinh *Kim Cang* nói: “*Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật*”.

Luận rằng: “*Ngã là do chấp bên trong, nhân là do chấp bên ngoài, chúng sinh là do chấp vào sự hòa hợp của năm uẩn⁴² thuở trước, thọ giả là chấp vào thời gian của mạng sống về sau. Đã không có tâm chấp trong ngoài, trước sau, thì tất cả các tướng thấy đều rỗng lặng*”. Thế nên, kinh *Viên Giác* nói: “*Biết không có ngã nhân, thì ai chịu luân chuyển? Cũng không có thân tâm để nhận sự sinh tử*”. Đó gọi là *Lìa Tướng Niệm Phật Tam-muội*.

Như thế, thì thấy bản tánh của tất cả chúng sinh đều đồng với Phật Di-đà. Đã không chấp hai bên hữu tướng, vô tướng, cũng không chấp vào cái thấy có, không đoạn diệt và thường hằng, mỗi niệm A-di-đà xuất thế, nơi nơi Cực Lạc hiện bày. Niệm như thế là

⁴² Ngũ uẩn: năm nhóm tích tụ tất cả pháp hữu vi theo từng loại khác nhau. Một trong ba khoa (Uẩn, Xứ, Giới).

1. Sắc uẩn: nhóm gồm tất cả sắc pháp.
2. Thọ uẩn: các cảm thọ do khổ, vui, không khổ không vui... sinh ra.
3. Tưởng uẩn: các thứ tưởng do nhãn xúc sinh ra.
4. Hành uẩn: chỉ cho tất cả pháp hữu vi, ngoại trừ sắc, thọ, tưởng, thức, cũng tức là tác dụng của ý chí và tâm.
5. Thức uẩn: nhóm gồm các loại thức như thức mắt, thức tai v.v...

“niệm mà không có gì để niệm là niệm chân như; sinh mà không có gì để sinh thì sinh thật tướng”. Thế nên biết, không niệm tức là lìa niệm, thật tướng là vô tướng. Không tướng thì không trụ, vô trụ thì vào cảnh giới Phật. Đó chính là đạo giác ngộ rộng lớn chân chánh vô thượng.

Nếu đến chỗ đó thì không tu không chứng, không có sinh tử để thoát ra, không có Niết-bàn để mong cầu. Tánh tướng đều rỗng không, Thánh phàm bằng nhau. Không có Phật đạo để thành, không có chúng sinh để độ, không có tánh linh của chính mình để được. Một niệm vô vi, mười phương dứt bật; không một pháp sẵn có, không có một pháp mới thành. Đây và kia thâm nhiếp lẫn nhau, Sự Lý không ngăn ngại, mỗi hạt bụi đều đầy đủ, tất cả cõi nước hiện rành rõ. Pháp vốn như thế nghĩ bàn chẳng tới.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Các đức Phật mười phương
Cùng một đường Niết-bàn.*

*

Chương 8

PHÁP MÔN VÔ NIỆM QUÁN KHÔNG

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Lời tựa của Tổ sư Huệ Viễn nói về Quán không Niệm Phật Tam-muội: “*Tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ, tâm chí không tán loạn, thần khí rỗng rang sáng suốt thì không có chỗ sâu kín nào mà chẳng thấu kịp. Người vào định này hồn nhiên quên hiểu biết, phiền lụy trần lao nhanh chóng tiêu tan, tình chấp ngưng trệ tiêu dung sáng tỏ. Chẳng phải là bậc Đại đạo trong thiên hạ, ai có thể dự vào đó được?*”.

Đại sư Trí Giả dùng môn Quán Không mà dẹp sạch tất cả pháp. Thế nên nói: “*Một không thì tất cả không; không có giả, không có trung nào mà chẳng không*”.

Người vào pháp quán này là đạt đến Chân đế xác thật. Nay, muốn giúp người tu hành bỏ vọng về chân, nên gọi là từ pháp Quán Giả vào Quán Không. Bởi lẽ, pháp Quán Giả là lời thuyết minh giải thích để đi vào Quán Không. Trước phải quán xét tất cả

pháp là giả dối, cho đến bốn đại⁴³, năm uẩn, sáu căn⁴⁴, sáu trần⁴⁵, sáu thức⁴⁶, cùng tận thế giới trong mười phương, núi sông, quả đất đều không có một vật. Biết rõ toàn là giả dối, mà thế hội chỗ chân thật, thế nên gọi là pháp quán về Nhị đế⁴⁷.

Người tu pháp này trước cần phải nhiếp tâm ngồi yên lặng, tận tâm quét sạch tất cả cảnh giới giả dối không thật ở thế gian, hoàn toàn không dính mắc, chỉ quán xét ở nơi không. Vì thế, kinh *Bát-nhã* nói: “*Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không; không không cũng không thể được*”. Như thế, nhanh chóng vào biển không sáng suốt quý báu của Như Lai. Tánh giác chân không tức là Như Lai tạng. Tánh không tròn sáng, linh quang chiếu khắp vì là bản tánh

⁴³ **Bốn đại** (Caturmahādhātu): bốn yếu tố cơ bản hình thành nên thể chất (thân vật lý) của con người, bao gồm: 1. Chất khoáng (Pathavi-đất); 2. Chất lỏng (Āpo- nước); 3. Nhiệt độ (Tejo- sức nóng) và 4. Hơi khí (Vāyo- gió). Gọi chung về thân tứ đại là đất, nước, gió, lửa.

⁴⁴ **Sáu căn** (six sense organs): sáu căn (quan) năng mà theo Phật giáo, con người thông qua để nhận thức thế giới: 1. Nhãn căn (mắt); 2. Nhĩ căn (tai); 3. Tỷ căn (mũi); 4. Thiệt căn (lưỡi); 5. Thân căn (thân) và 6. Ý căn (ý) ý thức.

⁴⁵ **Sáu trần** (six sense objects): sáu trần: 1. Sắc; 2. Thanh; 3. Hương; 4. Vị; 5. Xúc và 6. Pháp.

⁴⁶ **Sáu thức** (six sense of consciousness): sáu thức: 1. Nhãn thức; 2. Nhĩ thức; 3. Tỷ thức; 4. Thiệt thức; 5. Thân thức và 6. Ý thức.

⁴⁷ **Nhị đế**: Tục đế (sự thật ước lệ) và Chân đế (sự thật rốt ráo).

Thích Minh Thành dịch

của pháp giới. Như ngọc Ma-ni tùy theo ý của người phát sinh ra những báu vật, như biển cả sông rộng thâm nhiếp chứa đựng tất cả. Trí tánh bình đẳng gọi là Tri kiến Phật.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Các hành vô thường, tất cả không
Là đại Viên giác của Như Lai.*

*

Chương 9

PHÁP MÔN CHUYÊN TƯỚNG NHẬT QUÁN NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đức Phật bảo bà Vi-đề-hy:

- Bà và chúng sinh nên chuyên tâm buộc niệm một chỗ, tưởng về Tây Phương. Nói về sự quán tưởng, tất cả chúng sinh nếu chẳng phải là người mù thì ai cũng có mắt nên đều thấy cảnh mặt trời lặn. Hãy khởi tưởng niệm, ngồi ngay thẳng hướng về phương Tây, nhìn kỹ mặt trời, khiến tâm trụ vững, chuyên tưởng không đổi dời. Lúc mặt trời sắp lặn,

hình dáng giống như cái trống treo lơ lửng. Đã thấy mặt trời rồi thì khi mở mắt, nhắm mắt đều khiến cho thấy rõ ràng. Đó là pháp quán tưởng về mặt trời, gọi pháp quán ban đầu”.

Hành giả vào pháp quán này, nên ở chỗ yên tĩnh, đoạn dứt mọi duyên bên ngoài, ngồi ngay thẳng thu nhiếp tâm, quán kỹ mặt trời hiện đang ở trước mắt, chú tâm vào một cảnh, lẳng lẳng tịch tĩnh như đối trước gương sáng tự thấy mặt mình. Nếu tâm rong chạy tán loạn thì chế ngự khiến nó trở về, tâm dừng trụ an định liền được Tam-muội.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Kim ô đáy biển, vàng nhật trên trời
Con người trong mắt người trước mặt.*

*

Chương 10

PHÁP MÔN CỨU CÁNH THAM THIỀN NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Tổ sư Huệ Viễn viết lời tựa về *Thiền Kinh*, nói rằng: “*Thiền nếu chẳng có trí thì không thể tận cùng chỗ lặng lẽ. Trí*

nếu chẳng có thiên thì không thể soi chiếu sâu xa. Thiên và trí là nói về soi sáng và lạng lẽ. Hai bên hỗ trợ lẫn nhau, soi sáng không lia lạng lẽ, lạng lẽ không lia soi sáng. Cảm ứng thì đều cùng một lối như nhau”.

Ngài Từ Chiếu nói: “Lạng lẽ mà thường soi sáng, soi sáng mà thường lạng lẽ. Thường lạng lẽ, thường soi sáng gọi là Thường Tịch Quang. Người niệm Phật muốn tham thiên thấy tánh, chỉ cần y vào pháp này. Phải ở nơi tịnh thất ngồi ngay thẳng, dẹp trừ các duyên phiền lụy, cắt đứt tình trần, mở mắt vừa phải, ngoài không vướng cảnh, trong không trụ định, soi sáng lại chính mình, trong ngoài đều lạng lẽ. Sau đó, âm thầm cất tiếng niệm Nam mô A-di-đà Phật năm ba tiếng, rồi soi sáng lại tự mình nghiền ngẫm: “Thấy tánh thì thành Phật, rốt cuộc cái gì là bản tánh Di-đà của ta?”. Lại soi chiếu xem: “Nay, cái phát lên một niệm này là từ đâu khởi? Phải xem xét cho thấu triệt một niệm này. Lại xem xét cho thấu triệt cái xem xét ấy là ai? Tham cứu giây lâu, lại cất niệm Nam mô A-di-đà Phật. Cứ xem xét như thế, tham cứu như thế, cấp thiết thực hành công phu, chớ để gián đoạn. Tỉnh sáng không mờ, như gà ấp trứng, không câu nệ hình thức, trong bốn oai nghi đều thực hành xem xét. Niệm như thế, nghiền ngẫm như thế, tham cứu như thế, một hôm bỗng ở nơi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nghe tiếng,

thấy sắc được khai thông tỏ ngộ, tận mắt thấy bản tánh Di-đà. Thân tâm trong ngoài nhất thời thấu suốt, trọn cả càn khôn quả đất là một cõi Tây Phương, vạn tượng sum la đều là chính mình, lặng lẽ mà không bỏ sót sự soi sáng, tuy hành động mà chẳng rời chỗ lặng lẽ. Sau đó, vận dụng lòng từ bi tiếp dẫn những người chửa ngộ. Bi trí viên dung, bước vào hạnh không ra công dụng sức, được sinh lên Thượng phẩm, gọi là cõi *Thật Báo Trang Nghiêm*, được *Nhất thiết chủng trí*”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Muôn thuở đầm xanh trắng giữa trời,
Ba lần mò bắt mới rõ hay.*

*

Chương 11

PHÁP MÔN ĐIỀU HÒA HƠI THỞ NHIẾP TÂM NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Phẩm *Hiền Hộ* trong kinh *Đại Tập* nói:
“Người cầu đạo giác ngộ tốt cùng nên tu
Niệm Phật Thiên Tam-muội”.

Kệ rằng:

*Nếu người chuyên niệm Phật Di-đà
Gọi là Thiền sâu mầu cao tột
Lúc chí tâm quán tưởng thấy Phật
Chính là pháp chẳng sinh chẳng diệt.*

Kinh Tọa Thiền Tam-muội nói: “Bồ-tát tọa thiền, không nghĩ nhớ chi cả, chỉ niệm một đức Phật liền được Tam-muội. Người mới tu tập, chưa tránh khỏi hai bệnh hôn trầm và tán loạn, cần phải nhờ sự đối trị”.

Nhân Thiên Bảo Giám nói: “Phàm tu thiền định nên vào tĩnh thất, ngồi ngay thẳng, đếm hơi thở ra vào, từ một tới mười, từ mười tới trăm, từ trăm tới ngàn muôn. Thân lặng yên, tâm này tịch tĩnh, đồng như hư không, chẳng nhọc ngăn chặn. Như thế, lâu dần hơi thở tự trụ, không ra không vào, thời biết hơi thở này từ trong lỗ chân lông, tám vạn bốn ngàn hơi nóng bốc lên, các căn bệnh từ xa xưa đến nay tự nhiên được khởi, mọi sự chướng ngại tự nhiên tiêu diệt, tự nhiên tỏ ngộ. Ví như người mù bỗng nhiên sáng mắt, khi ấy thấy suốt, không cần tìm người chỉ đường nữa”.

Nay, người tu pháp Niệm Phật Nhiếp Tâm này, muốn được nhanh chóng thành tựu Tam-muội, thì việc đếm hơi thở rất là thiết yếu để đối trị hôn trầm và tán loạn.

Phàm lúc muốn ngồi, trước nên tưởng thân mình

ở trong ánh sáng tròn đầy, thẩm quán nơi chót mũi, tưởng hơi thở ra vào. Mỗi một hơi thở niệm thẩm một câu A-di-đà Phật. Dùng phương tiện điều hòa hơi thở, không hưỡn không gấp, tâm và hơi thở nương nhau, theo sự ra vào của hơi thở. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể thực hành dừng để gián đoạn. Thường tự âm thầm hành trì cho đến vào sâu Thiền định. Hơi thở và câu niệm Phật cả hai đều quên thì thân tâm này đồng như hư không, lâu dần thuần thực, mất tâm tỏ sáng, Tam-muội bỗng nhiên hiện tiền, tức là Tịnh độ duy tâm.

*

Chương 12

PHÁP MÔN CHUYÊN NIỆM NHẤT TƯỚNG NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Kinh Đại Bát-nhã nói: “*Văn-thù-sư-lợi* bạch đức Phật rằng:

- *Bạch Thế Tôn, Bồ-tát tu hành pháp gì để mau chóng chứng đắc đạo giác ngộ tột cùng?*

Đức Phật đáp:

- Bồ-tát hay tu hành chân chánh về Nhất Tướng Trang Nghiêm Tam-muội thì mau chứng đắc giác ngộ. Người tu hạnh này nên rời chỗ huyên não, không nghĩ mọi hình tướng, chuyên tâm buộc niệm nơi một đức Như Lai. Nhớ kỹ danh hiệu, khéo tưởng dung nghi, đó tức là quán tưởng khắp tất cả chư Phật trong ba đời. Như thế, liền được tất cả trí tuệ của chư Phật”.

Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai nói: “Tất cả chư Phật thấy đều bình đẳng, chỉ vì chúng sinh căn cơ chậm lụt, tư tưởng vẫn đục tán loạn nhiều, nếu không chuyên tâm buộc niệm nơi một đức Phật thì tâm phân tán, khó thành tựu Tam-muội. Thế nên, chỉ dạy họ chuyên niệm Phật A-di-đà, đó tức là Nhất Tướng Tam-muội”.

Luận Bảo Vương nói: “Người tu trì Nhất Tướng Niệm Phật Tam-muội, khi đi, đứng, ngồi, nằm nên buộc niệm không quên. Dù cho ngủ nghỉ cũng buộc niệm, đến khi thức dậy thì tiếp tục thực hành, không để việc khác làm gián đoạn, không cho tham, sân làm ngăn cách, có lỗi lầm gì thì liền sám hối. Không có niệm gì gián cách, không có niệm nào khác, không cách ngày, không cách thời. Niệm niệm thường không rời Phật, niệm niệm thanh tịnh tròn sáng, đó là thành

tự Nhất Tướng Tam-muội”.

Như thế, thật đáng gọi là: “*Nếu rõ một, muôn việc đều xong*”.

*

Chương 13

PHÁP MÔN HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC SÁU THỜI NIỆM PHẬT

Tổ sư Huệ Viễn lập ra Liên Xã ở Đông Lâm để tăng tục cùng tu, bậc đại trí hiền đức có thể thâm nhập thiền quán, được Niệm Phật Tam-muội. Hàng trung lưu sáu thời tu lễ Tịnh độ, hồi hương nguyện sinh về Tây Phương. Đời Đường có lời thơ rằng:

*Viễn Công riêng khắc Liên Hoa lậu
Còn ở non sâu lễ sáu thời.*

Phàm người tu pháp này, trước ở nơi tịnh thất an trí tượng Phật, dùng hương hoa, đèn nến tùy phần cúng dường, gội rửa trần cấu, mặc áo sạch sẽ. Mỗi ngày, sáng trưa, chiều tối, đầu hôm, khuya, rạng

Thích Minh Thành dịch

sáng, tự mình đối trước Tam Bảo, thân thể trang nghiêm chấp tay lễ bái Tây Phương. Mỗi khi mắt thấy dáng vẻ từ bi thì xưng niệm Thánh hiệu Nam mô A-di-đà Phật một ngàn lần, lễ Phật 48 lạy, đọc văn phát nguyện hồi hướng Tây Phương. Mỗi ngày: sáng ba thời, tối ba thời, trong sáu thời hành đạo tinh chuyên không mỗi mệt, quyết chí tu trì, hạnh nguyện vững chắc, cho đến khi Tịnh nghiệp được thành tựu trọn vẹn, ngày sau ắt được Trung phẩm Trung sinh.

*

Chương 14

VĂN PHÁT NGUYỆN HỒI HƯỚNG TÂY PHƯƠNG CỦA ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ

(Phần bổ sung)

*Cúi lạy Tây Phương cõi An Lạc
Tiếp dẫn chúng sinh Đại Đạo sư
Nay con phát nguyện, nguyện vãng sinh
Nhờ đức từ bi thương nhiếp thọ!*

Nay con khắp vì, bốn ơn ba cõi, pháp giới chúng sinh, cầu đạo Bồ-đề, Nhất thừa của Phật; chuyên tâm

trì niệm, Hồng danh muôn đức, Phật A-di-đà, nguyện sinh Tịnh độ. Lại bởi chúng con, nghiệp nặng phước khinh, chướng sâu huệ nặng, nhiễm tâm dễ động, tịnh đức khó thành, nay đối Từ Tôn, kính gieo năm vóc, bày tỏ một lòng, chí thành sám hối. Con và chúng sinh, nhiều kiếp đến nay, mê bản tịnh tâm, buông tham sân si, nhiễm dơ ba nghiệp, vô lượng vô biên, tội cấu đã gây, vô lượng vô biên, nghiệp oan đã kết, nguyện đều tiêu diệt.

Nguyện từ hôm nay, lập thế nguyện sâu, xa lìa pháp ác, thề không còn tạo, siêng tu đạo Thánh, thề chẳng biếng lui, thề thành Chánh Giác, thề độ chúng sinh. Xin đức Từ Tôn, dùng nguyện từ bi, chứng biết lòng con, thương xót đến con, gia bị cho con. Nguyện khi thiền quán, hoặc lúc mộng mơ, được thấy thân vàng, A-di-đà Phật, được chơi cõi Tịnh, của đấng Đạo sư, được nhờ Từ Tôn, cam lộ rưới đầu, quang minh chiếu thể, tay xoa đánh con, áo đắp thân con, khiến cho chúng con, chướng cũ tự trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền não, chóng phá vô minh, viên giác tâm mâu, sáng bừng mở rộng. Tịch Quang cảnh thật, thường được hiện tiền. Đến lúc lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không tất cả, bệnh khổ ách nạn, tâm dứt tất cả, tham luyến mê hoặc, các căn vui đẹp, chánh niệm phân minh, xả báo an lành, như vào thiền

định. Phật A-di-đà, Quán Âm Thế Chí, cùng chư Hiền Thánh, ánh lành tiếp dẫn, tay báu dắt dìu, lầu các tràng phan, nhạc trời hương lạ. Tây Phương cảnh Phật, bày hiện rõ ràng, khiến cho chúng sinh, kẻ thấy người nghe, mừng vui khen cảm, phát Bồ-đề tâm. Bấy giờ thân con, ngồi đài kim cương, bay theo sau Phật, khoảng khảy ngón tay, sinh vào sen báu, nơi ao thất bảo, ở cõi Tây Phương. Rồi khi hoa nở, thấy Phật Bồ-tát, nghe tiếng pháp mầu, chứng Vô sinh nhẫn, giây phút lại đi, thừa sự chư Phật, nhờ ân thọ ký. Được thọ ký xong, ba thân⁴⁸ bốn trí⁴⁹, năm nhãn sáu

⁴⁸ **Ba thân:** chỉ cho Pháp thân, Báo thân và Ứng thân của chư Phật.

Thân nghĩa là tụ tập, tụ tập các pháp mà thành thân, vì thế sự tụ tập về lý pháp gọi là Pháp thân, sự tụ tập về trí pháp gọi là Báo thân, sự tụ tập của các pháp công đức gọi là Ứng thân. Hoặc gọi là Pháp thân Phật, Báo thân Phật, Ứng thân Phật; Pháp Phật, Báo Phật, Ứng Phật; Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp thân Phật, Báo Phật, Hóa Phật; Pháp Phật, Báo Phật, Ứng hóa Phật; Chân thân, Ứng thân, Báo thân; Tự tánh thân, Mãn tư dụng thân, Hóa thân; Tự tánh thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp tánh thân, Thọ dụng thân, Biến hóa thân; Tự tánh thân, Thọ dụng thân, Biến hóa thân; Tự tánh thân, Thực thân, Biến hóa thân; Pháp thân Phật, Thọ dụng thân Phật, Hóa thân Phật; Chánh pháp Phật, Tu thành Phật, Ứng hóa Phật; Phật sở kiến thân, Bồ-tát sở kiến thân, Nhị thừa phạm phu sở kiến thân.

⁴⁹ **Tứ trí:** gọi đủ: Tứ trí tâm phẩm.

Tứ trí của quả Phật, do tông Duy thức thành lập, tức chuyển biến các thức thứ 8, thứ 7, thứ 6 và 5 thức trước hữu lậu thành 4 thức trí vô lậu là Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí.

thông⁵⁰, vô lượng trăm ngàn, môn Đà-la-ni, tất cả công đức, thủy đều thành tựu. Từ đó về sau, không rời An Dưỡng, trở lại Ta-bà, phân thân vô số, khắp cả mười phương, dùng sức thần thông, tự tại khó nghĩ, và các phương tiện, độ thoát chúng sinh, đều khiến lìa nhiễm, chứng được tịnh tâm, đồng sinh Tây Phương, lên ngôi Bất thối.

Nguyện lớn như vậy, thế giới không tận, chúng sinh không tận, nghiệp và phiền não, thủy đều không tận, đại nguyện của con, cũng không cùng tận. Nay con lễ Phật, phát nguyện tu trì, xin đem công đức, hồi thí hữu tình, bốn ân⁵¹ khắp báo, ba cõi đều nhờ, pháp giới chúng sinh, đồng thành chủng trí.

Nay con khắp vì, bốn ân ba cõi, pháp giới chúng sinh, cầu đạo Bồ-đề, Nhất thừa của Phật. Chuyên tâm trì niệm, Hồng danh muôn đức, Phật A-di-đà, nguyện sinh Tịnh độ. Bởi vì chúng con, nghiệp nặng phước nhẹ, chướng sâu huệ cạn, tâm nhiễm dễ động,

⁵⁰ **Sáu thông:** sáu diệu dụng vô ngại tự tại của Phật, Bồ-tát do nương sức định huệ mà thị hiện. Đó là: Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông và Lậu tận trí chứng thông.

⁵¹ **Tứ ân:** bốn công ơn. Phật dạy các hàng đệ tử cần phải có bốn phận báo đáp bốn công ơn đó. Đó là ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn tổ quốc và ơn chúng sinh.

Tịnh đức khó thành. Nay đối Từ Tôn, kính gieo năm vóc, bày tỏ một lòng, chí thành sám hối. Con và chúng sinh, nhiều kiếp đến nay, mê mờ quên mất, bản tâm thanh tịnh, buông tham, sân, si, nhiễm dơ ba nghiệp, vô lượng vô biên, gây ra tội cấu, đã kết nghiệp oan, vô cùng vô tận. Nay nguyện tiêu diệt.

Nguyện từ hôm nay, lập thế nguyện sâu, xa lìa pháp ác, siêng tu đạo Thánh, thể chẳng biếng lui, thể thành Chánh Giác, thể độ chúng sinh. Xin đức Từ Tôn, dùng nguyện từ bi, chứng biết cho con, thương xót đến con, gia bị cho con. Nguyện khi thiền quán, hoặc lúc mộng mơ, được thấy thân vàng, A-di-đà Phật, dạo chơi cõi Tịnh, của đấng Đạo sư. Được nhờ Từ Tôn, cam lộ rưới đầu, quang minh chiếu thể, tay xoa đánh con, áo đắp thân con, khiến cho chúng con, chướng cũ tự trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền não, chóng phá vô minh, tâm thể tròn đầy, sáng bừng mở rộng. Tịch quang cảnh thật, thường được hiện tiền. Đến lúc lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không tất cả, bệnh khổ ách nạn. Tâm dứt tất cả, tham luyến mê hoặc, các căn vui đẹp, chánh niệm phân minh, xả báo an lành, như vào Thiền định. Phật A-di-đà, Quán Âm Thế Chí, cùng chư Hiền Thánh, phóng quang tiếp dẫn, tay báu dắt dìu, lầu các tràng

phan, nhạc Trời hương lạ. Tây Phương cảnh Phật, bày hiện rõ ràng, khiến cho chúng sinh, kẻ thấy người nghe, mừng vui khen ngợi, phát Bồ-đề tâm. Bấy giờ thân con, ngồi đài Kim cang, bay theo sau Phật, khoảng khảy móng tay, sinh vào sen báu, nơi ao thất bảo, ở cõi Tây Phương. Rồi khi hoa nở, thấy Phật Bồ-tát, nghe tiếng pháp mầu, chứng Vô sinh nhẫn. Giây phút lại đi, khắp mười phương cõi, cúng dường chư Phật, và được thọ ký. Được thọ ký xong, ba thân bốn trí, năm nhãn sáu thông, vô lượng trăm ngàn, môn Đà-la-ni, và các công đức, thảy đều thành tựu. Từ đó về sau, không rời An Dưỡng, trở lại Ta-bà, phân thân vô số, khắp cả mười phương, dùng sức thần thông, tự tại khó nghĩ, và các phương tiện, độ thoát chúng sinh, khiến họ lìa nhiễm, chứng được tịnh tâm, đồng sinh Tây Phương, lên ngôi Bất thối.

Con phát nguyện lớn, thế giới vô tận, chúng sinh vô tận, nghiệp và phiền não, nếu đều không tận, đại nguyện của con, cũng không cùng tận. Nay con lễ Phật, phát nguyện tu trì, xin đem công đức, hồi hướng hữu tình, báo đáp bốn ân, ba cõi đều nhờ. Nguyện cho pháp giới, tất cả chúng sinh, đồng thành chủng trí.

*

Chương 15
PHÁP MÔN BUỘC NIỆM SÁM HỐI
NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu khi tôi thành Phật, chư thiên, nhân dân trong vô lượng thế giới ở khắp mười phương, nghe danh hiệu tôi rồi dâng hương, rải hoa, đốt đèn, treo phan, cúng dường thức ăn cho Sa-môn, xây dựng chùa tháp, trai giới thanh tịnh, làm các việc lành, một lòng nghĩ nhớ về tôi, tuy chỉ ở trong khoảng thời gian suốt một ngày đêm cũng được sinh về cõi nước của tôi. Nếu không được như nguyện này, tôi quyết không thành Phật”.

Kinh này còn nói: “Nếu khi tôi thành Phật, chư thiên, nhân dân, cho đến loài bò, bay, máy, cựa trong vô lượng thế giới ở khắp mười phương, đời trước có làm ác, nhưng khi nghe danh hiệu tôi liền sám hối làm lành, vâng giữ giới luật, thực hành theo kinh giáo, nguyện sinh về cõi nước tôi. Khi lâm chung đều không trải qua ba đường ác, thẳng tắt vãng sinh, tất cả sự mong muốn đều được như ý. Nếu không được như nguyện này, tôi quyết không thành Phật”.

Người tu trì trước nên trang nghiêm thanh tịnh đàn tràng, dâng hương đốt đèn, đặt bày cúng dường, thỉnh một Tỳ-kheo và các bậc Thượng thiện nhân làm tôn chứng. Rồi bạch với Phật, bày tỏ tâm ý, dứt tuyệt lo nghĩ, chớ dự tính việc nhà, đừng gần gũi vợ con, trai giới tu trì, buộc tâm niệm vào danh hiệu của Phật A-di-đà một ngày một đêm. Mỗi lần niệm là một ngàn câu, tụng một quyển kinh *Di-đà*. Như thế ba lần, chí tâm sám hối hồi hướng rằng: “*Con hôm nay tự nghĩ: từ vô thủy kiếp, cho đến ngày nay, đã gây nghiệp ác. Nguyên do công đức, niệm Phật ngày nay, được vào biển thọ, của đức Như Lai, nhờ sức Từ Tôn, tiêu trừ các tội, dứt sạch oan khiên. Dem các việc lành, từ nơi ba nghiệp, trang nghiêm Tịnh nguyện, phước trí hiện tiền. Con nguyện lâm chung, biết trước ngày giờ, thân không bệnh khổ, tâm không điên đảo, như vào thiên đĩnh. Trong khoảng sát-na, con được đức Phật, tiếp dẫn vãng sinh, về cõi Cực Lạc, sinh trong ao báu, trên đài hoa sen. Được Phật thọ ký, được nghe kinh pháp, chóng khai Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, mãn Bồ-đề nguyện”.*

Như thế, thật đáng gọi là:

*Nước chảy bên đá, trôi ra lạnh
Gió từ trong hoa, thổi đến thơm.*

Chương 16

PHÁP MÔN TÍN, NGUYỆN SỚM TỐI NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Bồ-tát tại gia thờ Phật giữ giới, vì mỗi ngày còn lo lắng việc nhà, chưa thể nhất tâm tu hành, thì cần phải dậy sớm thắp hương đánh lễ Tam Bảo, tùy ý niệm Phật. Mỗi ngày, lúc hoàng hôn cũng lễ niệm như thế, lấy đó làm thời khóa thường ngày. Nếu như bỏ mất thời khóa, thì ngày kế tiếp tự đối trước Phật sám hối.

Pháp môn này không làm trở ngại mọi nghề nghiệp. Kẻ sĩ chẳng trở ngại việc tu tập học hành, nông dân chẳng trở ngại việc cày cấy, người thợ chẳng trở ngại việc làm, doanh nhân không trở ngại buôn bán. Ngoài việc lễ niệm sớm tối, lại có thể trong 24 giờ tranh thủ công phu trì niệm danh hiệu Phật trăm ngàn câu, lấy tâm chí thành làm công, mong cầu sinh về Tịnh độ. Hồi hướng rằng:

Đệ tử là..... nay lễ bái và niệm Phật được công đức, nguyện đến lúc mạng chung vãng sinh Tịnh độ. Trong ao hoa sen, tận mắt thấy Phật A-di-đà, bên hàng cây báu, gặp được bạn lành. Nguyện cho cha

me, sư trưởng và chúng sinh khắp pháp giới cùng mãn nguyện này.

Như thế, thật đáng gọi là:

Chứa cát bụi gom thành núi cả

Giọt nước nhỏ dần thành sông lớn.

*

Chương 17

PHÁP MÔN MƯỜI NIỆM GIẢN ĐƠN NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Sám chủ Từ Vân Thức nói: “Người ở trong thế tục, công việc bận rộn lãng xãng, mỗi ngày vào lúc sáng sớm, mặc y phục tề chỉnh rồi hướng về phương Tây chấp tay niệm Nam mô A-di-đà Phật, dùng hết một hơi làm một niệm. Như thế, mười niệm chỉ theo hơi dài hoặc ngắn, khi hơi tận cùng là tròn một niệm. Tiếng niệm Phật không ca cũng không thấp, chỉ ở mức trung bình. Mười niệm như thế, liên tục không gián đoạn, chú ý đừng để tâm phân tán, lấy việc tinh chuyên làm công phu. Ở đây tức là nhờ vào hơi thở để buộc tâm. Hồi hướng rằng:

Thích Minh Thành dịch

nay con..... nhất tâm quy mạng, Phật A-di-đà, ở cõi Tây Phương. Nguyên dùng ánh tịnh, soi chiếu thân con. Nay con xưng niệm, danh hiệu Như Lai, trong khoảng mười niệm, cầu sinh Tịnh độ. Đức Phật thuở xưa, vốn có thệ nguyện, nếu có chúng sinh, muốn về nước tôi, xưng danh hiệu tôi, cho đến mười niệm, nếu không vãng sinh, thệ không thành Phật. Nay con nguyện đem, công đức mười niệm, nguyện lúc mạng chung, tâm không điên đảo, trong khoảng một niệm, liền sinh Cực Lạc, nghe pháp vi diệu, mau chứng được Bồ-đề”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lòng tin nếu không thối
Quyết định lễ Kim Tiên.*

*

Chương 18

LỜI TỰA BIỂU ĐỒ TUYỂN PHẬT

BỐN CỘI VIÊN DUNG CỦA TÔNG CHỦ TỪ CHIÊU

Cõi Thường Tịch Quang và Phàm Thánh Đồng Cư⁵² chỉ là một trí không khác. Do tình sinh kia đây nên thấy có xa gần. Thấy mặt rõ sắc, tánh không như như, vốn không hai đường mà chúng sinh tự thấy có vi diệu và thô phù. Còn theo tôi thì không như thế, ở một thể Tỳ-lô trước cần phải biết rõ cội gốc, mới khỏi bị mơ hồ. Thực hành thì có tướng trạng của thực hành; trí tuệ ắt có

⁵² **Phàm Thánh Đồng Cư**: cõi nước mà phàm phu Nhân đạo, Thiên đạo cùng ở chung với các bậc Thánh Thanh văn, Duyên giác. Trong đó lại được chia thành hai loại:

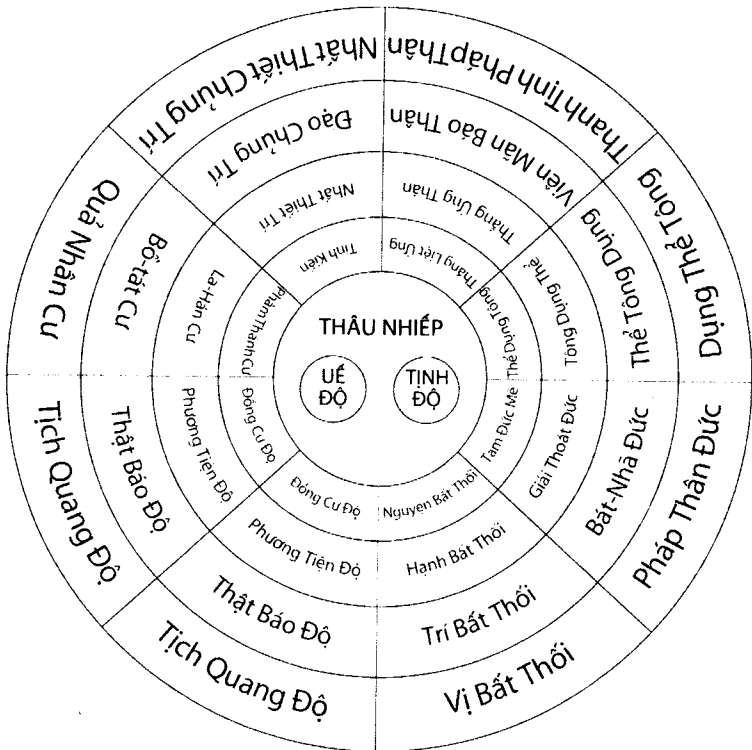
- Phàm cư: trong đó cũng có “Tứ ác thú”, là chỗ ở của ác chúng sinh và “Nhân thiên thú”, là chỗ ở của thiện chúng sinh khác nhau.
- Thánh cư cũng có Thật Thánh và Quyền Thánh khác nhau. Thật Thánh là chỗ ở của những vị đã chứng Tứ quả Thanh văn, Bích-chi Phật, Lục địa của Thông giáo, Thập trụ của Biệt giáo; còn Quyền Thánh có hàng Tam thừa trong Phương Tiện Hữu Dư độ, hàng Bồ-tát pháp thân, Như Lai Diệu Giác trong Thật Báo Vô Chướng Ngại độ và Thường Tịch Quang độ, ứng theo yêu cầu của chúng sinh hữu duyên mà quyền hóa sinh vào cõi này. Ngoài ra, Phàm Thánh Đồng Cư độ này lại có hai thứ là tịnh và uế, như thế giới Ta-bà là uế độ đồng cư, còn cõi Cực lạc Tây phương là Tịnh độ đồng cư.

khuôn mẫu của trí tuệ; phát nguyện thì có sức mạnh của phát nguyện; tiến tu thì có lộ trình của tiến tu. Tĩnh sáng lặng lẽ như ngọc trong sáng soi thấu tâm thể. Phạm Thánh chung đường, bốn cõi duy thông, ba thân như một, khắp nơi tức Tịnh độ, mọi chốn đều là Di-đà.

Vả lại, sơn tăng vì thấy người tu học nhận định về bốn cõi hỗn loạn không thứ tự, đến nỗi kẻ căn cơ lợi độn chẳng phân biệt được, nhân quả đều mất. Chỉ nói Tịnh độ mà chẳng biết sự cao thấp của Tịnh độ, chỉ nói do tâm mà chẳng biết sự sâu cạn của tâm. Thế nên, thấy các môn phái hủy báng lẫn nhau, ai nấy đều chấp một bên, đâu biết đâu hay tự mình phá hủy tông phong, chớ chẳng phải tà ma làm hoại được.

Nay sơ lược mở ra một lối, trình bày bốn biểu đồ, trừ dục mê tình, nhanh chóng tỏ sáng tâm địa. Sau đó, hắng sa pháp giới đều thấu hết trong một trang giấy, vô lượng pháp môn đều được bày tỏ chỉ nơi gang tấc.

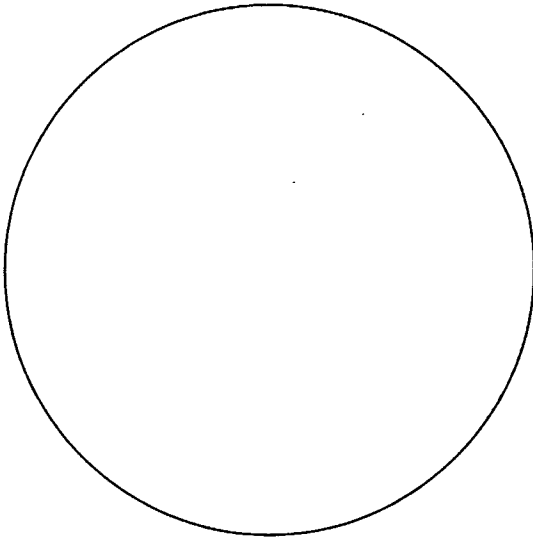
BIỂU ĐỒ TỔNG TƯỚNG BỐN CỠ VIÊN ĐUNG



Tự tánh Di-đà Phật
 Duy tâm chân Tịnh độ
 Tổ ngộ chỉ một niệm
 Mê lầm trải ba kỳ
 Thâu nhiếp hai môn lập
 Phàm Thánh một lối về
 Tình đời xem ấm lạnh
 Mặt người bèn thấp cao.

BA ÁNH SÁNG ĐẦY ĐỦ

**CÔI
PHÀM
THÁNH
ĐỒNG
CƯ**



**NHỜ
XUẤT
THÂN
QUYỀN
QUÝ**

*Tình phàm Thánh khác, trí có khác
Phải nhờ tu chứng hợp Tỳ-lô
Sợ người sức yếu đi mỗi mệ
Tạm chỉ Tây Phương trụ nửa đường.*

*

*Thoát ngang ba cõi ít người biết
Dễ tu dễ vãng chớ hồ nghi
Một lòng tín, nguyện niệm A-di
Lâm chung chánh niệm đi tỏ rõ.*

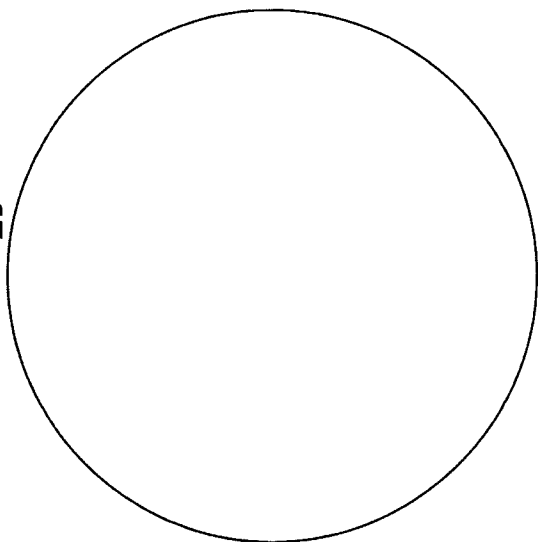
*Ba ngày, bảy ngày biết trước giờ
Đã sinh Tịnh độ thường nghe pháp
Lo gì không được ngộ chân tâm.*

Nguyện bất thối
Tam đức mê
Tông dụng thể
Thắng liệt ứng
Tịnh kiến chưa trừ
Đủ phiền não
Mười niệm thành tựu sinh
Hành xuất tam giới
Cõi này, Tu-đà-hoàn và người trời thấy được
Thân cao hai thước sáu
Phàm Thánh cư

Cõi này chỉ có tín, nguyện niệm Phật, không dứt phiền não, không bỏ việc nhà, không tu thiền định. Lúc mạng chung, Di-đà tiếp dẫn, liền được vãng sinh Tịnh độ, được thần thông, chứng bậc Bất thối, thẳng tiến Bồ-đề. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư là tự tha thọ dụng, ba ánh sáng đầy đủ. Thân nhiếp chung bốn cõi, hóa sinh trong chín phẩm. Theo lý ba cõi sau đều ở trong cõi này, chẳng ở nơi nào khác. Ở đây chỉ dẫn Hạ phẩm hạ sinh là vì Tổ sư nói rõ việc dễ tu dễ vãng sinh. Ngoài ra, phẩm vị cao thấp đều tùy theo hạnh nguyện tu chứng của mỗi người mà thành.

NHƯ ÁNH SÁNG CỦA CÁC NGÔI SAO

CÔI
PHƯƠNG
TIỆN
HỮU
DỰ



NHƯ
XUẤT
THÂN
BIÊN
CÔNG

*Đoạn trừ phiền não dứt dấu vết
Diệt sạch tâm trí hết liên thôi
Bảo Sở không thể tiến đến trước
Như Lai phương tiện nên lưu lại.
Thoát dọc ba cõi Thanh văn tánh
Phiền não trần lao gấp đoạn trừ
Nhập định từ thiền thường quán sát
Vượt hẳn cõi phàm không trở lại.*

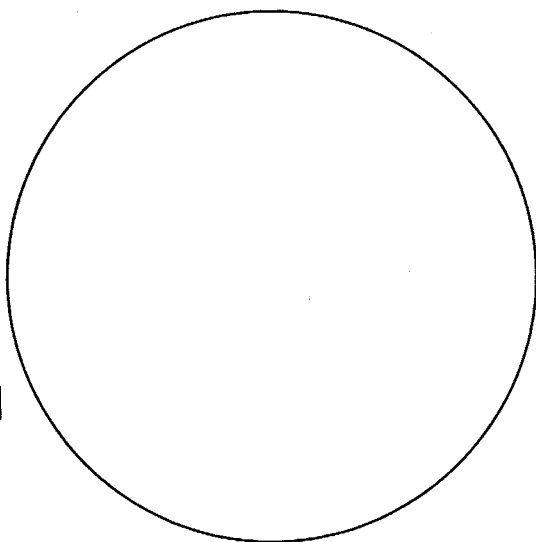
Biên công: có công lao bảo vệ, khai thác hoặc sửa trị nơi biên cương.

Hạnh bất thối
Giải thoát đức
Thể dụng tông
Thắng ứng thân
Nhất thiết trí
Phá kiến, tư hoặc
Tu Bát quan... sinh về
Thụ xuất tam giới
Cõi này, hằng Thanh văn tư quả thấy được
Thân vàng trượng sáu
La-hán cư

Cõi này đều là căn tánh Tiểu thừa định tánh, sợ hãi ba cõi như cọp, quỷ, rắn, rồng, phá trừ kiến hoặc, tư hoặc, tiêu diệt tham, sân, si, đoạn dứt hạt giống Như Lai như con chường một mình trốn thoát, không nhìn lại bầy phía sau, thiên lệch chấp trước vào cái thấy nhỏ hẹp, dính mắc đắm chìm ở chỗ rộng lạng, cho nên sinh về cõi Phương Tiện. Đức Như Lai vì họ mà nói thuận về Đại thừa để điều phục.

NHƯ ÁNH SÁNG MẶT TRĂNG

CÔI
THẬT
BÁO
TRANG
NGHIÊM



NHƯ
XUẤT
THÂN
KHOA
TUYỂN

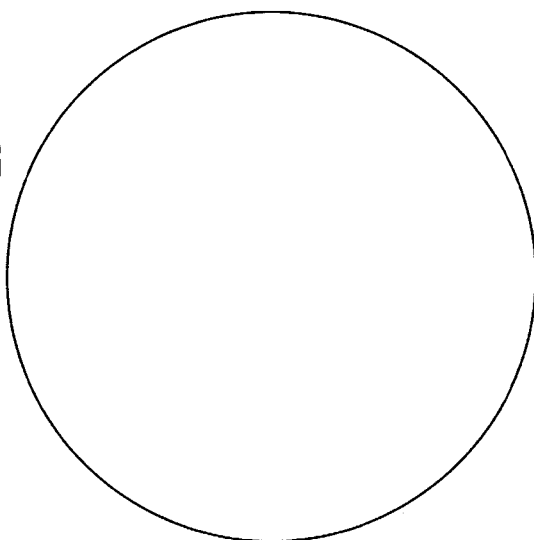
*Tam pháp nhỏ nhiệm còn chưa dẹp
Nên biết, tình hết mới nhổ gốc
Áo lột sát da đã chưa cởi
Mây trần vẫn ngại đại càn khôn.
Chẳng ngang chẳng dọc
Tam Quán lắng tâm tiến chớ nghi
Một lực chưa thể qua bờ giác
Vẫn vậy rơi trong cơ Thánh Hiền.*

Trí bất thối
Bát-nhã đức
Dụng tông thể
Viên mãn báo thân
Đạo chủng trí
Phá trần sa hoặc Phân phá vô minh
Ba tâm đầy đủ sinh về
Phi hoành phi thụ xuất tam giới
Tám vạn bốn ngàn tướng hảo
Cõi này bậc Nhất sinh bổ xứ và chư Đại sĩ thấy được
Bồ-tát cư

Cõi này đều là bậc Đại thừa tu trọn vẹn về Tam Quán. Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương, Đẳng Giác, Pháp thân Đại sĩ nhiều như cát như bụi, ai nấy đều phá trừ từng phần vô minh, phân thân khắp mười phương thị hiện tám tướng thành đạo, độ thoát chúng sinh, nhưng các Ngài vẫn chưa đạt đến chỗ cứu cánh. Giáo pháp của Thiên Thai, Hiền Thủ có nói rõ về điều này.

NHƯ ÁNH SÁNG MẶT TRỜI

CỘI
THƯỜNG
TỊCH
QUANG



NHƯ
XUẤT
THÂN
VƯƠNG
TỬ
QUÁN
ĐẢNH

*Cánh trí như như dứt chứng tu
Không còn việc tạp vướng nơi lòng
Tình hết chấp trừ tin tức dứt
Một vầng trăng sáng giữa trời Thu.*

*

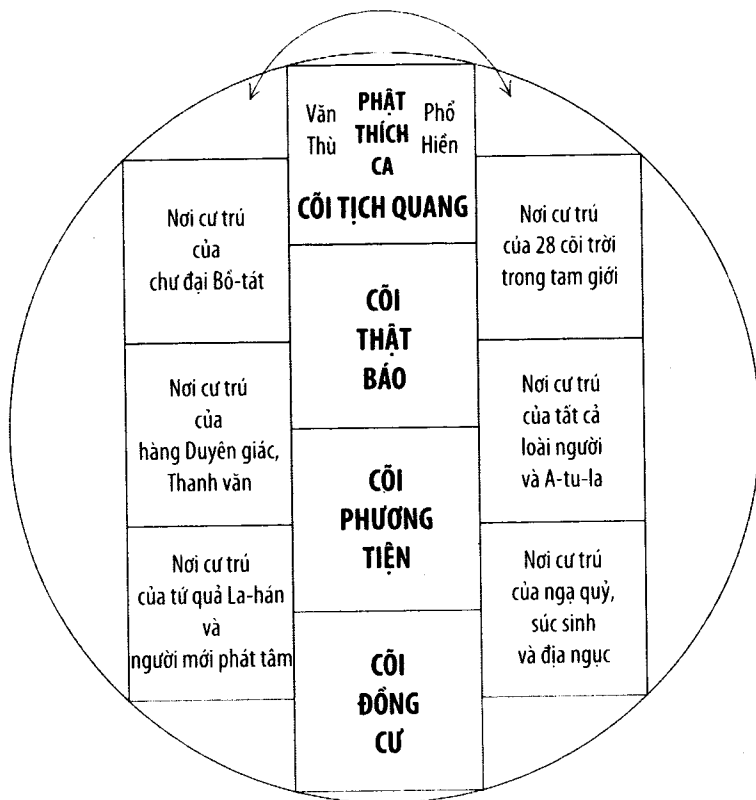
*Xung quan thấu đảnh chẳng nghĩ bàn
Chỉ nơi đương niệm dứt nghĩ suy
Duy tâm Tịnh độ duy tâm tịnh
Ngay đây nhận lấy đệ nhất cơ.
Trí mở, hoặc trừ không phiền não
Trở về nguồn cội tự mình hay*

*Vô tâm thân khắp trần sa giới
Mặc tình thân nhận các con về.*

Vị bất thối
Pháp thân đức
Tông thể dụng
Thanh tịnh pháp thân
Nhất thiết chủng trí
Phá hết tam hoặc
Một niệm không sinh
Xung quan thấu đảnh
Chân chánh Vô Thượng
Chư Phật thấy được
Pháp giới thân
Quả nhân cư

Cõi này cảnh giới tối thượng thừa, hoặc hết tình quên, các pháp chẳng sinh, Bát-nhã chẳng sinh, chẳng sinh chẳng sinh gọi là Đại Niết-bàn, rớt ráo ở nơi đỉnh núi Niết-bàn, ở yên trong cõi Thường Tịch Quang, gọi là Phật Pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô-giá-na, gọi là đến bờ bên kia, cũng gọi là chính mình ở trước kiếp không.

ĐÓN CÔI PHƯƠNG ĐÔNG



*Bốn côi chẳng phương vực
Tình sinh ngại không thông
Ngộ, mê phân Đại, Tiểu
Tịnh, ướ cách Tây, Đông.
Vạn vật hình tuy khác
Ngàn cơ lý tự đồng*

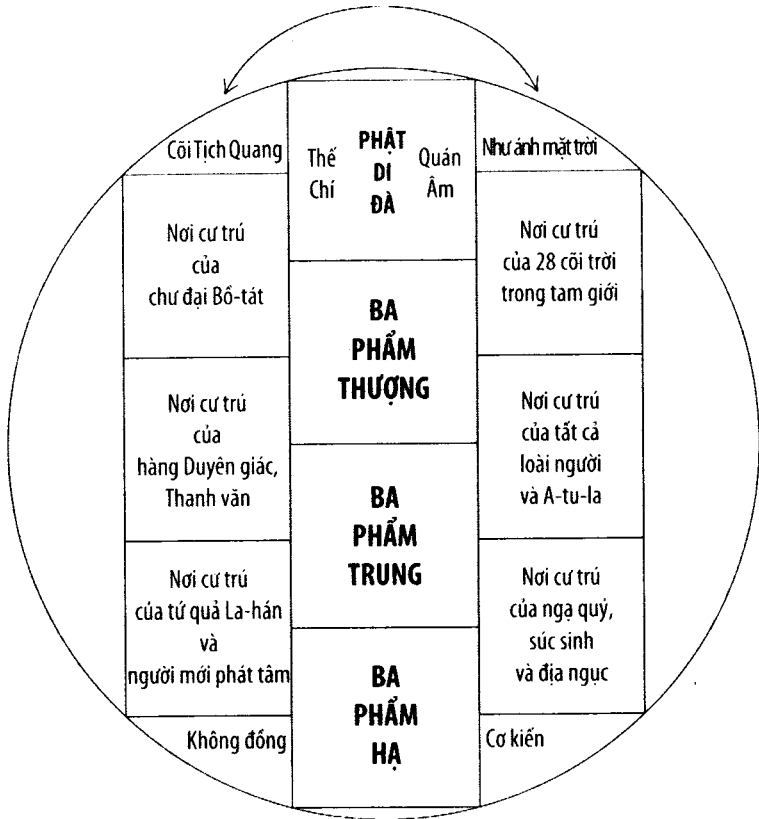
*Gió Xuân vừa thổi đến
Khắp chốn nở hoa hồng.*

*

*Đại kiến trước sau không đổi
Tiểu kiến chín phẩm khác nhau
Thượng trí chỉ tại một tâm
Hạ trí Đông, Tây cách ngại.*

*

BỐN CỐI TÂY PHƯƠNG



*Chớ bảo Tây Phương xa
Tây Phương ở trước mắt
Tuy nói qua mười vạn
Chẳng hề rời tam thiên
Vừa mở miệng niệm Phật
Ao hoa đã trồng sen*

*Lòng tin nếu không thối
Quyết định lẽ Kim Tiên.*

*

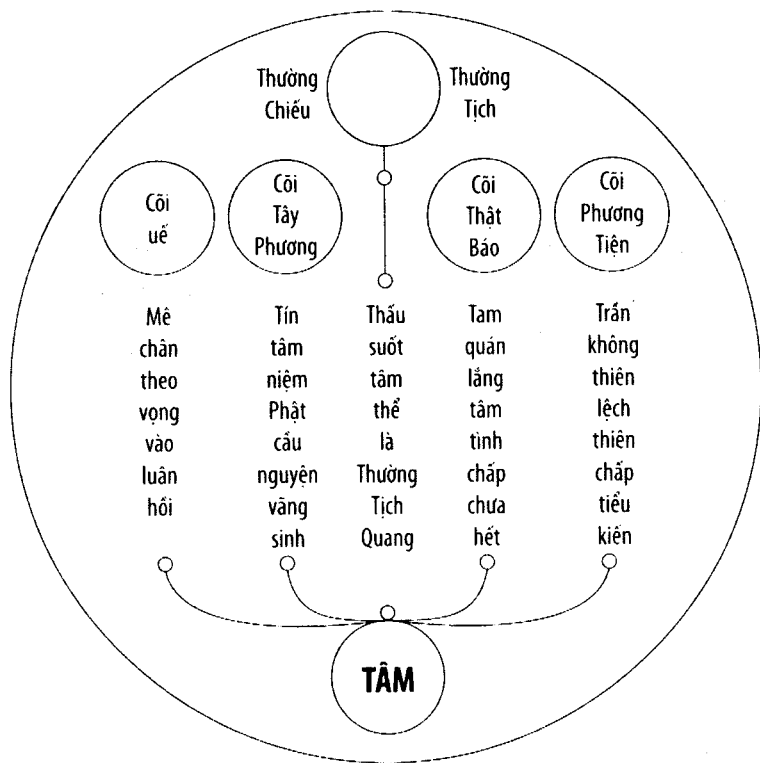
*Tây Phương là thủ tướng
Hai môn tu chán, ưa
Nếu từ đây được vào
Khắp nơi là Tịnh độ.*

*

Y báo và chánh báo của địa ngục A-tỳ hoàn toàn ở nơi tự tâm của bậc chí Thánh; thân cõi Tỳ-lô chẳng vượt ngoài một niệm của phàm phu. Ngài Trí Giả nói: “*Lại nào lại lìa Giá-na mà tìm cầu cõi Thường Tịch Quang nào khác. Nên biết Phật Tỳ-lô-giá-na ở khắp tất cả chỗ. Người khác quán xét tâm thì tất cả vạn pháp duy tâm vốn đầy đủ*”.

*

BỐN CÔI TÂM QUẢN



*Muốn biết thiên chân Phật
Trước nay dứt chứng tu
Chẳng còn kiếm bên ngoài
Chỉ hướng tự tâm cầu
Ngộ ba thân dung hợp
Mê, bốn côi không tròn*

*Chớ nên sinh phân biệt
Ngay đây dừng tâm thôi!*

*

Trọn ngày lặng lẽ sáng suốt mà chưa từng lặng lẽ sáng suốt là phàm phu. Muốn chứng ngộ chỗ lặng lẽ sáng suốt mà chưa đạt đến lặng lẽ sáng suốt cùng cực là Bồ-tát. Đầy đủ lặng lẽ sáng suốt mà an trụ nơi lặng lẽ sáng suốt là Như Lai. Tịnh độ Thường Tịch Quang là tướng, tâm. Nếu đến chỗ này thì thấy nơi nào cũng là thường sáng suốt, lặng lẽ (Thường Tịch Quang).

*

BỐN CÔI TÂY PHƯƠNG

Bốn côi dọc ngang như mạng lưới
Một phương lưu xuất muôn thứ môn
Chờ bảo Tây Phương không bốn côi
Phẩm phẩm vẹn toàn chẳng thể phân

BỐN CÔI HẰNG SA

Bốn côi mười phương đều đầy đủ
Hằng sa côi nước cũng như đây
Nhà quả Thánh phàm tròn pháp giới
Đều ở trong một niệm phân tâm

BỐN CÔI MỘT TÂM

Bốn côi một nhà tại tâm người
Chẳng cần tìm xa ở tha phương
Chỉ đem bản này thường soi xét
Thánh phàm cao thấp thấy cạn sâu

BỐN CÔI TRƯỚC MẮT

Bốn côi rõ ràng ngay trước mắt
Trợn không một vật ngại tâm điên
Mây mê tan hết tắng không tịch
Một vắng minh nguyệt rạng thanh thiên

BỐN CÔI VIÊN DUNG

Bốn côi viên dung chẳng thể phân
Nên biết phân chia, chẳng phân phân
Tuy vốn một tòa Linh Quang tự
Nào ngại điện Phật với tam quan

BỐN CÔI BA ĐẾ

Xưa nay bốn côi không dấu vết
Vạn tượng sum la không chẳng không
Chớ rơi tà lệch vọng phân biệt
Côi côi rõ ràng Không Giả Trung

BỐN CÔI TƯƠNG TỨC

Thể tông dụng cả ba tương tức
Nêu một tức ba, ba là một
Định phân ba chân không thiếu một
Ánh nhật, nguyệt, sao lớn bấy nhiêu

BỐN CÔI MẸ NGỘ

Phàm Thánh tôn ty thể chung đồng
Tinh sai cách ngại chẳng dung thông
Tổ ngộ cả bốn toàn thể hiện
Mê lầm một côi chẳng rõ hay

BỐN CÔI TUYỆT ĐỐI

Bốn côi luận ngang cùng luận dọc
Trộn không mây may để lưu tồn
Nếu rõ Châu Thành nguyên là Quách
Trong thôn ba nhà, nào phải thôn

BỐN CÔI MỖI NGƯỜI

Bốn côi mỗi người ai cũng có
Trước nay mê vọng chẳng rõ hay
Hôm nay chỉ rõ phân minh đấy
Khuyến anh nhận lấy chớ chần chờ

Giáo là mắt Phật, Thiền là tâm Phật. Tâm không có mắt thì tâm không chỗ y cứ; mắt không có tâm thì mắt không thấy chi cả. Tâm và mắt hòa hợp mới rõ Đông Tây, Thiền và Giáo hòa dung mới khéo biết thông bát. Nên biết, cơ có lợi độn; pháp có khai mở và cấm ngăn. Nếu tạo ra một con đường cố định để thâm nhiếp mọi cơ, đều trở thành phỉ báng chánh pháp. Vào thành từ bốn cửa, nhưng cửa nào cũng đều đến dinh phủ; tu tâm theo bốn cõi, cõi nào cũng đều lên bờ giác. Người học giáo pháp không thể nghiên lệch tà vạy, các vị tham thiền nên hiểu rõ như thế! Phương tiện quyền biến và chưa thật vận dụng ở nơi người, chỉ nên dung thông Sự Lý, không thể chấp pháp thành bệnh.

Tam tuệ Văn, Tư, Tu; tam học Giới, Định, Tuệ đều phải trở về nguồn cội, muốn cho ai nấy được chuyển phàm thành Thánh. Người nay không hiểu rõ, chấp trước một bên, chỉ nói Giáo chẳng thông Thiền, nói Thiền lại chẳng thông Giáo. Vốn để trừ bỏ chấp trước, nhưng trở lại thành thiên lệch; vốn để bình đẳng tu tâm; lại sinh phân biệt. Thiền tông nói: *“Hoa vàng, trúc biết đều là chân như”*. Giáo môn nói: *“Một sắc, một hương toàn là Trung đạo”*. Bồ-tát Thế Chí nhân niệm Phật tự được tâm khai ngộ. Đại sư Trí Giả

tụng kinh *Pháp Hoa* được thấy pháp chân thật. Mọi nơi đều tồn tại đạo nhiệm mầu, há lại ở chỗ tranh luận huyên não!

Nay muốn tâm phàm và thân cõi hòa dung; niệm Phật, Thiền, Giáo cùng chung một đạo. Vào cửa tuy khác, nhưng rốt cuộc vốn đồng. Chớ sinh khởi yêu ghét, đừng phân biệt kia đây. Mọi người phải nên cứu xét cội gốc, đừng cạnh tranh trên cành lá. Không nên chấp chân thật, chê bai quyền biến, hay chấp quyền biến, chê bai chân thật.

Quốc sư Thanh Lương nói:

*Biển nghiệp trần lao
Hoặc kết chấp chặt
Tình hết, kiến trừ
Chẳng nhọc thâm thập.*

Ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng thân; bốn cõi: Tịch Quang, Thật Báo⁵³, Phương Tiện⁵⁴, Đồng

⁵³ **Thật Báo**: nơi sinh về của các vị Bồ-tát đã đoạn trừ một phần vô minh. Đây là cõi nước vô ngại tự tại, là quả báo có được nhờ tu đạo chân thật nên gọi là Thật Báo Vô Chương Ngại độ; đây là chỗ ở của các vị Bồ-tát không có phàm phu và Nhị thừa, là cõi nước quả báo, nơi ở của các vị Bồ-tát từ Sơ địa của Biệt giáo trở lên, từ Sơ trụ của Viên giáo trở lên.

⁵⁴ **Phương Tiện**: chỗ ở của hàng A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát Địa tiền. Vì các vị này tu phương tiện đạo, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc nên

Cư đều phải về nơi nguồn cội, tất cả cùng trở về một con đường. Một thân tức ba thân, bốn cõi là một cõi chẳng sau chẳng trước, không đến không đi. Do tình chấp mà thấy có sai biệt, chẳng phải đức Phật che dấu. Chỉ chấp nhận tâm truyền, chẳng thông qua ngôn ngữ, cùng khắp viên dung, vô tận vô cùng. Nhất chân vô ngại trùng trùng lớp lớp, dù cho mạng lưới ngọc của Đế Thích cũng chẳng thể nào ví dụ được. Xoay chuyển cơ quan⁵⁵ thấy đều thông suốt, chẳng do nơi lạnh lợi mà chỉ nhờ tỉnh sáng. Phật Tỳ-lô đắc đạo thì chấp nhận cho ông thành tựu, dứt hẳn sinh tử, liền phóng ánh sáng. Nếu chẳng nghĩ bàn thì sông trong, biển lặng.

*Một cõi phân bốn cõi
Cõi cõi đều ba thân
Thân cõi không cùng tận
Tình chấp dường như sao.
Như Lai lực vô ngại
Tựa trăng giữa trời cao
Nơi nơi đều thấy trăng*

gọi là phương tiện; nhưng còn dư chương hoặc vô minh căn bản che lấp Thật tướng trung đạo nên gọi là hữu dư.

⁵⁵ **Cơ quan:** mưu lược, cơ pháp mà vị thầy tùy theo căn cơ lập ra, giúp cho người học khai ngộ và chỉ phù hợp với căn bản từng người. Cơ pháp ấy có thể là: công án, thoại đầu, đánh và hét.

Chốn chốn tràn ánh sáng.

*

**KÊ TỤNG
ĐẠI ĐẠO THÔNG THIÊN HẠ**

*Sáng tỏ mấy trăm châu
Châu châu đều có lối
Lối lối hợp xuân thu
Mê mờ ba thân khác
Tỏ ngộ một cũng thôi
Chỗ không có, kia đây
Chớ đem kết oán thù.*

ĐỀ CƯƠNG NIỆM PHẬT

*Vốn không có dấu vết
Phương tiện bày cho anh
Nếu ai hỏi thế nào?
Nam mô A-di-đà!*

NIỆM PHẬT TÂM KHAI

*Chuyên tu Tam-muội, niệm Di-đà
Di-đà bỗng gặp ở trong ta
Mới biết dưới chân đều Bảo sở⁵⁶*

⁵⁶ **Bảo sở:** dụ cho Niết-bàn của Đại thừa, chỉ nơi an trụ rốt ráo chân thật.

Cõi cõi dung thông chẳng có xa.

THIÊN, GIÁO THÀNH TỰU LÃN NHAU

Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân giáo

Đạt-ma, Nam Sơn, ý vốn đồng

Pháp môn số lượng vô cùng tận

Chẳng lìa mảy tơ, dứt diệu thô.

BA THÂN THỂ ĐỒNG

Ba đức ẩn kín với ba thân

Mở cuốn tùy duyên, phân chẳng phân

Chốn chốn dung thông không ngăn ngại

Chớ nên nhất định nói ba người.

TAM BẢO KHÔNG KHÁC

Phật, pháp, tạng bảo rất là chân

Chẳng khác hiện giờ một điểm linh

Nêu một tức ba, ba là một

Chớ để nhận lầm kim chỉ nam.

THÂN CÔI KHÔNG HAI

Tỳ-lô tức là Tịch Quang độ

Tịch Quang tức là đại Tỳ-lô

Thân côi xưa nay không hai tướng

Hoàng thành vốn là đại kinh đô.

TÂM PHẬT KHÔNG KHÁC

*Tâm này chính là Phật Di-đà
Di-đà chính là tự tâm nguyên
Mọi người đều bảo trắng khuyết giảm
Ai tin xưa nay vắng nhật viên.*

BẬT DẤU KHÔNG TƯỚNG

*Một niệm sáng tròn trùm pháp giới
Khởi hướng ba kỳ chấp kiếp tu
Nếu ở trong đây hay rõ được
Một điểm vi trần cũng chẳng lưu.*

TÌNH HẾT TỎ TƯỜNG

*Tỳ-lô hải tạng toàn không dấu
Tịch Quang cõi diệu vết cũng không
Kiếp hỏa cháy tiêu dù kẽ tóc
Non xanh vẫn thế mây trắng trong.*

NƠI NƠI THẤY ĐẠO

*Tịch Quang kim bảo và cát bùn
Chốn chốn không tâm tức là nhà
Rõ được trong đây huyền diệu ý
Ưu đàm vốn là Bạch liên hoa.*

CHỐN CHỐN GẶP NGUỒN

*Tâm tâm, niệm niệm Phật Di-đà
Nơi nơi chốn chốn Tỳ-lô xưa*

Thích Minh Thành dịch

*Vi trần biển cõi như sao bủa
Sơn tắng thấu trong một họa đồ.*

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN BA

Thiên thứ ba

CHÁNH TÔNG NIỆM PHẬT

Đại sư Minh Giáo nói: “Đức Phật thiết lập giáo pháp hẳn là lấy Thiên làm tông, Phật là vị Tổ khai sáng, Tổ là khuôn phép rộng lớn của giáo pháp, tông là chỗ bao quát toàn thể giáo pháp. Chỗ bao quát toàn thể của giáo pháp, nếu không rõ ràng thì thiên hạ không thể đạt đến chỗ đồng nhất; khuôn phép rộng lớn của giáo pháp, nếu không chân chánh thì thiên hạ không thể chứng đắc chỗ chân thật”.

Những người học Phật xưa nay, đem sở học của mình cạnh tranh hơn thua lẫn nhau là vì tông không

rõ, Tổ không chánh mà trở thành tai hại. Song, chẳng phải Tổ và tông vốn không rõ ràng, không chân chánh, mà bởi người học đời sau không thể khảo cứu tận cùng kinh luận, sửa đổi cho đúng đắn. Vì thế, nên có những người hạn cuộc nơi giáo pháp, chẳng rõ ý chỉ sâu kín nơi đức Phật, huyền diệu ở ngoài ngôn ngữ. Các Thiền giả chẳng cứu xét lời Phật, chỉ xem khái quát ở trong giáo pháp, tự phát sinh phải quấy lẫn lộn xằng với nhau, xưa nay chưa từng tạm thời ngưng nghỉ.

Tôi từng cứu xét trong Đại tạng, hoặc kinh, hoặc truyện để kiểm nghiệm, gọi là Thiền tông đó chính là tâm của Phật, Tổ. Phật nói, một Đại tạng giáo lý chưa từng không lấy tâm làm tông chỉ. Than ôi! Căn cơ của chúng sinh khác biệt, sao có thể lấy một pháp để làm cho họ thấu rõ tâm ấy. Đức Phật thiết lập sự giáo hóa một cách bình đẳng, đối với căn bệnh nào thì cho thứ thuốc ấy thôi.

Vả lại, pháp môn niệm Phật trong tông Tịnh độ có chân thật và quyền biến, có đốn có tiệm, nhưng đều hiển bày lý chân thật mà Như Lai chứng ngộ, mở ra cội nguồn tự tánh của chúng sinh. Lấy môn Niệm Phật Tam-muội thấu nhiếp tất cả mọi người, khiến cho minh tâm thấy tánh, vào nơi trí tuệ Phật.

Có người hỏi:

- Niệm Phật có thể rõ tâm thấy tánh, vào nơi trí tuệ Phật được không?

Tôi đáp:

- Tâm là chủ của vạn pháp. Nếu ta làm chủ được tâm thì đạo nào chẳng thành tựu? Bồ-tát Đại Thế Chí do niệm Phật mà chứng ngộ Vô sinh nhẫn. Cứu xét về nhân tu hành của Ngài, thuần là dụng công phu ở nơi niệm Phật, niệm niệm không gián đoạn, nhờ thành một khối. Cho nên nói: *“Thâu nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà được chánh định. Đó là bậc nhất”*.

Bởi lẽ, Phật là tâm, niệm Phật là niệm tâm, tâm tâm không hai. Tâm đã không hai, Phật Phật đều như thế. Một niệm thông suốt, không có bờ mé trước sau. Ba mé đều dứt, đó là đạo tràng chân thật. Mỗi hạt bụi đầu hiển lộ, tất cả cõi hoàn toàn hiển bày, đó là vào nơi biển trí tuệ chân chánh thấy biết tất cả của Như Lai, đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Ý chỉ của niệm Phật đại lược như thế.

Tổ sư Huệ Viễn được Tam-muội này, lấy đó dạy cho một trăm hai mươi ba người cùng tu cùng chứng, tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ cho đến chỗ cứu

cánh. Đây thật là Tổ sư có tâm lo lắng sâu xa cứu giúp mọi loài.

Hơn nữa, thời Đông Tấn, những kinh điển mới lạ chưa được truyền sang, trong nước chưa từng nghe cam lộ Thiền pháp, mỗi người nói tông chỉ thật tương theo mỗi cách khác nhau. Do đó, ngài Huệ Viễn mới sai đệ tử vượt ngọn Thông Lãnh thỉnh Thiền sư từ nơi xa đến, tìm xét kinh điển. Thế nên, Đại sư Minh Giáo trong *Định Tổ Đồ* nói: “*Thời Tần, thấy Trí Nghiêm ở nước Kế Tân, thành khẩn mời thỉnh ngài Bạt-đà-la sang Trung Hoa, truyền trao pháp Thiền. Ban đầu đến Trường An, sau đó đến Lô Sơn, cùng với ngài Huệ Viễn phiên dịch Thiền kinh. Sau khi phiên dịch xong, ngài Huệ Viễn viết lời tựa*”.

Bạt-đà-la từng bảo ngài Huệ Viễn rằng: “*Các Tổ sư truyền pháp ở Ấn Độ, từ Ngài Đại Ca-diếp truyền thừa, về sau gồm có hai mươi bảy vị Tổ. Tổ thứ hai mươi sáu diệt độ gần đây tên là Bát-như-mật-đa và vị đệ tử kế thế của ngài là Bát-nhã-đa-la đến giáo hóa ở miền Nam nước Thiên Trúc. Dem ngọn đèn trí tuệ này lần lượt truyền trao cho Đạt-ma-đa-la, về sau trở thành vị Tổ thứ hai mươi tám. Nay, tôi theo những điều được nghe ấy mà nói về ý nghĩa này*”.

Ngài Huệ Viễn nghe Bạt-đà-la nói, nên viết lời

tựa rằng: “Đạt-ma-đa-la là bậc tài trí xuất chúng ở Tây Vực, người nắm Tông chỉ của Thiên phái”.

Trong *Bảo Lâm Truyện* nói: “Bạt-đà-la từng nói với ngài Huệ Viễn về sự truyền pháp qua các đời của chư vị Tổ sư. Điều này vốn là nghiệm xét từ nơi kinh Thiên. Do đó, Trương Dã viết lời tựa về bài minh nơi ngôi tháp của ngài Huệ Viễn rằng: “Các kinh tâm thiền xuất phát từ Lô Sơn. Sư thường bảo pháp Thiên tinh vi, người không có khả năng chớ nên trao truyền. Chỉ có môn niệm Phật là công đức cao vời và dễ dàng tu tiến, dùng pháp chỉ quán để tu hành, chuyên cần tinh tấn nơi Tịnh nghiệp. Đó là nhờ sự tu hành lắng đọng tinh thần, thực tập lần lần sửa đổi tánh tình. Thật là từ nơi đây mà được vào nơi pháp môn vô tận của Như Lai”.

Thế nên, khi giáo pháp Tịnh độ này đến chỗ Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai thì Ngài chỉ dạy Tam quán⁵⁷,

⁵⁷ **Tam quán:** ba pháp quán do Đại sư Trí Giả lập riêng khi giảng kinh *Pháp Hoa*.

1. Tòng hạnh quán: nghĩa là chỉ y cứ theo hạnh môn của các kinh mà tu quán, tức là chỉ đối với muôn cảnh mà quán nhất tâm, muôn cảnh tuy khác nhau nhưng lý diệu quán là một, như quán “ấm”... là thuộc nghĩa ấy.

2. Phụ pháp quán: nương vào các pháp tướng để tu viên quán, tức y cứ vào các pháp tướng như Tứ đế Ngũ hạnh... mà vào nhất niệm tâm để thành tựu pháp quán.

chứng ngộ Nhất tâm, xâu kết tất cả hạnh chánh yếu của Ba thừa, thấu nhiếp hết căn cơ của Năm tánh⁵⁸,

3. Thác sự quán: nghĩa là giả mượn sự nghĩa để thành tựu tu quán. Hễ tu một pháp quán nào đều dùng pháp quán đối trị, để giúp cho tu quán. Như giả mượn thành Vương Xá để tu quán thì quán Vương là 6 thức tâm vương, Xá là ngũ ấm, thành Vương xá là thân của chúng ta, cho đến thân Vương Xá này tức là Không, Giả, Trung, tâm vương tạo ra Xá này, nếu phân tích ngũ ấm thì Xá là Không, Không tức thành Niết-bàn. Theo *Thập Bát Nhị Môn Khu Yếu*, Thượng, Thập thừa là nghĩa chung của ba thứ pháp quán, còn 3 pháp quán tâm: Thác sự, Phụ pháp và Tùng hạnh là tướng khác của 3 thứ pháp quán.

⁵⁸ **Năm tánh**: năm chủng tánh khác nhau của chúng sinh do chủng tử trong thức A-lại-da quyết định, không có cách gì thay đổi được. Đây là chủ trương của tông Pháp tướng. Năm tánh là:

1. Thanh văn thừa định tánh: người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng quả A-la-hán.
2. Độc giác thừa định tánh: người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng quả Bích-chi Phật.
3. Như Lai thừa định tánh: người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng quả Phật.
4. Bất định chủng tánh: người có chủng tử vô lậu, nhưng vẫn chưa quyết định là thuộc căn cơ nào trong Tam thừa. Bất định chủng tánh có bốn:
 - a) Nhị tánh bất định của Bồ-tát, Thanh văn: người có hai chủng tử quả Phật và quả A-la-hán.
 - b) Nhị tánh bất định của Duyên giác, Bồ-tát: người có hai chủng tử quả Phật và quả Bích-chi Phật.
 - c) Nhị tánh bất định Thanh văn và Độc giác: người có hai chủng tử quả quả A-la-hán và quả Bích-chi Phật.
 - d) Tam tánh bất định của Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát: người có ba chủng tử quả quả A-la-hán và quả Bích-chi Phật và quả Phật.
5. Vô tánh: mặc dù không có chủng tử vô lậu của ba thừa, nhưng có chủng tử hữu lậu có thể đạt được quả trời, người.

giao phó gia tài chân thật về quán hạnh, ngộ nhập tri kiến của Như Lai. Từ đó mà biết, cương yếu của môn niệm Phật là lấy kinh *Quán Vô Lượng Thọ* làm tiêu chuẩn. Kinh này lấy cảnh tịnh của cõi Phật làm chính yếu, lấy trí quán tưởng, hạnh vi diệu làm chỗ hướng đến; lấy thật tướng Di-đà làm thể, lấy bỏ ác làm thiện làm dụng. Thế nên, thấy rõ vô lượng công đức cùng trang nghiêm và tất cả hạnh thù thắng đều dẫn trở về Cực Lạc; lời nói, hỏi đáp, thuyết minh tỏ tường. Ví như các vì sao hướng về Bắc đẩu, muôn dòng sông chảy về biển Đông. Vì thế, bà Vi-đề-hy chẳng trải qua địa vị, nhanh chóng chứng ngộ Vô sinh; người phạm năm tội nghịch⁵⁹ niệm mười câu

Trong năm tánh thì ba tánh Thanh văn định tánh, Duyên giác định tánh, và Vô tánh đều không có chủng tử Phật, rốt ráo không thành Phật nên gọi là Tam vô. Còn Bồ-tát định tánh và người chứng quả Phật trong Bất định tánh là có chủng tử Phật và quyết định thành Phật, nên gọi là Nhị hữu.

⁵⁹ **Năm tội nghịch** (*Ngũ nghịch tội*): năm tội cực ác trái với đạo lý. Theo thuyết Tiểu thừa, năm tội nghịch: giết mẹ, giết cha, giết A-la-hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng. Hai tội trước là phá Ân điền, ba tội sau là hủy Đức điền. Người phạm vào năm tội này sẽ bị đọa vào địa ngục Ngũ vô gián. Tội phá hòa hợp tăng chia làm hai:

1. Phá Yết-ma Tăng: tách rời giáo đoàn mà mình đã sống, thành lập giáo đoàn mới tổ chức các việc Bồ-tát, Yết-ma riêng biệt.
2. Phá Pháp luân Tăng: tôn thờ thầy khác, lập thuyết khác, tổ chức giáo đoàn riêng.

Theo kinh *Đại Tát-giá Ni-kiền-tử Sở Thuyết*, q. 4, thì năm tội trọng:

Phật hiệu liền lên Cực Lạc. Đây tức là thuộc về giáo lý Viên đốn.

Pháp môn Niệm Phật Tam-muội này, có quyền thật, có đốn tiệm, thâm nhiếp mê ngộ, gồm thâu hết tất cả để cùng trở về tông chỉ chân thật. Giống như xe có hai bánh, chim có hai cánh, từ đây mà vào đạo, pháp này đáng gọi là cùng tột. Thế nên, tập hợp mọi phương pháp chánh định, chỉ dạy tông yếu của sự tu hành, khai sáng mắt tâm, chỉ thẳng cội nguồn, ngõ hầu giúp cho người niệm Phật tiến tu, tỏ rõ tông, không mờ mịt nơi Tổ. Còn như một câu hợp cơ, thì Tịnh độ từ nơi tâm hiển lộ đầy đủ.

*

-
1. Phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng, cướp đoạt tài vật của Tam Bảo hoặc sai bảo người khác làm việc này.
 2. Hủy báng Thanh văn, Duyên giác cho đến giáo pháp Đại thừa.
 3. Ngăn cản người xuất gia tu hành hoặc giết hại người xuất gia.
 4. Phạm một trong năm tội Ngũ nghịch của Tiểu thừa.
 5. Chủ trương tất cả đều không có nghiệp báo, thực hành mười nghiệp ác hoặc không sợ quả báo đời sau mà sai bảo người khác làm mười điều ác.

Trong *Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh Sớ*, q. 5, ngài Huệ Chiếu hợp tội giết cha và giết mẹ trong năm tội nghịch của Tiểu thừa thành một, đồng thời thêm vào tội phỉ báng Phật pháp mà lập thành năm tội nghịch cho cả Tam thừa.

Chương 1

XÁC ĐỊNH RÕ TÔNG THỂ

Trong *Thông Tán* của ngài Từ Ân nói:
“*Các bậc Cao đức thuở xưa ở phương
này, phân định chung về kinh luận có bốn
tông:*

1. Tông lập tánh.
2. Tông phá tánh.
3. Tông phá tướng.
4. Tông hiển thật.

*Các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa... là
hiển bày nghĩa Trung đạo chân thật, bỏ Hóa thành⁶⁰
về Bảo sở. Vì thế, kinh A-di-đà thuộc về Tông thứ tư.*

*Y theo văn mà phân định giáo pháp thì giáo pháp
chỉ có ba. Theo loại để sắp đặt thì có tám tông:*

1. Tông ngã pháp đều có.
2. Tông có pháp không ngã.
3. Tông pháp không tới lui.

⁶⁰ **Hóa thành:** dụ cho Niết-bàn của Tiểu thừa chưa rốt ráo và không thật.

4. Tông hiện thông giả thật.
5. Tông tục vọng chân thật.
6. Tông các pháp chỉ là giả danh.
7. Tông thắng nghĩa đều không.
8. Tông ứng lý viên thật.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm và kinh A-di-đà thuộc về Tông thứ tám”.

*

Chương 2

TÔNG THỂ QUYỀN THẬT VỀ MƯỜI LOẠI TỊNH ĐỘ TRONG HOA NGHIÊM HỢP LUẬN CỦA TRƯỞNG GIẢ LÝ THÔNG HUYỀN

Biển trí bát ngát mênh mông chẳng thể xét cùng bờ mé, nguồn chân rộng lớn bao la khó tìm kiếm được bến bờ. Pháp giới Tỳ-lô-giá-na, thể tướng bao quát nơi trần sa. Pháp môn Phương Quảng, tịnh uest chan hòa nơi vô cực. Tùy theo nghiệp dụng tu tập trong hiện tại, nên

thấy cảnh giới chẳng đồng; vì trái với cảnh Thánh, mà y báo và căn trần bất định. Hoặc dùng quyền biến phân biệt Tịnh độ nơi cõi khác để chỉ cõi uế trước nơi Ta-bà, hoặc bảo nơi đây chỉ là phương tiện để dẫn dắt giáo hóa và nói rõ phương trên mới là cõi Thật Báo. Bồ-tát Văn-thù ở thế giới Kim Sắc, từ cõi nước phương Đông đến; Quan Âm ở cõi màu An Lạc, từ Tây Phương sang. Mỗi vị đều có cách hiện bày sự quyền biến khác nhau, dẫn dắt người mê, giúp họ thấu rõ sự lý. Do đó, chúng sinh chỉ nên tin chắc, nhưng không nên chấp trước.

Nay, sơ lược gom các môn lại để giúp cho người mới tu có chỗ y cứ vững. Trình bày tóm lược có mười loại để làm kim chỉ nam.

1. Tịnh độ trong kinh Di-đà: đây là pháp môn dành cho hàng phàm phu còn một phần chấp tướng, chưa tin được lý chân thật về pháp không. Chỉ do chân thành chuyên nghĩ nhớ tưởng niệm không đổi dời. Vì vậy, tâm được phần nào thanh tịnh mà vắng sinh Tịnh độ. Đó là quyền biến chưa phải chân thật.

2. Tịnh độ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ: đây là pháp môn dành cho những chúng sinh có một phần chưa tin lý chân thật về pháp không và ưa thích sắc tướng vi diệu. Do đó, dạy bảo họ đem tâm chuyên

quán tướng về sắc tướng của Phật A-di-đà, đến khi thành tựu thì vãng sinh cõi Phật. Đó là quyền biến chẳng phải chân thật.

3. Tịnh độ trong kinh *Duy-ma*: đức Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, khi Ngài sử dụng thần lực thì tạm hiện bày cõi Phật, nhưng rồi cũng trở về không. Tuy đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhưng chưa trình bày đầy đủ về sự rộng lớn và nhỏ hẹp. Ở đây là chân thật mà chưa rộng lớn.

4. Tịnh độ trong kinh *Phạm Võng*: tuy nói một đóa hoa vương to lớn và có ngàn cánh. Trên mỗi một cánh có trăm ức vị Hóa Phật, giáo hóa các chúng sinh trong trăm ức tứ thiên hạ. Nhưng do hàng Bồ-tát Tam thừa thấy chưa được rộng lớn nên phân ngàn cánh kia và hoa vương kia nói là cảnh Thật Báo chưa viên mãn. Đây là quyền biến chưa phải chân thật.

5. Tịnh độ của cõi trời *Ma-hê-thủ-la*: đức Như Lai ở nơi tòa sen, thành tựu đạo giác ngộ chân chánh, lấy đó làm Thật Báo. Còn lúc đức Phật ở trong đạo tràng Bồ-đề, nước Ma-kiệt-đà nơi cõi Diêm-phù-đề này thành tựu đạo giác ngộ chân chánh, đó là vì để giáo hóa hàng Bồ-tát quyền giáo trong ba thừa. Đối với người vẫn còn cái thấy về nhiễm và tịnh, nói rằng cõi Diêm-phù-đề này và sáu cõi Trời... là cõi Dục

hữu lậu, còn cõi trời Ma-hê-thủ-la thượng giới là vô lậu. Tâm còn nhiễm và tịnh, chưa quên kia đây... Đó là giáo lý quyền biến chưa phải chân thật.

6. Tịnh độ được trình bày trong kinh Niết-bàn: đức Như Lai có Tịnh độ Thật Báo ở Tây Phương, trải qua số cõi Phật nhiều gấp hai mươi hai lần số cát sông Hằng. Đây là giáo lý quyền biến trong ba thừa để giáo hóa những người còn một phần nhiễm tịnh chưa hết. Nói Tam thiên Đại thiên thế giới này đều là cõi uế trước, và dùng phương tiện quyền biến nói rằng chỉ có cảnh Thật Báo của Như Lai là cõi Tịnh độ ở Tây Phương. Đây là quyền biến chẳng phải chân thật.

7. Tịnh độ được biến hiện ba lần trong kinh Pháp Hoa: đây là vì hàng Bồ-tát trong giáo lý quyền biến ba thừa, chưa hết tâm nhiễm tịnh mà nói, đời chư thiên và loài người đặt ở cõi khác. Đó là quyền biến chẳng phải chân thật.

8. Tịnh độ được hiển bày trên hội Linh Sơn: đây là vì dẫn dắt hàng Bồ-tát trong giáo lý ba thừa chưa hết tâm nhiễm tịnh, khiến họ biết ngay nơi cõi này: uế trước tức là thanh tịnh. Đại chúng tuy có tin nhận, nhưng chưa thể tự thấy. Đó là chân thật chẳng phải quyền biến.

9. Tịnh độ duy tâm: tự mình chứng ngộ tự tâm, ngay nơi thể vô tâm. Tự tánh là trí tuệ chân thật, chẳng còn suy nghĩ phân biệt tịnh uế, xứng hợp với chân tánh. Tâm không ngăn ngại, không tham, không si, hồn nhiên vận dụng từ bi, trí tuệ để làm an lạc chúng sinh. Đây là Tịnh độ chân thật, do tự mình thanh tịnh nên khiến cho người khác cũng thanh tịnh. Thế nên, kinh *Duy-ma* nói: *“Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi nước thanh tịnh nên thanh tịnh tâm mình”*. Đó là Tịnh độ chân thật.

10. Tịnh độ của Phật Tỳ-lô-giá-na cư trú: là ở cõi nước của mười đức Phật. Cõi nước Phật Liên Hoa bao hàm cả tịnh lẫn uế. Cõi ấy không uế, không tịnh, không có tướng cao thấp, kia đây, mình người. Mỗi một cõi Phật đều trải rộng cùng khắp pháp giới, nhưng không chướng ngại nhau. Nói sơ lược về cõi nước nhiều như cát bụi của mười đức Phật để thấy được vô tận cõi Phật không ra ngoài một hạt bụi, vì không có lớn nhỏ nên không lập ra hạn lượng. Lấy pháp làm giới, chẳng hạn cuộc ở nơi bờ mé, sắc tướng trùng trùng. Đây là Tịnh độ chân thật, chẳng thuộc về quyền biến.

Ngài Ngộ Khai nói: *“Tảo Bách luận bàn về sự quyền biến và chân thật của mười loại Tịnh độ chưa*

đạt được ý chỉ, quyết đoán riêng tư theo ý mình, xem thường Tịnh nghiệp Tây Phương. Tại sao? Vì cho là giáo lý quyền biến. Đâu chẳng biết ý nghĩa về quyền biến và chân thật không có hơn kém, không rõ lý nhiệm mầu của thể và dụng, chỉ mê lầm vọng sinh chấp trước. Huống chi, Tảo Bách do căn cứ vào kinh Hoa Nghiêm mà phân định giáo pháp, nên mới nói như thế”.

Còn như nói: “Phàm phu còn một phần chấp tướng, chưa tin lý chân thật về pháp không”. Lời nói ấy thành thật thay! Nên biết thủ tướng là nắm lấy tướng tịnh và uế. Tất cả phàm phu từ lúc sinh đến khi tử, chỉ toàn nắm lấy tướng uế trước, thậm chí tạo mọi nghiệp ác. Đó là lỗi lầm của sự nắm lấy tướng uế trước. Do đó, họ quanh quẩn trong ba đường đen tối không có ngày dừng nghỉ.

Đức Như Lai thường thương xót nỗi đau khổ của chúng sinh, lo nghĩ cứu vớt. Nếu đem lý chân không thật tướng để chỉ dạy ngay thì tuy rất hợp với hoài bão chính yếu của Ngài, nhưng chúng sinh nghiệp chướng nặng nề, trí tuệ tối tăm, làm sao có thể tin nhận và tu học? Vì vậy, đành phải ấn dấu chỗ chân thật, mà chỉ dạy bỏ uế trước lấy thanh tịnh. Trước tiên là để thoát khỏi nỗi khổ đau trong ba cõi. Đó là quyền biến.

Hai chữ “quyền” và “thật” này vốn ở nơi chúng sinh mà nói, chứ không ở nơi đức Như Lai, cũng không ở nơi kinh giáo. Tại sao chẳng thấu suốt ý chỉ ấy, chỉ theo lời nói để hiểu, chấp hơn chấp kém, chê bai chánh pháp của Như Lai?

Nay tôi thuận theo sự phân định quyền và thật của ngài Tảo Bách để làm sáng tỏ điều này.

Còn như Tịnh nghiệp Tây Phương vốn là pháp môn lợi khắp ba căn, dung thông quyền và thật, thấu suốt trên dưới. Về mặt quyền biến thì thâm nhiếp hàng trung hạ; về mặt chân thật thì thâm nhiếp bậc thượng căn. Trong luận này nói, “Tịnh độ duy tâm” là chân thật, chẳng phải quyền biến. Niệm Phật đến chỗ nhất tâm không loạn, đạt sâu lý nhiệm mầu, thế thì chẳng phải duy tâm là gì? Tịnh nghiệp của Tây Phương này đây, không phải phù hợp với giáo pháp chân thật hay sao?

Ở đây, Báo Giám trích dẫn lời luận bàn của ngài Tảo Bách về sự quyền và thật của Tịnh độ, chỉ là muốn chứng minh thêm nghĩa lý sâu xa của Liên Tông mà thôi.

*

Chương 3

NÓI VỀ NIỆM PHẬT, THAM THIỀN CẦU TÔNG CHỈ

Thiền sư Từ Giác Di nói: “*Niệm Phật chẳng ngại tham thiền; tham thiền chẳng ngại niệm Phật. Pháp tuy có hai môn, nhưng lý vốn đồng nhất*”.

Người thượng trí hễ làm gì đều không dính mắc vào Nhị đế, còn kẻ hạ trí đều nghiêng về một bên không có sự hòa hợp, cho nên sinh khởi nhiều sự phân tranh. Từ đó, người tham thiền chê bai niệm Phật, người niệm Phật bác bỏ tham thiền, đều là do chấp trước chân thật phỉ báng quyền biến, hoặc chấp trước quyền biến phỉ báng chân thật. Cả hai đều chưa thành đạo quả, mà đã đến Địa ngục trước.

Nên biết, căn cơ dù có sâu cạn, nhưng đều phải được chỗ thích nghi. Ví như người làm ruộng đâu thể giữ kho, người giữ kho sao có thể làm ruộng được. Nếu bảo người làm ruộng đi giữ kho, cũng như kẻ què leo núi; còn nếu bảo người giữ kho đi làm ruộng, cũng như đim người tài thành kẻ hèn, hoàn toàn không thích hợp. Chi bằng, kẻ làm ruộng hãy tự lo làm ruộng, người coi kho hãy tự coi kho, ai nấy đều

được vừa ý tùy theo sở thích của mình. Thế nên, người niệm Phật và tham thiền đều phải tìm cầu tông chỉ. “Núi khe tuy khác, trăng mây vốn đồng”.

Thật đáng gọi là:

*Chốn chốn liễu xanh kham buộc ngựa
Nhà nhà trước cửa thấu Trường An.*

*

Chương 4

TỊNH ĐỘ CHẴNG PHẢI THUYẾT QUYỀN BIẾN CHO HÀNG ĐỘN CĂN

Ngài Tư Phạm là giảng chủ của tông Thiên Thai, cư trú lâu dài nơi núi Lâm Bình, sự hiểu biết và tu hành sáng suốt cao vời, đạt sâu về giáo lý và quán chiếu, thấu suốt cội nguồn về pháp tánh và pháp tướng. Sư thường qua lại với các sĩ phu và đều giải đáp rõ ràng những câu hỏi của mọi người.

Một hôm, Thông phán Trịnh Công hỏi:

- Trong giáo lý nói rõ, niệm Phật A-di-đà

nguyện sinh về Tịnh độ, chỉ vì hàng độn căn nên mới dùng phương tiện quyền biến nói ra. Nếu là bậc thượng căn đốn ngộ, một khi vượt qua thì vào thẳng địa vị Phật. Sao lại nhờ vào Tịnh độ của đức Phật khác?

Sư đáp:

- Các bậc Cao đức trong tông Thiên Thai đều quả trách lời nói này. Bảo rằng: “Lúc đức Phật còn ở đời thì có Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền. Sau khi Phật diệt độ, thì có ngài Mã Minh, Long Thọ, Đại sư Trí Giả, Thiền sư Trí Giác ở cõi này, tất cả đều nguyện vãng sinh Tịnh độ. Vậy thì các Ngài đều là hạng độn căn hay sao? Nếu cho đây là giáo lý quyền biến thì lấy pháp gì làm chân thật?”. Thuở xưa, Lão Tôn Tân cũng nghi điều này, nhân gặp Dương thứ công là Vương Mẫn Trọng giải bày rõ ràng, nên liền dứt mối nghi ngờ ấy.

Tin pháp môn Tịnh độ này, chẳng phải sự lập bày quyền biến của Thánh nhân, mà là tông chân thật viên mãn. Chú tâm niệm Phật A-di-đà ắt vãng sinh Tịnh độ. Đó chính là lời nói chân thật xứng hợp bản tánh, chẳng phải là giáo lý quyền biến.

*

Chương 5

TỊNH ĐỘ TÔNG YẾU CỦA THIỀN SƯ CHÂN YẾT LIỄU

Phật A-di-đà, chúng sinh và tâm chẳng rời nhau, cả ba không khác biệt. Cực Lạc ở khắp mọi nơi, vừa nêu lên một thì đã thấu nhiếp hết toàn thể. Như mạng lưới có cả ngàn hạt bảo châu trên diện của Đế Thích, ánh sáng của ngàn hạt châu đều hiện trong một hạt châu, ánh sáng của một hạt châu chiếu khắp cả ngàn hạt. Tuy mỗi hạt, mỗi hạt phản chiếu qua lại lẫn nhau khắp cả, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, và hạt châu kia không phải là hạt châu này. Hòa lẫn nhau mà chẳng có tạp loạn, riêng biệt mà chẳng có phân chia, mỗi hạt đều rõ ràng trải rộng khắp cả, cũng không có chỗ nơi nhất định.

Tịnh độ của Phật A-di-đà tức là một trong ngàn hạt bảo châu. Mười muôn cõi Phật tức là một cõi Phật, đều là một trong ngàn hạt châu. Thánh nhân dùng phương tiện khéo léo dạy người chuyên niệm Phật A-di-đà, đó chính là ở nơi ngàn hạt châu mà chỉ thẳng một hạt châu. Thấy một đức Phật tức thấy chư Phật khắp mười phương, cũng là thấy tất cả chúng sinh trong chín pháp giới và biển thế giới nhiều như

cát bụi. Mười đời xưa nay, một ấn nhanh chóng viên mãn, hoàn toàn không còn thiếu sót pháp nào.

*

Chương 6

LỜI KHAI THỊ TỊNH ĐỘ THẬT KIẾN CỦA ĐẠI SƯ TỊCH THẤT

Người không tu Tịnh nghiệp nói:

- Những người tu tập Thiền định, ngộ tánh chân tông, hoặc nghe nói về Tịnh độ ắt bảo rằng Tịnh độ duy tâm. Tâm ta đã thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, cần gì mong cầu sinh về nơi nào khác!

Ngài Tịch Thất bảo:

- Trong kinh *Duy-ma* nói: “Đức Như lai dùng ngón chân ấn xuống đất, thì toàn cõi Ta-bà đều trang nghiêm thanh tịnh, nhưng mọi người trong chúng hội không thấy được, chỉ có Phạm vương Loa Kế biết được thôi”. Nay, những người nói rằng ngộ tánh có thể thấy được Tịnh độ như Phạm vương Loa Kế chăng?

Huống chi ông ở trong căn nhà thấp hẹp, liền mong muốn nhà cao cửa rộng; bữa ăn chỉ có canh rau đạm bạc, thì mong cầu sơn hào hải vị; y phục cũ xấu ắt mong muốn gấm vóc lụa là. Nếu bảo rằng: “*Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh*”, nhưng sao chẳng xóa tan sự phân biệt như thế? Vả lại, ngay khi gặp nổi khổ già, bệnh, chết, tình người trái ngược ở thế gian, thì vẻ mặt giống như người chưa ngộ. Như vậy, tuy miệng lớn tiếng nói rằng: “*Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh*”, nhưng thân lại bị phiền não đau khổ trong cõi uest trước ràng buộc. Như vậy, thật sự là tự dối mình. Không nên thế! Cần phải tin theo giáo lý mà tu tập về pháp môn Tịnh độ.

*

Chương 7

LỜI KHAI THỊ NIỆM PHẬT SỰ LÝ KHÔNG HAI CỦA LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ

Sư từng viết lời tựa cho quyển *Tịnh Độ Tập* của Pháp sư Từ Huệ Văn, sơ lược như vậy: “*Người học Phật xưa nay, phần nhiều lầm*

Thích Minh Thành dịch

lẫn giữa Sự và Lý. Bảo rằng: “Lý thì mảy trần chẳng lập; Sự thì vạn tượng sum la. Lắng tâm trụ nơi lặng lẽ đó là Lý, động dụng tu hành đó là Sự”. Bèn dẫn lời người xưa: “Chỗ Lý chân thật chẳng nhận mảy trần, trong cửa Phật, Sự chẳng bỏ một pháp”. Đây chính là lập ra việc đối nghịch giữa Sự và Lý, cùng rong ruổi nơi có và không. Tôi từng đổi lời nói ấy thành “chỗ Lý chân thật chẳng thiếu mảy trần. Trong cửa Phật, Sự chẳng còn một pháp”. Tại sao? Vì Lý chân thật gồm đầy đủ tất cả pháp, lẽ nào lại thiếu một mảy trần? Còn trong cửa Phật, Sự thì lìa tất cả tướng, lẽ nào lại còn một pháp? Như thế, mới thấy Lý Sự như một, có không chẳng hai”.

*

Chương 8

NIỆM PHẬT TÔNG YẾU TRONG LỜI TỰA PHÁP MÔN TỊNH HẠNH CỦA PHÁP SƯ VĂN

Phàm thấu suốt hữu tâm nơi vô tâm, biết rõ vô niệm nơi hữu niệm, chẳng trụ nơi có không thì năng sở đâu còn. Thế nên, niệm niệm tròn sáng, tâm tâm rỗng lặng. Nếu không

rõ ý chỉ này, thì pháp nào cũng đều trở thành lầm lỗi. Còn khế hợp tông chỉ, thì môn nào cũng đều thông suốt.

Nay, có thể nói rõ về sự tu hành viên mãn không trái với chỗ chân thật, khiến cho những kẻ vác nặng đi xa trút bỏ được gánh nặng xuống, những người trôi nổi trong biển mê mau chóng bước lên bờ giác. Muốn cầu sinh về Tây Phương thì không gì hơn môn Quán Tưởng Niệm Phật⁶¹.

Tôi vì người tu Tịnh nghiệp đã trích dẫn sơ lược về đại cương trong kinh luận, trước tác thành quyển *Pháp Môn Tịnh Hạnh Tây Phương*, chỉ rõ đường lối tu hành, giúp mọi người hiểu được yếu chỉ. Nếu có người đã đọc sách này rồi mà vẫn còn không phát

⁶¹ **Quán Tưởng Niệm Phật:** ngôi ngay thẳng, chuyên tâm chánh niệm quán tưởng tướng hảo trang nghiêm của thân Phật, là một trong bốn cách niệm Phật được nói trong *Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sơ Sao* của ngài Tông Mật.

Theo kinh *Quán Phật Tam-muội Hải* quyển 9, 10 và kinh *Tọa Thiền* quyển thượng, nếu chuyên quán 1 trong 32 tướng của Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong 90 ức na-do-tha hằng hà sa vi trần số kiếp; nếu quán tướng hảo của toàn thân Phật thì phải ngôi ngay thẳng và chính thọ buộc niệm nơi thân Phật, không nghĩ đến các pháp khác như: đất, nước, gió, lửa... thường chỉ nhớ nghĩ thân Phật, thấy chư Phật ở ba đời mười phương đều ở ngay trước mắt, thì diệt trừ được tội chướng của vô lượng kiếp.

Ngoài ra, quán tưởng niệm Phật có Nhất tướng quán, Đa tướng quán, Toàn tướng khác nhau.

Thích Minh Thành dịch

khởi lòng tin tu hành, thì khác nào kẻ lao thẳng xuống hầm xí, toàn thân lún sâu mà muốn người cứu vớt. Biết làm thế nào được!

*